

DA HỌC
P
2

PHO
THONG
BAN
NGUYET
SAN

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

Lục Vân Tiên

dẫn giải

— ĐÌNH-XUÂN-HỘI —

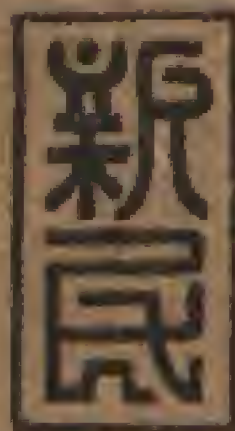
NHAN TRƯ TÂM

Số 1

LỚP MỚI

UILLET

1943



Số này : 1850

Chàng 1 số

là một

Chuyên San

Phô Thông Chuyên San

TÂN-DÂN XUẤT BẢN PHÁT HÀNH

Phổ Thông Chuyên San

Kể từ 1er Juillet 1943, Phổ-Thông Bán-Nguyệt-San ra thêm một loại mới, mỗi tháng một tập

Mỗi tập là một chuyên-san về
văn-học, sử-học hay triết-học

Mục đích là phổ thông trí thức, gây dựng một kho tài liệu thiết yếu cho tủ sách của người học thức

Số trang mỗi tập không nhất định. Giá bán không nhất định. Loại «chuyên-san văn-học sử-học triết-học» này in giấy dó-pha, rất bền.

Chương-trình biên-tập

Những chuyên-san phổ-thông văn-học

Đem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình; biên tập tiểu truyện của tác giả, nếu có thể lại soạn cả niên phổ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà, lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Trần Hưng Đạo, Lê Quý Đôn, Chiêu Hồ, Lý Văn Phức, Đoàn Thị Điểm, Thanh Quan, v.v. và của Tàu như Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Tào Thục, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Xương Lê, Tô Đông Pha, Lương Khôi Sâu, Hồ Thích v.v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn đề văn học, phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

Những chuyên-san phổ-thông sử học

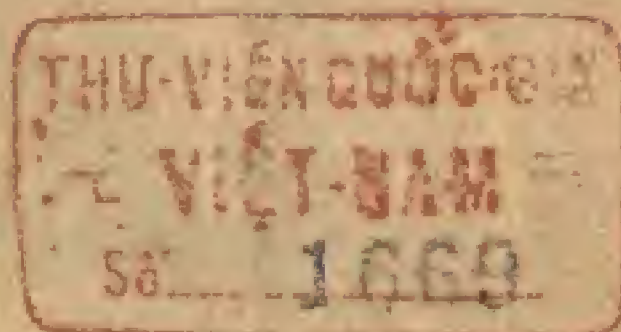
Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như : Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến chương, Lê triều dã sử, Lê quý kỷ sử, Cổ Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê Ngọc Phổ, Trịnh gia thế phả, Gia định thông chí, Thoái thực ký văn, Bắc hành lược ký, Phủ biên lục, Kiến văn tiểu lục, v.v.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

L U C V A N T I Ê N

DẪN GIẢI

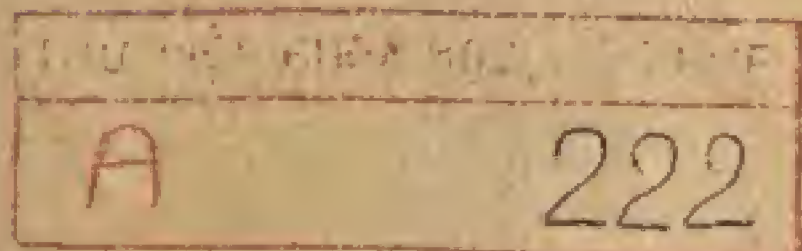
-ĐÌNH XUÂN HỘI -

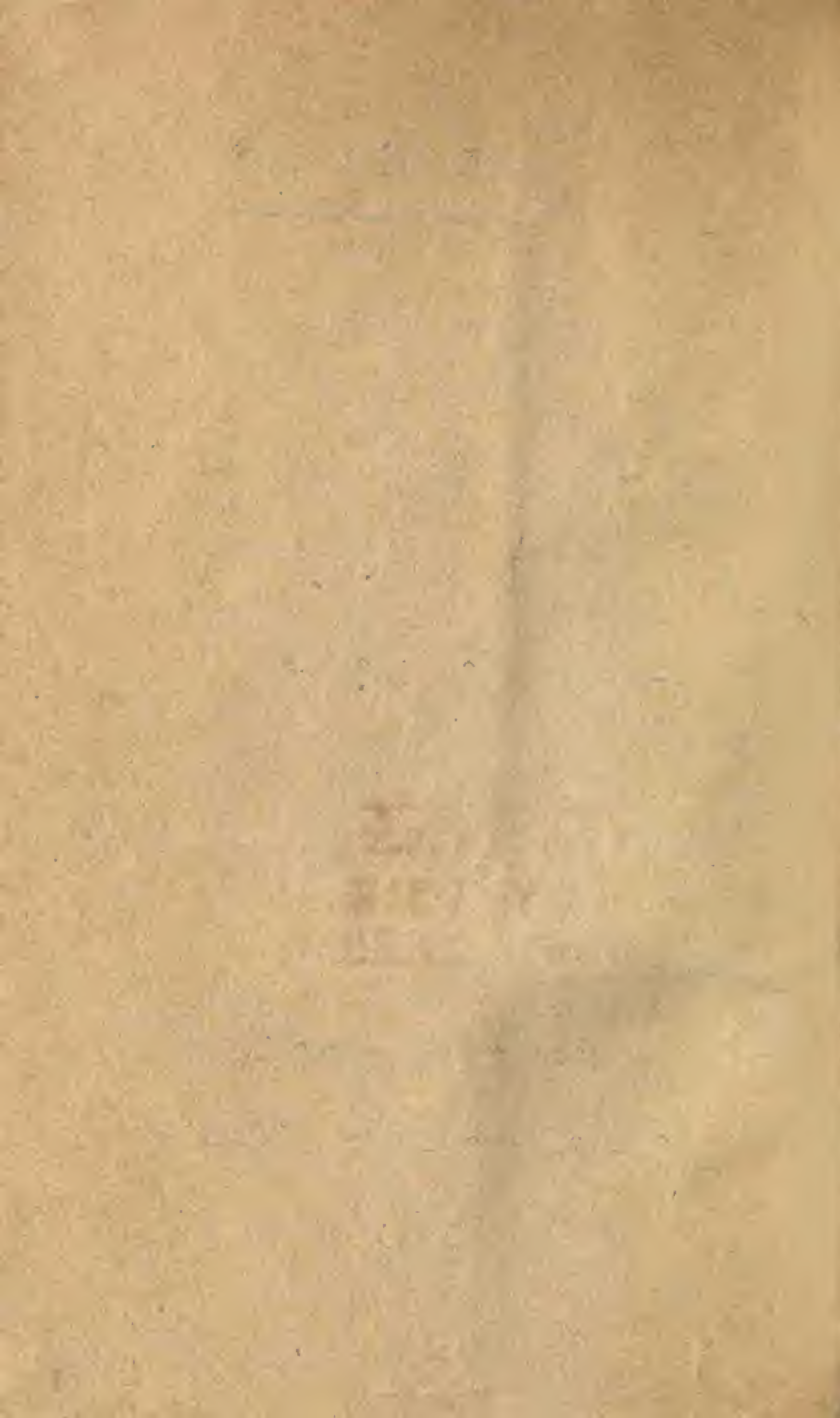


PHỔ-THÔNG CHUYÊN-SAN

TAN-DÂN XUẤT-BẢN PHÁT HÀNH

1943





TỰA

Bữa tiệc ở cao lầu ngon thời ngon thật nhưng ngon một cách có ý-vị không gì bằng đồ lạt, của nhà sư; sân chơi ở gác phổ vui thời vui thật, nhưng vui một cách có tình tứ, không gì bằng nhà mát của dật-sĩ. Bởi vì đồ lạt có ý-vị thanh-đạm, đồ dễ kiếm mà ăn dễ tiêu, không phải như đồ cao lầu mất mỗ mà cũng có lúc nặng-nề cho tì-vị; nhà mát có tình tứ an-nhàn, nhà dễ làm mà ở dễ chịu, không phải như sân gác phổ hẹp hòi mà cũng có khi rộn-rục cho tinh thần.

Nghề làm văn cũng vậy, cách thưởng văn cũng vậy. Văn hay có nhiều cách, đọc văn cũng phải hiểu nhiều cách; có cách hay, vì lời văn mỹ miều, lại có cách hay vì ý văn náo nùng, lại có cách hay vì lẽ văn bình dị thiết thực. Lời mỹ miều, lối náo nùng chỉ thích hợp cho các nhà văn chương đại loại; mà lối bình dị thiết thực lại là thích hợp cho hết các hạng người,

bởi vì lối văn kể sau này, thời đọc đã dễ hiểu mà khi làm lại dễ bắt chước vậy.

Trong rừng quốc văn ta có nhiều quyển rất giá trị, phần nhiều là văn vần. Song có ba quyển có giá trị nhất, có ảnh hưởng to tát cho quốc văn tương lai, là truyện Kiều của cụ Nguyễn-du, khúc Cung-oán của cụ Ôn-như và truyện Lục-vân-Tiên của cụ Nguyễn-dinh-Chiêu. Nay xét văn của ba quyển ấy, thời mỗi quyển hay về mỗi cách: truyện Kiều thời hay về lối văn mỹ miều, khúc Cung-oán thời hay về ý văn náo nùng còn truyện Lục-vân-Tiên thời hay về lẽ văn bình dị thiết thực.

Người ta đã biết hưởng văn thời ai cũng đều khen truyện Kiều và khúc Cung-oán là hay mà hoặc cũng có kẻ phản nản rằng: văn Cung-oán khó hiểu và văn truyện Kiều cũng khó bắt chước, thế thời bá nhân bá tánh cũng khó vừa lòng, ăn tiệc biết ngon mà còn chê đồ khó tiêu, xem cảnh biết vui mà còn e nổi khó chịu vậy. Nói đến văn Lục-vân-Tiên, mỹ-miêu vẫn không được như truyện Kiều, náo nùng vẫn không được như Cung-oán, mà về lối bình dị thiết thực lại có một phần đặc tính hơn hai quyển kia. Chẳng những như thế mà thôi đâu. Văn Lục-vân-Tiên lại là một quyển tiểu thuyết tả đủ hạng người ở trong xã hội và dạy hết các đường luân lý trên

đời, thiết là một cái nhà mát có đủ cảnh và một thứ đồ ăn có món vậy. Nền trong quốc văn ta cũng có một đôi quyển văn như quyển Quan-âm thị Kinh, lối văn giản dị vẫn không khác gì quyển Lục-vân-Tiên, mà so về cách đủ lối đủ điều thời còn sót quyển Lục-vân-Tiên nhiều vậy. Nay thử trích các đoạn văn đọc xem !

Văn tả cảnh thời :

*Trông chừng mấy dặm quan sơn,
Gió tây rây đã đưa xuân sang hè.*

*Buồn xem dặm liễu đường hòe,
Tin ong ngơ ngẩn tiếng ve vang rầy.*

*Buồn xem nước nọ non này,
Nước xao sóng dợn, non vầy đá cao.*

*Trải qua mới mặt biết nào,
Trên ngành chim nói dưới ao cá cười.*

*Trải qua đôi khóm cảnh người,
Cảnh xanh như vẽ người tươi như đời.*

Tả cảnh như thế, thiết thực lại có gì bằng !

Văn tả tình thời :

*Thương vì người đứng anh-tài,
Nghề văn nghiệp võ nào ai sánh cùng.*

*Thương vì đèn sách có công,
Bốn phương chưa được tang bồng một câu.*

*Thương vì hai tám tuổi đầu,
Người đời như bóng phù-du lỗ-làng.*

Thương vì chưa được hiền-vang

Nước trời hoa giọt, sớm tàn công-danh,
 Thương vì đôi lúa chưa thành,
 Vô hương bát nước ai dành ngày sau.
 Năm canh lăm-tă hạt châu,
 Đoái nhìn bức tượng ruột đau như dôi.

Tả tình như thế, giản-dị lại có gì bằng !
 Tả các hạng người thời nói về ông quán :

Quán rằng . « Nghiêu Thuấn thuở xưa,
 « Khó ngăn Sào-Phủ khôn ngừa Hứa-Do.

Di Tề chẳng tính giúp Chu,
 « Một mình một núi ai hầu chi ai.

« Ông Y Ông Phó ôm tài,
 « Kể cày người cuốc đoái hoài chi đâu.

« Thái-công xưa một cần câu,
 « Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi.

Nghiêm-lăng đã mấy đua bơi,
 Áo tơi một tấm cho trời bóng dàu,
 Trần-đoàn đã mấy lo âu,

Gió trắng một gối công hầu chiêm bao,

Người nay có khác xưa nào,
 Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngăn.

Nói về ông chài :

Lão nhờ bọt nước cũng hơn,
 Những câu danh lợi chẳng sờn lòng dầy.

Tiểu dài quyền ngăn vui vầy,
 Đêm kia hương gió tối này chơi trăng.

Ngày ngày thông thả làm ăn (ăng),
 Khi thời chài lái, khi giăng câu dằm.

Nghêu ngao nay bến mai đầm,
 Một bầu trời đất vui thắm ai hay.
 Kinh luân đã sẵn trong tay,
 Ngửa nghiêng trong nước vui say trong trời.
 Thuyền lan một chiếc ở đời,
 Tắm mưa chải gió giữa vời Hàn-giang.

Nói về ông Tiều :

Tiều rằng : Ta vốn chẳng dùng,
 Một mình ngao-ngán non tùng hôm mai.
 Tấm lòng chẳng muốn của ai,
 Lộc cây gành vác hai vai nặng nề.
 Bạn bè cùng với lộc mê,
 Sớm đi vượn rước, tối về thỏ đưa.
 Mặc dầu bữa đói bữa no,
 Ai ngăn đòi nợ, ai giữa bãi sru,
 Trong mình lánh việc công hầu.
 Sớm mai non lịch mặc dầu vui say,
 Quán như thế, Ngư như thế, Tiều lại
 như thế thật là an thường thủ phận vui
 cái thú thiên nhiên của trời.

Nói về thầy thuốc :

Ngang rằng lục bộ dầu tan, (tang),
 « Bộ quan bên tả mạch ngang phù-hồng,
 « Cự trong sách trước mà thông,
 « Mệnh môn tướng hỏa đã xông lên đầu.
 « Tam tiêu tích nhiệt đã lâu,
 « Muốn cho giáng hỏa phải dầu tư-âm.
 « Hoàng liên, Hoàng bá, Hoàng cầm,
 « Ra vào cho hội nhiệt tâm mới bình.

« Ngoài thời cho điểm vạn-linh,
 « Trong thời cho uống hoàn linh mới xong.
 « Khá trao hai lạng bạc ròng,
 « Bỏ thêm vị thuốc-để phòng đầu thang.

Nói về thầy bói :

Bói rằng « Đinh Mão năm nay,
 « Hèn chi giáp-tý ngày rày chẳng an (ang).
 « Mệnh Kim lại gặp cung Càn (càng),
 « Tuổi này là tuổi giàu sang trên đời.
 « Có đâu buồn bán xa xôi,
 « Sao người khéo kiếm những lời trêu ta ?»
 « Cầm liền gieo xuống xem qua.
 « Một giao, hai sách mà ba hào trùng.
 « Trang thành ra quẻ lục-xung,
 « Thấy hào phụ-mẫu khắc cùng tử-tôn.
 « Hóa ra làm quẻ du-hồn,
 « Lại thêm thể động khắc dồn lối quan (quang)
 « Cứ trong quẻ ấy mà bàn (bàng).
 « Tuổi này mới chịu mẫu tang ở mình.
 « Xui nên mang bệnh thình-linh,
 « Vì chưng ma quỷ lộ trình rất thiêng.
 « Muốn cho bệnh ấy dặng yên (iêng).
 « Phải tìm thầy pháp chữa chuyên cho rày.

Nói về thầy cúng :

Pháp rằng : « Cốc cốc hô liên,
 « Mời ông Bàn-cổ tọa-tiên chứng-minh.
 « Mời ông Đại-thánh tề-thiên. (thiên),
 « Cùng bà Võ-hậu đều liền tới đây,
 « Mời ông Nguyên-soái chính-tây,

« Cùng bà Xiếu-mẫu sum vầy một khi.

« Mời ông phật tổ Đà-di,

« Cùng bà Cố-hỷ đều vi hai phòng.

« Mời bà Công-chúa ngũ-long,

« Bình-nam Ngũ-hồ hội đồng gien dinh.

« Lại mời thiên tướng thiên binh,

« Mời vi Tam-phủ Động-dinh Xích-lân.

« Mời đà khắp hết quỷ thần,

« Đem nhau xuống chốn hạ-trần đi chơi.

« Cho người ba đạo bùa trời,

« Lống vào mạnh khỏe như lời chẳng sai».

Thuốc như thế, bói như thế, cùng lại
thế khéo là bày việc kiếm ăn, nghĩ cuộc
đời đảo-diên mà ngán.

Kẻ tội gian nịnh của Thái-sư thời :

Hay là Đồng-trác mưu sâu,

Nuôi thẳng Lã-bố phòng ầu Hán quyền.

Hay là Nguyên-tái mưu riêng,

Nuôi thẳng Thôi-ngạn mong chuyên nhà
Đường.

Hay là Yên-thạch thói gian,

Nuôi thẳng Tần-biên phòng toan Tống triều.

Kẻ lời dâm tà của Bùi-Kiểm thời :

Hồ-dương xưa mới hóa chồng,

Hơi còn nhan sắc Tống-công cũng vừa.

Hạ-kỳ kết rủ thuở xưa,

Sớm đưa Doãn-phủ, tối giữa Trần-quân.

Hán xưa Lã-hậu đương xuân,

Sánh cùng Cao-lỗ mấy lần Tự-ky,

Đường xưa Võ-hậu còn ghi,
Xương-tôn khi trẻ Tái-tý lúc giờ.

Tả gian nịnh thời thật là gian nịnh, tả
đứa dâm tà thời thật là dâm tà, điển-tích
tuy có hơi khô khan, mà lời vẫn đọc qua
thời dễ hiểu.

— Lấy tấm lòng thương ghét mà phân
việc xưa nay thời :

Ghét đời Kiệt Trụ đa dâm,
Đề dân đến nỗi sa hãm xảy hang.

Ghét đời U Lê đa-đoan, (đoang).
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.

Ghét đời Ngũ bá phân vân,
Loạn thần đã liếm, phượng dân nhọc nhằn.

Ghét đời Thúc-qui phân băng,
Sớm đầu tối đánh làng quàng rối dân.

Thương là thương đức thánh nhân,
Khi về nước Lỗ điều trần đạo vương.

Thương thầy Nhan-tử dõng giang,
Ba mươi hai tuổi tiếc đường công danh.

Thương ông Gia-cát tài lành,
Gặp khi Hán-mạt đã đánh phối-phá.

Thương thầy Đồng-tử cao xa,
Chỉ thời có chỉ ngồi mà không ngồi.

Thương người Nguyên-lượng ngùi ngùi,
Đã hay giúp nước lại lui về cây.

Thương ông Hàn-tử chẳng may,
Tối dâng tờ biểu sớm đây đi xa.

*Thương thầy Liêm lạc đã ra,
Vừa trời rối loạn về nhà dạy dân.*

Kẻ hữu tài mà thất thời phải vè, thiệt là đáng thương, kẻ bất-nhân mà đắc thời làm cán, thiệt là đáng ghét. Thương ghét mà chỉ theo lẽ phải, không có lòng riêng, mới là công-luận muôn đời, đủ làm gương cho hậu-tiến.

Lối văn như thế kẻ không hay hết, đọc không hay cùng; nay chỉ tóm lại một câu:

*Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

Truyện này từ gót chỉ đầu, thiệt là một truyện luân-lý.

— Lúc Vân tiên tạ thầy đi thi thời

*Than rằng: Thiên các nhất phương,
Thầy vương đoạn thắm, tớ vương đoạn sầu;
Quần bao mình trẻ dãi dầu,
Mang đai Tử-lộ quấy bầu Nhan-gén.*

Trò ở với thầy như thế thiệt là có nghĩa.

— Lúc Vân-tiên gặp tang trở về thời :

*Tầm quan mà lại gặp tang,
Ngăn ngơ người ở lỡ làng người đi.*

*Một mình trời đất nài chi,
Sao đời vật đổi còn gì mà mong*

Con ở với mẹ như thế, lại là chí tình.

— Còn lúc Nguyệt-nga thờ tượng Vân-tiên thời :

Trăm năm cho trọn chữ lòng,
 Sống sao thác vậy một chồng mà thôi.
 Đến lúc Vân-tiên lại gặp Nguyệt-ngà thời :
 Mấy lời thệ hải minh sơn,
 Mang ơn trước phải tạ ơn cho rồi.

Vợ chồng ở với nhau như thế, cũng là
 hiếm có.

Dầu lúc Nguyệt-ngà phải cống Hồ mà ra
 đi :

Mà lúc nhảy xuống sông thời :
 Một vì ngay chúa hai vì thảo cha.
 Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng.
 — Và lúc ở nhà Bùi-kiệm trốn đi thời :
 Làm thân con gái chữ trinh làm đầu.

Một người con gái như thế, thiệt là
 trung hiếu và trịnh-chính đủ điều.

— Còn đến tình Tử-trực ở với bạn thời :
 Vợ Tiên là Trục chị dâu,
 Chị dâu em bạn có đầu lỗi nghi.

— Tình Tiều-dồng ở với thầy thời :
 Tưởng tình sư đệ quá ưa,
 Cũng vì họ Trịnh thuở xưa mưu thâm.

Tình bầu bạn, tình thầy tớ ăn ở như thế,
 lại là một gương luân-lý to-tát cho xã-
 hội.

Văn Lục-vân-Tiên là một thể văn đại-
 gia mà không phải một lối văn tiểu-xảo ;
 nên đọc truyện Lục-vân-Tiên thời phải

nguyên-thủy yếu chung mới được, còn tâm chương trích-củ thời không xong. Nay đã nói đến văn thời cũng phải nói đến lịch-sử tác-giả là thế nào, mới biết cái mối cảm tình của tác-giả để soạn thành văn ấy.

Tác-giả là ai ? Là cụ Nguyễn-đình-Chiều. Cụ người ở Nam-kỳ tục gọi là cụ Đồ-chiều, sanh lối năm 1825 tại Sài-gòn, cha mẹ cụ gốc người Thừa thiên, có di-trú tại Huế. Cụ thuở bé học hành tại Huế; năm 1843, cụ thi đậu tú-tài tại Sài-gòn.

Mà hỡi ôi ! ba năm sau phải đau mà chịu mù hai mắt. Bọn học sanh tỉnh Biên-hòa tới xin cụ lập trường dạy học, cụ liền lập trường tại Bình-vi. Ôi mắt đã tối rồi mà thân còn có ích cho xã-hội ! Lúc nhận lại bảo người nhà đem truyện Tây-minh mà đọc, cụ nghe mà thấy trong ấy có nhiều tình-cảnh như cái tình cảnh của cụ đã gặp được. Mới sinh cái thương tâm vô-hạn và soạn ra bộ Lục-vân-Tiên.

Trong khoảng mấy năm 1845-1870, gặp lúc binh qua, cụ cũng có cần vương khí nghĩa. Nhưng lúc cụ đã biết thời thế khó khăn, cụ mới an lòng về tại Ba-tri hạt Bến tre mà ở ẩn; lập trường giảng sách, học trò cụ càng ngày càng đông. Tiếc thay một người kiêm cả đức cả tài, mà hai mắt đã

mà rồi hai tai cũng lần lần thành ra điếc !
 Tin thắm ấy đồn ra cho nhà nước hay
 đăng, mới tính giúp cho cụ một số tiền để
 thưởng công một nhà thi-sĩ như cụ, đăng
 an lúc tuổi già. Nhưng cụ từ chối không
 lãnh mà trả lời rằng : Rất cảm tình nước
 chiều cố, xin ở an với học trò và cũng có
 dư chút đỉnh để điều đình ngày tháng thôi.
 Đến đây mới biết cái phẩm người của cụ,
 thật như lời cụ nói về ông Ngự, ông Tiểu
 và ông Quán trong truyện Lục-vân-Tiên.

Lối năm 1885, cụ đã yếu quá, cụ chẳng
 còn ham muốn gì nữa, đến quyền Lục-vân-
 Tiên, cụ cũng không ngó tới nữa !

Mục đích cụ làm truyện Lục-vân-Tiên
 là để dạy người nhà và học trò của cụ, chớ
 chẳng phải chủ ý luyện-tập văn-chương
 để làm nền quốc văn cho ta. Dầu vậy mặc
 lòng, câu văn luân-lý của cụ cứ truyền bá
 lần lần, chẳng những người trong nước
 ham coi, mà người ngoại quốc cũng muốn
 hiểu.

Người Pháp sang ta mà biết thưởng văn
 ta có hai người là ông Abel des Michels và
 Eugène Bajot đều lấy truyện Lục-vân-Tiên
 mà dịch ra chữ Pháp, trước quyền sách lại
 có một đoạn lý-dịch của cụ Nguyễn-đình-
 Chiểu. Quý hóa thay cụ Nguyễn-đình-Chiểu,
 về vâng thay truyện Lục-vân-Tiên ! Người

nước Pháp mà hãy còn ung ! Nghĩ nực cười thay cho bạn thiếu-niên, lấy làm thường làm dễ !

May thay gần đây sách quốc văn ngày một in thêm ! Truyện Lục-vân-Tiên đã có hai bản chữ nôm của nhà Liễu-văn-Tường và nhà Tụ-văn-Tường xuất bản, lại có nhiều bản quốc ngữ của nhà Long-quang, nhà Kim-khai và nhà Mạc-đình-Tư ấn hành. Nhưng theo thiên-kiến của tôi thời truyện này là truyện của người đương trong, tiếng nói theo thổ-âm và lối văn lại theo cổ cách ; hai bản chữ quốc ngữ lại theo thời văn mà thay đổi quá nhiều, đối với phương diện bảo tồn quốc-túy và phương-diện chấn-hưng quốc-văn, hai phái đều có khuyết-diểm.

Nay tôi dung hòa cả hai phái để làm sách dẫn-giải của truyện Lục-vân-Tiên : Đoạn trên thời chép câu nguyên văn theo các bản chữ nôm, đoạn dưới thời phụ căn thời-văn theo các bản quốc-ngữ, lại những tiếng trong Nam ngoài Bắc nói có khác nhau như ăng là ấn, ang là an, v. v. cũng phụ chú vào luôn thể. Còn những điển-tích dùng trong truyện này hoặc bằng quốc âm hoặc bằng Hán-tự thời đều tìm kiếm mà chú thích cho được rõ ràng.

Mong rằng các nhà xem văn, đề lòng tra xét mà tán trợ thêm cho, thời may cho hậu vận quốc-văn ta nhiều lắm.

Hỏi những cậu học sinh cao đẳng tiểu-học ! hãy đem văn truyện Lục-vân-Tiên nước Ta mà so sánh cùng văn tiểu thuyết các nước, xem cái văn này có giá trị cùng không ?

Viết tại Huế mùa xuân năm

Bảo-đại thứ 5

ĐÌNH XUÂN-HỘI

LỤC-VÂN-TIÊN TRUYỆN DẪN-GIẢI

1. Trước đèn xem truyện Tây-minh, (1)
- Gãm cười hai chữ nhân-tình éo le. (2)
3. Ai ai lẳng lẳng mà nghe,
- Dữ dãn việc trước, dành lẽ thân sau. (3)
5. Trai thời trung hiếu làm đầu, (4)
- Gái thời tiết hạnh là câu trau mình. (5)

Đoạn 1 (Câu 1-6)

Nhân khi thanh thả, xem truyện Tây-minh, nhân-tình éo-le, nghĩ mà ngán nỗi ! Sinh ở đời người nào cũng vậy, phải nên răn điều dữ mà làm điều lành ; làm trai giữ chữ hiếu-trung, làm gái chăm bề tiết hạnh, nếu có biết tu-nhân tích-dức, thời trời xanh nào có phụ ai.

(1) Tây-minh là tên một truyện tiểu-thuyết Tàu.

(2) Nhân-tính là tính người đời. Éo-le là độc hiểm.

(3) Rắn việc dữ mà tính điều lành.

(4) Trung là ngay với vua. Hiếu là thảo với cha mẹ.

(5) Tiết hạnh là nết ở trinh tiết cùng chồng. Trau-minh bởi chữ tu-nhân, là nói sửa sang nết ở trong mình.

II

7. Có người ở quận Đông-thành, (1)

Tu nhân lịch đức sớm sinh con hiền. (2)

9. Đặt tên là Lục-vân-Tiên,

Tuổi vừa đôi tám, nghề chuyên học hành. (3)

11. Theo thầy nấu sủ xôi kinh, (4)

Tháng ngày bao quản công trình lao đao. (5)

13. Văn đà khởi-phượng đằng-dao, (6)

Võ thêm tam lược, lục thao ai bì. (7)

Đoạn II (Câu 7-14)

Ngày xưa bên Tàu, ở quận Đông-thành, tỉnh Yên-huy, có người nhân đức, sinh được con hiền, đặt tên là Vân-Tiên, nối dòng họ Lục. Vân-Tiên đến mười sáu tuổi, chuyên việc học hành, nghề văn hay, mà nghề võ cũng giỏi.

(1) Đông-thành là tên một quận đặt ra từ đời Tần, tức là phần đất huyện Ninh-viễn tỉnh Yên-huy Tàu bây giờ.

(2) Tu-nhân tích-đức là do giữ lòng lành, đạo phải để dành cho con cháu.

(3) Hai tám là mười sáu.

(4) Sử là bản sách chép chính sự các đời vua. Kinh là bản sách chép đạo-lý các thánh hiền. Nấu và xôi là học cho thuộc chín.

(5) Công-trình lao-đao là công phu khó nhọc.

(6) Khởi-phượng dâng-dao lấy chữ trong bài văn ông Vương-bột, khen văn chương của Mạnh-học-Sĩ có tài hoa, như lông chim phượng nổi lên nhiều vẻ và bóng con dao chiếu lên rạng ngời.

(7) Tam lược là tên một bản sách ba quyển, nó vẽ ba chức (thượng, trung và hạ) cầm quân đánh giặc. tương truyền là của ông Hoàng-thạch cho ông Trương-lương. Lục-thao là tên một bản sách sáu quyển, nói về sáu cách ra trận : văn-thao, vũ-thao, long-thao, báo-thao và khuyến-thao.

III

15. Xây nghe mở hội khoa thi,
Vân-Tiên vào tạ Tồn-sư ra về : (1)

17. « Bảy lâu cửa thánh dựa kê ; (2)

« Đã tươi khí-tượng, lại xuê tinh-thần. (3)

19. « Nay đã gặp hội phong-vân, (4)

« Người người ai cũng lập thân buổi này.

21. « Chỉ lắm bản nhạu bên mây, (5)

« Danh tôi đã rạng, tiếng thầy đồn xa.

23. « Làm trai trong cõi người ta,

« Trước lo báo bổ, sau là hiền-vinh. »

(vang) (6)

25. Tôn-sư khi ấy luận bàn ; (bằng)

Gấm trong sổ-hệ khoa-tràng còn xa. (7)

27. « Mấy lời chẳng dám nói ra,

« Xui thầy thương tớ, xót xa trong lòng.

29. « Sau dầu tỏ nỗi đục trong, (8)

« Phải cho một phép đề hồng độ thân. (9)

31. « Rày con xuống chốn phong trần, (10)

« Thầy cho ba đạo bùa thần đem theo.

33. » Chẳng may mà gặp lúc nghèo,

« Xuống sông cũng vững, lên đèo cũng an. »

(ang)

Đoạn III (Câu 15-34)

Vừa năm nhà nước mở khoa thi, Văn-Tiên vào trình thầy học đề xin về đi thi, trước lo báo bổ công ơn, sau được hiền-vinh thân-thế. Khi ấy ông thầy tính xem vận-hạn, mới biết Văn-Tiên còn đương gặp lúc truân chiên, khoa bằng bởi còn chặm đậu ; nhưng vì cơ trời không dám lộ, nên

chỉ nói qua cho biết mà thôi, và đưa cho ba đạo bùa thần, để hộ thân những khi khốn-đốn.

(1) Tôn-sư là ông thầy mà các học trò tôn suy lên để học theo.

(2) Cửa thánh bởi chữ thánh-môn trong sách Mạnh-tử, là nói chơi cửa ông thánh thời biết đạo-đức là rộng.

(3) Xnê là giòn đẹp.

(4) Phong-vân là gió mây, thường dùng để ví người ta gặp vận hiền đạt như gặp được gió mà rồng gặp được mây.

(5) Bắn nhận bên mây lấy tích đời Đàng, nhà sư Huỳnh-trang ở chùa Từ-ân dựng một cái tháp rất cao, có con chim nhện bay qua chạm lấy đỉnh tháp mà rơi xuống, mới đặt tên cái tháp ấy là Nhận-tháp. Dưới tháp có bia, tên các Tiến-sĩ đời ấy đều đề vào đó. Câu này ý nói mong thi chèo đậu.

(6) Báo-bồ là trả nghĩa đền ơn, Hiền-vinh và vẻ vang sung-sướng.

(7) Số-hệ là vận mệnh suốt đời người ta tốt hay là xấu.

(8) Đục trong ở đây cũng như vôi xấu tốt, phải trái.

(9) Hộ-thân là giữ-gìn thân-thể.

(10) Phong-trần là gió bụi, tả cảnh lao-đao cực-khổ.

IV

35. Tôn-sư vào chốn hậu-đường, (1)
 Vân-Tiên'ngơ-ngần lòng càng sinh nghi :

37. « Chẳng hay mình mắc việc chi ?
 « Tôn-sư người dạy khoa-kỳ còn xa.

39. « Một là bối-rối việc nhà,
 « Hai là đức-bạc ba là tài-sơ. (2)

41. « Bấy lâu ra sức thi thư, (3)
 « Hội này chẳng gặp, còn chờ hội nao ?

43. « Thịnh suy chẳng biết làm sao ? (4)
 « Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho mình.

45. « Vào chơi cho tỏ sự-tình,
 « Vậy sao nghìn dặm đặng-trình mới an. (5)

47. Tôn-sư ngồi hãỉ thở than, (thang)
 Trông ra trước án thấy chàng trở vô.

49. Hỏi rằng : « Vạn-lý trình-đỗ, (6)
 « Con chưa cất gánh, còn vô việc gì ?

51 « Hay là con hãỉ hồ-nghì, (7)
 « Thấy bàn một việc khoa-kỳ còn xa ! »

53. Vân-Tiên nghe nói liền thưa :
 « Tiểu sinh chẳng biết nắng mưa lúc nào ? (8)

55. « Xuân huyên tuổi học đã cao. (9)
 « Xin thầy bầy tỏ âm hao cho tường ! (10)

57. « Tôn-sư nghe nói thêm thương,
 Đặt tay ra chốn tiền-đường xem trăng. (11)

59. Nhân cơ mưu sự dặn rằng : (12)
 « Việc người chẳng khác mặt trăng trên trời

61. « Tuy rằng soi khắp nơi nơi,
 « Khi mờ, khi tỏ, khi vơi, khi đầy.

63. « Sau con cũng sáng việc đời,
« Lừa là thầy phải cặn lời làm chi.

65. « Sau con hai chữ khoa-kỳ,
« Đầu-tinh đã rạng, tử-vi thêm hòa: (13)

67. Hiềm vì ngựa hầy còn xa, (14)
« Thổ đá lộ bóng, gà đà gáy tan. (lang (15)

69. « Bao giờ cho tới bắc-phương, (16)
« Bao giờ gặp chuột ra đường nên danh (17)

71. « Sau đầu đăng chữ hiền-vinh,
« Mấy lời thầy nói tiền-trình chẳng sai. (18)

73. « Nhớ câu bỉ-cực thái-lai, (19)
« Giữ mình cho vẹn việc ai chẳng sờn. » (20)

75. Vân-Tiên vội-vã tạ ơn.
Trăm năm xin gắn keo sơn một lời (21)

Đoạn IV (Câu 35-76)

Nói rồi thầy trở vào nhà sau, Vân-Tiên nghe mà ngao ngán ; nghĩ thầy dạy thế, chẳng hay mình mắc việc chi : Hoặc là việc nhà, hoặc là đưc tài không có. Công bấy lâu luyện tập, chẳng năm nay thời năm nào. Nên chàng mới trở vào đề hỏi lại. Lúc ấy ông thầy đương ngồi nghĩ ngợi, bỗng chốc chàng trở vô, mới hỏi sao chưa đi mà còn vào làm gì nữa ; Vân-Tiên mới nói : cha mẹ đã già ; nếu khoa này chưa đậu, thời sợ không được

trông thấy, xin thầy nói rõ cho hay. Thầy nghe trò nói rất thương, mới đem ra giữa sân mà thí-đụ, nói người ta có lúc may lúc rủi, cũng ví như mặt trăng có khi khuyết khi tròn, là lẽ tự-nhiên, thời ai cũng biết. Xem số Vân-Tiên thời vẫn có số đậu cao, chỉ vì khoa ấy chưa được hanh-thông bao giờ đến khoa tý mới đậu. Chàng nghe thầy nói, mới tạ ơn thầy mà lui ra.

(1) Hậu-đàng là nhà sau.

(2) Đức bạc là đức mỏng, Tài sơ là tài ít.

(3) Thi-thư là sách vở.

(4) Thịnh-suy là nói vận-hội may hoặc rủi.

(5) Đãng-trình là lên đường.

(6) Vạn lý trình đồ là muôn dặm đường sá.

(7) Hồ-nghĩ là có tính nghi ngờ như tính con cáo.

(8) Tiểu-sinh là trò nhỏ. Nắng mưa chỉ việc thay đổi không thường.

(9) Xuân là cây xuân, thứ cây rất sống lâu, thường dùng để nói ví cha Huyền là cổ huyền, thứ cổ có thể giải buồn, thường dùng để nói ví mẹ. Tuổi hạc bởi chữ bạc oán, lấy tích con hạc sống lâu đến nghìn năm.

(10) Âm-hao là tiếng tâm tin tức.

(11) Tiên-đường là nhà trước.

(12) Mưu-sự là lo việc. Đây nói nhân cơ hội ấy mà dấn dò đến việc ở đời.

(13) Đẩu-tinh là sao đẩu; chủ về văn chương. Tử-vi là tòa sao, có mười lăm ngôi. Theo lời thuật-số, mệnh cung của người nào có các sao ấy chiếu, là người có số học giỏi và thi đậu.

(14) Ngựa là chỉ năm ngọ. Đây nói khoa ngọ hãy còn xa.

(15) Thỏ là chỉ năm mao. Gà là chỉ năm dậu. Đây nói năm mao thời đã qua rồi, mà năm dậu thời còn mắc nhiều tai nạn.

(16) Bắc-phương là nói kinh-đô ở về phương-bắc.

(17) Chuột là năm tý, nói Văn-Tiên đến khoa tý mới thi đậu.

(18) Tiên-trình là đăng trước, nói công việc sẽ thấy trước mắt.

(19) Bì-cực thái-lai là nói đến hết đồ chơi.

(20) Chằng sòn là giữ gìn cho được bền vững, nói dầu ai làm gì cũng phải kiên nhẫn mà chịu lấy, để giữ gìn trọn vẹn.

(21) Keo-sơn bởi chữ dao-tất, nói ví cái gì giữ lấy mãi mà không rời như gắn keo gắn sơn.

V

77. Ra đi vừa tận chân trời, (1)
Ngủ ngủ lại ngó vào nơi học đường. (2)

79. Than rằng : « Thiên các nhất
phương, » (3)

Thầy vương đoạn thăm, tớ vương đoạn
sầu. (4)

81. Quản bao minh-mây dải-dầu, (5)
Mang đai Tử-lộ, quây bầu Nhan-uyên. (6)

83. Ngày nào cá nước gặp duyên : (7)
Rạng danh con thảo, phỉ nguyên tới ngay. (8)

85. Kể từ tách dăm tới nay, (9)
Mỗi-mê linh đã bấy-chầy xông sương. (10)

87. Đoái trông phong cảnh thêm thương.
Voi voi dăm cũ nẻo đường còn xa. (11)

89. Phút đâu đã tới lân-giù, (12)
Trước là thăm bạn, sau là nghỉ chân.

Đoạn V (Câu 77-90)

Vân-Tiên ra đi, đường trường một bước một xa, quây níp mang bầu, chân bước đi mà mắt còn trông lại. Thấy trò cùng nhau cách mặt, thương nhớ biết bao ! Những trông cho cá nước gặp duyên, cho rạng danh và phỉ chí, đường xa dăm cũ, đi đã lâu ngày, phút đã tới nhà bạn quen, mới tìm vào hỏi thăm đề nghỉ chân ít bữa.

(1) Chân trời bởi chữ thiên-biên, nói chỗ xa xôi.

(2) Học-đường là nhà học.

(3) Thiên các nhất phương là mỗi người ở một phương trời.

(4) Thầy chỉ thầy học, tở chỉ Vân-tiên.

(5) Minh mảy là thân người.

(6) Thầy Tứ-lộ mang một đai gạo đi nghìn dặm. Thầy Nhan-uyên nhà nghèo đồ uống chỉ một bầu nước mà cũng lấy làm vui. Đây nói Vân-Tiên đi đường có mang theo những đồ ăn uống.

(7) Cá nước bởi chữ ngư-thủy, nói tôi gặp được vua ví như cá gặp được nước.

(8) Con thảo dịch chữ biểu tử. Tôi ngay dịch chữ trung-thần.

(9) Tểch là đi luôn một mạch mà không nghỉ chân.

(10) Bấy chầy là đã lâu.

(11) Vơi-vơi là tả cảnh xa xôi.

(12) Lân-gia là một nhà nào ở xóm kia.

VI

91. Việc chi là khóc tưng-bưng.

Đều đem nhau chạy vào rừng, lên non.

93. Tiên rằng : « Các chú công con,

« Việc chi cấp-tức bốn-chôn chạy hoài ? » (1)

95. Dân rằng : « Tiên-tử là ai ? (2)

« Hay là một lũ sơn-dài đuổi theo. » (3)

97. Tiên rằng : « Sự cơ làm sao ?

« Xin dừng chút đã, sẽ trao một lời. »

99. Dân nghe tiếng nói thảnh thơi,
Kêu nhau dừng lại rõ lời phân qua.

101. Thừa rằng : « Có đảng lâu-la, (4)
« Tên là Đỗ-dự, hiệu là Phong-lai.

103. « Nhóm nhau ở chốn sơn đài,
« Người đều sợ nó có tài khôn đơng.

105. « Bảy giờ đưa xuống bản-hương, (5)
« Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.

107. « Trong làng chẳng dám nói chi,
« Cảm thương hai ả nữ-nhi mắc nạn
(nàng) (6)

109. « Con ai vóc ngọc mình vàng, (7)
« Má đào mày liễu dung-nhan lạnh-lùng. (8)

111. « E khi gặp đảng hành-hung, (9)
« Uông trang thực-nữ sánh cùng thất-phu. (10)

113 « Thối thối chớ khá nói lâu,
« Chạy đi cho khỏi liệu âu tởi mình. »

115. Vân-Tiên nổi giận lôi-đình, (11)
Hỏi thăm : « Lũ nó còn đình nơi nào ? (12)

117. « Tôi xin ra sức anh-hào,
« Cứu người cho khỏi lao-đao buổi này. »

119. « Dân rằng : « Lũ nó còn đây,
« Qua xem mặt mũi thơ ngây đã đành. (13)

121. « E khi họa hổ bắt thành, (14)
« Khi không mình lại chôn mình vào hang. »

Đoạn VI (Câu 91-122)

Vân-Tiên còn đương tìm nhà, bỗng
nghe tiếng khóc om sòm và đem nhau

chạy lên miền núi. Vân-Tiên thấy sự lạ vừa muốn hỏi xem, thời dân nghĩ là lũ đuổi theo, cứ chạy một mạch. Chàng bảo đứng dừng lại, nói ra rồi chàng liệu cho. Dân nghe lời nói khoan thai, mới bảo nhau dừng lại mà nói chuyện : « Ở chốn sơn-đài có lũ Lâu-la, hiệu là Phong-lai tên là Đổ-dự, so bề tài lực thời không ai bằng, nay lũ nó xuống làng chúng tôi, vừa thấy hai người con gái qua đường, thời bắt đem về núi. Chẳng biết con nhà ai mà đáng người thiệt đẹp, những nũng cho người thực-nữ mà mang lấy đảng thất-phu. Thời ta hãy chạy đi cho mau, kéo vạ đến thân mà phản nản không kịp. » Vân-Tiên nghe vậy, nổi giận dùng dùng, mới hỏi lũ nó ở đâu, để ra sức anh-hào mà cứu người khổ nạn. Dân nói : « Lũ nó còn đó, nhưng chúng ta xem bộ người đương còn trẻ nhỏ thời sợ khi giết không được lũ nó mà lại làm thiệt hại mình. »

(1) Cấp-túc là chân đi gấp-gáp.

(2) Tiểu-tử là gã nhỏ, chỉ Vân-Tiên. Cũng có bản chép là : Dân rằng : Tráng-sĩ kêu ai?

(3) Sơn-đài là dinh trại lập ở trong núi.

(4) Lâu-la là một lũ người họp nhau làm việc trộm cướp.

(5) Bản hương là làng này.

(6) Nữ-nhi là-con gái.

(7) Vóc ngọc minh vàng là giá người quý hóa và đẹp tốt.

(8) Má đào bởi chữ đào-kiềm, nói má đỏ như hoa đào. Mây liễu bởi chữ liễu-my, nói mây xanh như lá liễu. Dung-nhan thanh lung nói dáng mặt buồn bã.

(9) Hành-hung là làm giận dữ.

(10) Thục-nữ là gái lành. Thất-phu là đứa nản mặt.

(11) Lôi-đỉnh là sấm sét, nói vì cơn giận dữ.

(12) Đình là trú lại.

(13) Qua bởi tiếng Nam-kỳ, cũng như nói ta đây, xem mặt mũi nhà người đương còn thơ dại. Có bản chép là : Xin chàng qua đó một khi mới đành.

(14) Họa hồ bất thành là vẽ cọp chẳng nên, thường dùng nói vì việc gì muốn làm nên mà hóa ra hỏng, như vẽ cọp không giống con cọp mà lại giống con chó.

VII

123. Vân-Tiên đứng lại bên đường,
Bẻ cây làm gậy rẽ ngàn chạy vô.

125. Kêu rằng ; «Hỡi đảng hung-đồ ? (1)

«Chớ quên thói dữ mơ-hồ hại dân».(dâng)(2)

127. Phong-lai mặt đỏ bừng-bừng :

«Thằng nào mà dám lấy-lùng vào đây ?

129 «Trước gây việc dữ tại mày.»

Truyền quân bốn phía bủa vây bịt bùng. (3)

131. Vân-Tiên tả-đột hữu-xung, (4)

Khác nào Triệu-tử vượt vòng Đương-dương. (5)

133. Lâu-la bốn phía vỡ tan,

Đều quăng gươm giáo, ra đường chạy ngay,

135. Phong-lai chẳng kịp trở tay.

Bị Tiên gây xuống, chàng rày mệnh-vong (6)

Đoạn VII (Câu 123-136)

Vân-Tiên, bẻ gãy. chạy vào trong rừng, mắng chửi lũ kia từ rày không được quên thói hành-hung như trước. Phong-lai giận đỏ mặt cũng mắng lại và truyền quân bủa vây. Vân-Tiên xông đánh một hồi, quân giặc chạy hết, Phong-lai bị phải một gãy, ngã xuống mà chết ngay.

(1) Hung-đồ là lũ độc dữ.

(2) Mơ-hồ là không được phân-minh rõ-ràng.

(3) Bịt-bùng là kín đáo.

(4) Tả-đột hữu-xung là xông đánh bên tả bên hữu.

(5) Triệu-tử là ông Triệu-vân. Đương-dương là tên một huyện đời Hán, thuộc về phần đất tỉnh Hồ-bắc nước Tàu bây giờ. Đời Tam-quốc ông Triệu-vân đánh giặc ở Đương-dương, mà vượt vây cứu được A-đầu.

(6) Mệnh vong là thác mắt.

VIII

137. Giết rồi lủ kiến, bầy ong, (1)

Hỏi : « Ai than khóc ở trong xe này » ;

139. Thừa rằng : « Tôi thật người ngay,

Sa cơ nên mới lấm tay hung-đồ. (2)

141. « Trong xe chật hẹp khó vô,

« Bám xin ai đó cứu cô tôi cùng ! » (3)

143. Vân-Tiên nghe nói động lòng,

Rằng : « Ta nay đã trù dòng lán-la.

145. Khoan khoan ngồi đó chờ ra !

« Nàng là phận gái, ta là phận trai.

147. « Tiểu thư con gái nhà ai ? (4)

« Đi đâu nên nổi mang tai bất-kỳ ? (5)

149. « Chẳng hay tên họ là chi ?

« Khuê-môn phận gái, việc gì tới đây ? (6)

151. « Trước sau chưa tỏ dạ này ? (7)

Hai nàng ai tỏ, ai thấy nói ra ? »

153. Thừa rằng : « tôi Kiều-nguyệt-Nga,

« Nay con tỳ-tất tên là Kim-liên. (8)

155. « Quê nhà ở quận Tây-xuyên,

« Cha làm tri-phủ ở miền Hà-kê (9)

157. « Sai quân đem bức thư về,

« Đón tôi qua đó, định bề nghi-gia. (10)

159. « Làm con dâu dám cãi cha,

« Ví dầu nghìn dặm đường xa cũng đành.

161. « Chẳng hay có sự bất-bình,

« Biết vậy, thôi có thương-trình làm chi.

163. « Lâm nguy chẳng gặp giải nguy, (11)

« Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. (12)

165. « Trước xe quân-tử tạm ngồi. (13)

« Đề cho tiện thiệp lay rồi sẽ phân. (14)

167. « Hà-khé qua đó cũng gần,

« Xin theo cùng thiệp đến ân cho chàng.

169. « Gặp đây đương lúc giữa đường,

« Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không.

171. « Nhớ câu báo-đức thù-công, (15)

« Lấy chi cho phủ tấm lòng cùng người ».

173 Vân-Tiên nghe nói mỉm cười:

« Làm ơn há dễ chờ người giả ơn.

175. « Nay đã tỏ đặng nguồn cơn, (16)

« Nào ai tính thiệt, suy hơn làm gì.

177 « Nhớ câu kiến-nghĩa bất-vi, (17)

« Người đời đương ấy thị-phi anh-hùng. (18)

179. « Đó đã biết chữ thủy-chung, (19)

« Lựa là ta phải theo cùng làm chi.

Đoạn VIII (Câu 137-180)

Lũ lâu-la đã trừ rồi, nghe trong xe có tiếng người than khóc; Vân-Tiên mới hỏi, xem thử là ai thoi nghe trong xe đáp rằng: Chúng tôi vẫn người

ngay, bởi sa-cơ nên mắc nạn, xin ai đó cứu cho chúng tôi. Vân-Tiên mới lấy sự trừ được lâu-la mà đáp lại, và bảo ngồi đó chờ ra, cứ kể thực quê quán họ tên chò chàng biết. Nàng kia mới thưa : Tên tôi là Nguyệt-Nga họ Kiều, con hầu kia tên là Kim-Liên, quê chúng tôi ở quận Tây-xuyên, cha tôi hiện ở Hà-kê làm chức tri-phủ ; nay sai lính đem thư bảo tôi qua đó, tôi bắt đắc dĩ mà phải đi ; nếu biết nông nong thế này thời không đi cũng được. May sao gặp chàng cứu nạn, không thời tôi phải chịu ô-danh. Giữa đường không có bạc tiền, biết lấy gì mà đền ơn trả nghĩa ; đây qua Hà-kê cũng gần, xin mời chàng qua đó để thiếp liệu cách trả ơn. Vân-Tiên cười mà nói rằng : Kiến nghĩa bất vi là vô dũng, mà thi ân nào ai có vọng báo bao giờ. Thôi đã biết rõ nguồn cơn, một lời cũng đủ biết nhau, lọ là qua đó.

(1) Lũ kiều bầy ong là chỉ lũ giặc, đông-đúc mà hèn mọn.

(2) Sa-cơ là mắc phiền rui.

(3) Cô là tiếng tôn xưng người con gái nhà quan. Đây là lời Kim-liên gọi Nguyệt-Nga.

(4) Tiểu-thư là nàng trẻ tuổi.

(5) Bất-kỳ là chẳng hẹn trước, nói cách thình-lình.

(6) Khuê-môn là cửa buồng, nói chỗ con gái ở.

(7) Câu này có bản chép là : Gặp nhau chớ giấu nhau này.

(8) Tỳ-tất là đưa tờ gái hầu-hạ dưới gối.

(9) Tây-xuyên là tên quận đặt ra từ đời Đường, nay thuộc về phần đất tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu ; Hà-kê tức là Hà-nguyên, tên một quận đặt ra từ đời Tùy ở phía nam đất Thanh-hải nước Tàu.

(10) Nghi-gia lấy chữ trong bài thơ Đào-yêu ở Kinh-thị : « Chi-tử vu qui, nghi kỳ gia-nhân », nói ở ấy về nhà chồng, người nhà đều ưng thuận.

(11) Câu này nói giả phóng lâm nguy mà chẳng người giải nguy thì... Có bản chép là : Lâm nguy may gặp giải nguy.

(12) Tiết trăm năm là cái tiết vợ chồng ăn ở cùng nhau trọn đời. Có bản chép là : Nếu chàng không giúp còn gì là tôi.

(13) Quân-tử là chữ tôn xưng những người giỏi, chỉ Vân-Tiên.

(14) Tiệp-thiếp là lời tự khiêm nói mình là người hầu hèn mọn

(15) Báo-đức thù-công là trả đức đễ công.

(16) Nguồn cơn là cội nguồn cơn có.

(17) Kiến nghĩa bất vi lấy chữ trong sách Luận-ngữ : Kiến nghĩa bất vi vô dũng, nói người thấy việc phải mà không làm là không bạo dạn.

(18) Thi-phi là phải chăng, nói khen chê.

(19) Thủy chung là trước sau.

IX

181. Nguyệt-nga biết ý chẳng đi,
Hỏi qua tên họ một khi cho tường.

183. Thừa rằng : « Tiệp-thiếp đi đường,
« Chẳng hay quân-tử quê-hương nơi
nào ? »

185. Tai nghe tiệp nói thanh-tạo, (1)
Vân-Tiên bao nỗ lòng nào phối-pha : (2)

187. « Đông-thành vốn thật quê nhà,
« Họ là họ Lục, tên là Vân-Tiên. »

189. Nguyệt - Nga vốn đáng thiên-
quyên, (3)

Tai nghe lời nói lay liền trao trâm.

191. Thừa rằng : « Nay gặp tri-âm, (4)
« Xin đưa một vật để cầm làm tin. »

193. Vân-Tiên ngửa mặt chẳng nhìn,
Nguyệt-Nga lét thấy càng thìn nét na : (5)

195. « Vật chi một chút gọi là,
« Thiệp thừa chữa dứt, chàng đã làm ngo.

197. « Cửa này là cửa vất vơ,

« Công ché cũng phải, mong sao được? »

199. Vân-Tiên khó nổi làm thính,

Chữ ăn là nghĩa, chữ liê là dầy

201. Thạn rằng : « Đó khéo trên đây,

• Ăn kia đã mẩy, của này trao sang.

203. « Đương khi gặp gỡ giữa đờng, (6)

« Một lời xin nhớ nghìn vàng chẳng sai.

205. « Nhớ câu trọng-nghĩa khinh tài, (7)

« Nào ai chịu lấy của ai làm gì. »

207. Thừa rằng : « Tôi phận nữ-nhi,

« Vốn chưa biết ý, có khi méch lòng (8)

209. « Ai ngờ đáng mặt anh-hùng,

« Thấy trâm mà lại thẹn cùng cái trâm.

211. « Than ôi trâm hồi là trâm !

« Đã vô duyên bấy, ai cầm mà mơ. (9)

213. « Đưa trâm chàng đã làm ngơ,

« Thiếp xin làm một bài thơ tạ-lễ ; »

Đoạn X (Câu 181-214)

Nguyệt-Nga biết ý Vân-Tiên chẳng đi, mới hỏi thăm họ tên quê quán. Vân-Tiên bắt đắc dĩ cũng phải kể tên họ mình cho nàng hay. Nguyệt-Nga mới tay đưa cái trâm xin Vân-Tiên nhận lấy để làm đồ kỷ-niệm. Nhưng Vân-Tiên cũng chẳng chịu nhận, ngửa mặt lên mà chẳng nhìn, dầu Nguyệt-Nga căn-vấn nhiều lời, mà Vân-Tiên

vẫn cũng khăng khăng không chịu. Sau hết Nguyệt-Nga thấy đưa cái trâm không nhận, mới xin dâng cho Vân-Tiên một bài thơ để tạ ơn.

(1) Thanh-tao là thanh-lich và tao-nhã.

(2) Phôi-pha cũng như nói lạt-lẽo.

(3) Thiển quyen là con gái non nẻo.

(4) Tri-âm là biết tiếng đồn, thường dùng để nói kẻ tài nghệ ngang nhau hoặc biết bụng nhau. Từ câu này trở lên (câu 169-192) có bản bớt đi mà chép là :

169. Nói thôi trao chiếc trâm vàng ;
Gọi là chút đỉnh vật thường làm tin.

171. Vân-Tiên ngửa mặt lên nhìn,

(5) Thìn là tính nết nhu-mỹ.

(6) Lời nói quí hơn vàng bạc.

(7) Trọng-nghĩa khinh-tài là trọng điều nghĩa mà khinh tiền của.

(8) Mếch lòng là làm cho không bằng lòng

(9) Mơ làm mong ước.

X

215. Vân-Tiên ngó lại lòng ưa.

« Làm thơ cho kịp, một giờ chờ lâu ! »

217. Nguyệt-Nga ứng tiếng xin hầu,
Xuống tay bèn tả tám câu năm vần.

219. Thơ rồi : « Nay thiếp xin dâng,
« Ngửa trông lượng rộng văn-nhân thế
nào ? » (2)

221. Vân-Tiên xem thấy khen lao ;

« Ai hay sức gái tài cao bậc này !

223. « Đã mau mà lại thêm hay,

« Chẳng phen Tống-ngọc, cũng lầy Tây-thi. (3)

225. « Nhớ câu dữ-xuất dữ-kỳ, (4)

« Ai hay tài gái kém gì tài trai !

227. « Như vậy ai dễ thua ai ».

Vân-Tiên họa lại một bài trao qua. (5)

229. Xem thơ mới biết gần xa,

Mai hòa vận điều. điều hòa vận mai. (6)

231. Nghĩ câu trước-cảnh hưng-hoài, (7)

Đường xa thăm thẳm, dặm dài vơi-vơi.

233 Ai ai cũng ở trong trời,

Gặp nhau, lời đã cạn lời thì thôi.

Đoạn x (Câu 215-234)

Vân-Tiên nghe nói, cũng bằng lòng để cho Nguyệt-Nga làm thơ xem thử. Nguyệt-Nga vâng lời để một bài thơ tám câu năm vần, đưa lại cho chàng ; chàng xem thơ nức nở khen thắm, cũng phải theo vần mà họa lại. Làm thơ xong thời hai người biệt nhau, mỗi người đi một phương.

(1) Bài thơ tám câu năm vần như thế này : Tiên ân tư báo niệm bồi hồi, viên thuật nhất thi vị tặng lai. Tự tự trang tình tâm bút tả, ngou ngou hậu ý

cầm vãn khai Kim trâm tuy quý khinh đan giệp, đại nghĩa thâm hoải trọng vãn bôi. Tông thử nguyện quân tranh giáp đệ, thiếp kham mã thượng cầm y hồi. Nghĩa là : Lo đèn ơu trước dạ bồi hồi, thuật lại thiên thơ kính tặng ngài. Chữ tình dài ngòi bút tả, lời lời ý hậu bức tiên khai. Trâm vàng dấu quý khinh như lá ; nghĩa lớn càng sâu trong mấy mươi Khoa bảng chúc ngài mau cướp giải, đường về ngựa cỡi gấm phô tươi.

(2) Văn-nhân là người văn học.

(3) Tống-ngọc là người nước Sở hay chữ, làm bài phú nói nàng Thần-nữ ở Vu-sơn, mượn lời ngụ ý, ai cũng cho làm hay. Tây-Thi là nàng con gái của ông Tây-dục-Tân, vua nước Việt bắt hiến cho vua nước Ngô. Nhờ có sắc đẹp tài hay mà làm cho vua Ngô say đắm đến nỗi mất nước. Lúc Ngô đã mất, nàng lại trở về nước Việt mà theo ông Phạm-Lãi chơi thuyền ở Ngũ-hồ.

(4) Dữ-xuất dữ-kỳ là càng làm ra lại càng lạ lùng.

(5) Thư hao của Vân-Tiên như thế này : Bồi-hồi tương biệt chấp li hò ; cầm viết tại an vọng báo tại. Trọng nghĩa số ngôn

cao xương nhập, tự tình nhất bức họa ca lai Truân móng ký xuất tùy hành đạt, nhật nguyệt trăng lưu dụng khứ hồi. Trán trọng cá trang vô biệt ngữ, thiên trang địa cầu vĩnh tương hoài. Nghĩa là : Ngừng chén chia tay xân-vân hoài ơn kia đến trả dăm trông ai ! Mấy lời trọng nghĩa ngấm ra trước, một bức thâm-tình bực lại chơi, Thời-vận hanh-thông rày đã đến ; tháng ngày đi lại biết bao thôi. Cuộc này chỉ chúc cầu trán-trọng, trời đất thương lâu lại nhớ đời.

(6) Mai là cây mơ, điều là con chim. Trong bức tranh tả cảnh mùa xuân thường vẽ một cảnh hoa mai có một con chim. Đây nói hai bên xương họa rất có xuân-tình.

(7) Trước cảnh hưng-hoài là ở cảnh-ngộ nào thời sinh hưng thú ấy. Câu này có bản chép là : Đường xa thăm-thăm hưng-hoài.

XI

235. Vân-Tiên từ tạ phản-hồi, (1)

Nguyệt-Nga than khóc tình ôi là tình !

237. Nghĩ mình mà ngán cho mình,

Nỗi ơn chưa trả, nỗi tình lại mang

239. Nặng tình hai chữ uyên-trong, (2)

Đoạn sầu ai khéo tỏ vương vào lòng.

241. Vài cùng Nguyệt-lão-tơ-kông. (3)

Trăm năm cho trọn chữ tông mới an. (4)

243. Hữu tình chi bấy Ngưu-lang ! (5)
Tám lòng Chức-nữ vì chàng mà nghiêng.

245. Thôi thôi em hỡi Kim-liên !
Đẩy xe cho chị qua miền Hà-khé !

247. Trải qua dấu thỏ đường dè, (6)
Chim kêu vượn hót bốn bề nước non.

249. Vái trời xinặng vương trôn,
Trăm năm cho vẹn lòng son cùng chàng. (7)

251. Phút đầu đã tới phủ-đường, (8)
Kiều-công xem thấy lòng càng sinh-nghĩ. (9)

253. Hỏi rằng : « Nào trẻ tùy nhi, (10)
« Cớ sao nên nổi cơn đi một mình ? »

255. Nguyệt-Nga thừa việc tiễn-trình,
Kiều-công nghe nói sự tình chẳng vui.

257. Nguyệt-Nga dạ hãy ngùi-ngùi,
Nghĩ đời cơn, lại, rụng rời đời cơn. (11)

259. « Lao-đao chút phận chi sòn,
« Ngày nào trả được công ơn cho chàng ? »

261. Kiều-công nghe nói bàng-hoàng, (12)
Dạy rằng : « Con hải mệnh vàng tam an. (13)

263. « Lúc nào cha rảnh việc quan,
« Viết thư qua đó mời chàng sang đây.

265. « Trước sau thế cũng chẳng chầy,
« Cha nguyên chả được nghĩa này thời thôi.

267. « Hậu-đường con khá tạm lui, (14)
« Làm khuây dạ trẻ, cho vui lòng già ».

269. Xảy nghe trống điểm sang ba,
Nguyệt-Nga nhớ tới, xót-xa lòng mình.

271. Dời chân ra chốn Lê-đình, (15)

Xem trăng rồi lại tưởng tình cổ nhân. (16)

273. Than rằng : « Lưu-thủy cao-sơn, (17)

« Ngày nào nghe tiếng đàn tri-âm? »

275. Chữ tình càng tưởng càng thâm,
Muốn phân khó biện, muốn dầm khó phai. (18)

277. Voi vơi đất rộng trời dài,
Nào ai nỡ để cho ai chịu phiền.

279. Trở vào bên lấy bút nghiên,
Đặt bàn hương án, khấn-nguyện thần-linh.

281. Lâu-lâu một tấm lòng thành,
Vẽ ra bức tượng nên hình Vân-Tiên.

283. Than rằng nghìn dặm sơn xuyên, (19)
Chữ ân để dạ, chữ duyên nhiệm màu. (20)

Đoạn XI (Câu 235-284)

Nguyệt-Nga từ biệt Vân-Tiên, xiết bao nghĩ ngợi : Những nghĩ mình giữa đường gặp-gỡ, ân chưa trả mà tình lại mang ; sao cho vẹn đạo trăm năm, mới thỏa tấm lòng ao ước. Vừa đi vừa nghĩ, chẳng bao lâu đã tới Hà-khê. Lúc Nguyệt-Nga trò chuyện với Kiều-công, mới kể việc đầu đuôi cho ông biết, và xin ông liệu cách để trả ơn cho Vân-Tiên, ông hứa sẽ mời chàng qua mà kiểm điều cảm tạ. Nguyệt-Nga bước vào nhà sau, đêm nằm không ngủ, lại ra sân xem trăng

mà nhớ đến Vân-Tiên; mới trở vào đặt án thấp hương, lấy bút và nghiên khấn nguyện rồi vẽ ra bức tượng giống Vân-Tiên như hệt; án tỉnh hai chữ, chhut ngỏ cùng ai.

(1) Phản hồi là trở về.

(2) Uyên-ương là tên một loài chim con trống con mái thường bay cặp đầu cặp với nhau, dùng để ví với vợ chồng.

(3) Nguyệt-lão là trăng già, lấy tích đời xưa, ông Vi-cổ ban đêm trọ ở Tống-thành, thấy một ông già đứng dưới mặt trăng, cầm một quyển sách và một cuộn dây đỏ, hỏi sách thời ông bảo là sổ hôn thú, và hỏi dây thời ông bảo để buộc chân hai người phải kết duyên cùng nhau làm vợ chồng. Bây giờ tục ở nước ta đến ngày rước dâu làm lễ hợp-cần thời có cúng vị Tơ-hồng-nguyệt-lão-thiên-Tiên.

(4) Chữ tòng bởi chữ tòng phu, nói nghĩa theo chồng. Câu này có có bản chép là : Trăm năm chớ để chữ đồng dử-nang.

(5) Hữu-tình là có tình. Ngưu-lang là chàng Khiên-ngưu; theo trong sách Kinh-sở-tuế-thời-Kỷ, nói ở bên đông sông Thiên-hà, có nàng con gái dệt vải khó nhọc, Thiên đế thương mà đem gả cho chàng chăn trâu ở bên kia sông. Sau lúc Chức-nữ về với

Khiên-ngư thời bỏ nghề canh cửi, Thiên-đế giận lại bắt về chỗ cũ, thường năm chỉ cho đêm mồng bảy tháng bảy được gặp mặt nhau một lần.

(6) Dấu thỏ đường dê nói đường sá trong núi thường có dê thỏ ra vào.

(7) Lòng son bởi chữ đàn tâm dịch ra.

(8) Phủ-đường là nhà phủ.

(9) Kiều-công là ông họ Kiều, cha nàng Nguyệt-Nga làm quan ở phủ Hà-khe.

(10) Tùy-nhi là đứa trẻ theo hầu.

(11) Đòi con là nhiều phen. Có bản chép là : Nghĩ đòi con lại sụt sùi đòi con.

(12) Bàng-hoàng cũng như nói hoảng-hốt, sợ hãi.

(13) Minh vàng xem chú thích câu 109.

(14) Hậu-đường xem chú thích câu 35.

(15) Lê-đình là sân lê, lấy tích đời Đường nuôi con gái ở Lê-viên tập nghề đàn hát, nhân đó cũng gọi chỗ con gái ở là Lê-đình.

(16) Cổ-nhân là người cũ, chỉ Vân-Tiên.

(17) Lưu-thủy là nước chảy, cao sơn là núi cao. Ngày xưa ông Bá-nha hay đàn, buổi ấy chỉ có Chung-tử-Kỳ biết được mà thôi ; lúc ông chỉ ở núi cao thời chàng nói nghe như núi cao vọi vọi ; lúc ông chỉ ở nước chảy, thời chàng nói nghe như nước chảy vo vo. Lúc chàng mất rồi thời ông bỏ đàn không gảy nữa.

(18) Chữ tình ngậm ngấm ở trong lòng,
muốn biện bạch không được, mà muốn
làm cho phai nhạt cũng không được.

(19) Sơn xuyên là núi sông.

(20) Nhiệm mầu là kín đáo.

XII

285. Chuyện nàng sau hải còn lâu,
Chuyện chàng xin nói từ đầu chép ra.

287. Vân-Tiên từ cách Nguyệt-Nga.
Giữa đường lại gặp người xa kinh-kỳ (1)

289. Xa xem mặt mũi đen sì,
Mình cao lỗ-lộ di-kỳ rất hung. (2)

291. Nhớ câu Bình-thủy tương-phùng, (3)
Anh hùng lại gặp anh hùng một khi :

293. « Chẳng hay danh tính là chi ? (4)
Mới mình mang tráp mà đi việc gì ? » (5)

295. Đáp rằng : « Ta cũng xuống thi,
« Hán-minh lính tu, Thủy-chí quê nhà. » (6)

297. Vân-Tiên biết lẽ chính là, (7)
Hễ là di-tướng ắt là tài cao (8)

299. Chữ rằng bằng-hữu chi-giao, (9)
Tình kia đã gặp, lẽ nào làm khuây. (10)

301. Trên rừng há dễ một cây,
Muốn cho có đó có đây sum vầy.

303. Kia nơi miếu-vũ gần đây, (11)
Hai ta vào đó đan tay thề-bồi. (12)

305. Cùng nhau bày họ tên rồi,
Ta từ miếu-vũ bèn lui ra đường.

307. Hán-minh đi trước trụ-trường, (13)
Vân-Tiên còn hải hồi hương viếng nhà. (14)

Đoạn XII (Câu 255-306)

Việc Nguyệt-Nga hải tặc gác, đoạn này kể chuyện Vân-Tiên. Chàng từ trở gót, giữa đường gặp được một người, hỏi tên họ thời kể là Hán-Minh, hỏi đi đâu thời bảo là đi thi cử. Vân-Tiên xem tướng thời biết là người giỏi, mới bảo nhau vào miếu kết nguyên làm anh em. Đoạn rồi Hán-minh đi trước tới trường, còn Vân-Tiên về nhà thăm cha mẹ.

(1) Kinh-Kỷ là cõi kinh-đô, nói chỗ vua ở.

(2) Di-kỷ là lạ lúng. Hung là bạo mạnh.

(3) Bình-thủy tương-phùng là bè nước gặp nhau, nói hai người không quen nhau mà gặp nhau, ví như trôi dạt thời gặp nước đấy.

(4) Danh tính là tên họ.

(5) Trấp là đồ để bút giấy. Câu này lời Vân-Tiên hỏi.

(6) Tính tự là họ tên. Câu này lời Hán-minh đáp.

(7) Chính tả là ngay thẳng và xiên vạy.

(8) Di tướng là tướng lạ.

(9) Bằng-hữu chí-giao là cái tình giao bầu bạn.

(10) Khuây là quên lãng mà không nghĩ đến.

(11) Miếu-vũ là nhà miếu thờ thần.

(12) Câu này có bản chép là : Hai ta và đó gian tay bên ngồi.

(13) Tụ-trường là tới trường thi.

(14) Hồi hương là về nhà.

XIII

309. Mừng rằng : « Nay thấy co ta (1)
« Cha già những tởng, mẹ già những trông

311. « Bấy lâu đèn sách có công,
« Con đã nên chữ tang-bồng cũng chẳng ? » (2)

313. Vân-Tiên đặt gổt thừa rằng :
« Chẳng hơn kẻ cổ, cũng bằng người câm. (3)

315. « Dám xin phụ mẫu an-tâm, (4)
« Đặng con trả nợ áo cơm cho rồi. »

317. Song thân nghe nói lòng vui, 5
Lại lo non nước xa xôi nghìn trùng.

319. Cho đi một gã tiểu-đồng,
Viết thư một bức dặn cùng Vân-Tiên :

321. « Trước đã định chữ lơi g duyên, (6)
« Con quán hưu-trí ở miền Hàn-giang. (7)

323. « Con người là Vũ-thái-Loan, (8)
« Tuổi vừa hai bảy, dung-nhan mấn-mà. (9)

325. « Chữ rằng Hồ viết nhất gia (10)
« Con đi qua đó trao qua thư này. »

327. « Con dầu bước đặng thang mây, (11)
« Dưới chân đã sẵn có dây tơ hồng. »

329. Song thân dặn bảo vừa xong, (12)
Vân-Tiên cùng gã tiểu đồng dõn chân.

Đoạn XIII (Câu 319-323)

Vân-Tiên về tới nhà, cha mẹ hỏi con đi thi, có mong giả nợ sách đèn được chăng? Vân-Tiên thưa cha mẹ an tâm, phen này nợ áo cơm xin giả được. Cha mẹ nghe con nói, trong dạ mừng thầm, nhưng lại lo đường xá xa xôi, sai một gã tiểu-dồng đi nữa, và trao một bức thư định ước, dặn qua Hàn-giang đưa cho quan Hưu-trí Vũ-công, may phen này con bước thang mây, đại đặng-khoa rồi liền đặng-khoa cũng tiện. Vâng lời cha dặn, Vân-Tiên cùng tiểu-dồng ra đi.

(1) Câu này trở xuống bốn câu là lời ông bà họ Lục nói cùng Vân-Tiên.

(2) Tang bồng là cung dẫu tên sậy, lấy tích trong kinh Lễ người đời xưa sinh con trai thời lấy cung dẫu tên sậy bắn ra bốn phương, Nhân đó con trai trí ở bốn phương, thường gọi là chi tang-bồng.

(3) Cồ là đời xưa, côm hoặc kim là đời nay.

(4) Phụ-mẫu an tâm là cha mẹ yên lòng.

(5) Tiên-dồng là con trai trẻ nhỏ.

(6) Lương-duyên là duyên lành.

(7) Hưu-trí là thôi quan về nghỉ ở nhà.

Hàn-giang là tên sông thuộc tỉnh Giang-tô nước Tàu.

(8) Người là chỉ ông quan hưu họ Vũ. Vũ-thái-Loan là tên nàng con gái.

(9) Hai bảy là mười bốn.

(10) Hồ-Việt nhất-gia là nước Hồ nước Việt một nhà, nói hai người ở hai nơi mà kết làm thông-gia với nhau.

(11) Thang mây bởi chữ vân-thê, nói ví thi đậu cao như chân bước thang mây.

(12) Song-toán là hai thân, chỉ hai cha mẹ.

XIV

331. Trông chừng mấy dặm quan-sơn, (1)
Gió đông rày đã đưa xuân sang hè. (2)

333. Buồn xem dặm liễu đường hoe, (3)
Tin ong ngổ ngẩn, liếng ve vang rầy. (4)

335. Buồn xem nước non non này,
Nước xao sóng dợn, non vầy đá cao. (5)

337. Trải qua mấy mặt biết nào,
Trên ngành chim hót, dưới ao cá cười.

339. Trải qua đôi khóm cảnh người,
Cảnh xanh như vẽ, người tươi như đời. (6)

Đoạn XIV (Câu 331-340)

Kể lúc Văn-Tiên đi đường, xuân qua hạ tới, cảnh đẹp người xinh, trải bao nước nước non non, cũng đã đủ mùi du-lịch.

(1) Quan sơn là cửa núi và núi non, nói lúc đi đường vào ra nhiều cửa và lên xuống nhiều núi.

(2) Gió đông là gió mùa xuân ở phương đông thổi đến.

(3) Dặm liễu đường hoe là dặm đường trồng cây hoe cây liễu.

(4) Hết mùa xuân thì ong ít tìm hoa, sang mùa hạ thì nghe tiếng ve kêu.

(5) Nước thời thấy sóng dồn lên, non thời thấy đá đứng sừng. Bốn câu trên này đều tả cảnh buồn lúc còn đi đường.

(6) Dồi là trau dồi. Bốn câu này lại tả cảnh vui lúc gần đến nơi.

XV

341. Hàn-giang phôi đã tới nơi,
Vân-Tiên tạm trú một hồi trao thơ.

343. Vũ-công xem ý trong lời,
Mừng duyên cầm sắt mỗi lo đang liền. (1)

345. Xem qua tướng mạo Vân-Tiên,
Khá khen họ Lục phúc hiển sinh con.

347. Mây tấm, mắt phượng, môi son, (2)
Mười phần cốt cách vuông tròn mười phần. (3)

349. Nhưng e kẻ Tấn người Tần, (4)
Nào hay chữ lẽ động gần chữ giai. (5)

351. Ngắm đá đẹp dạ hòa hai ;
Này dâu Nam-giản, nọ trai Đông-sáng. (6)

353. Ông rằng : « Nay nghĩa-lễ sang, (7)
« Muốn lo việc nước, phải lo việc nhà. »

355. Tiên rằng : « Nhờ lượng Nhạc-gia, (8)
« Đại-khoa xin gặp liêu-khoa, lo gì. » (9)

Đoạn XV (Câu 341-356)

Vân-Tiên đi đến Hàn-giang, vào thăm họ Vũ ; Vũ-công xem thơ biết ý, nghĩ con được nên đôi phải lứa, mừng rỡ xiết bao ! Nhưng ông muốn chờ mau thành hôn, kéo sau xa cách thời sinh điều bất tiện. Thế mà Vân-Tiên không chịu, xin cho đi thi rồi sẽ hay.

(1) Cầm sắt là tên hai thứ đàn có tiếng hòa hiệp cùng nhau thường dùng để vi vợ chồng.

(2) Máy tấm là lông máy như con ngài tấm. Mắt phượng là mắt nhỏ mà sáng. Môi son là môi đỏ.

(3) Cột-cách là cốt cách con người.

(4) Tấn Tần là hai nước đời Xuân-thu làm thông-gia với nhau ; đây nói hai người cách trở đôi nơi. Cũng có bản chép là : Những e đôi ngả Việt, Tần.

(5) Tể là rẽ, giai là tốt.

(6) Nam-giản là khe phía nam, lấy chữ trong kinh Thi, nói con gái hái rau tần rau táo ở khe phía nam, nhân đó thường gọi đàn bà là Nam-giản. Đông-sàng là

giường phía đông, lấy tích đời Tấn, ông Khích-giám sai người đến nhà ông Vương-đạo đề chọn rể, con em nhà ấy đều giữ lễ phép, chỉ ông Vương-hi-Chi nằm ở giường phía đông vỗ bụng mà ăn bánh gai. Người ấy về nói, ông Giám đem con gái gả cho Hi-Chi; nhân đó thường gọi người con rể là đông-sàng.

(7) Nghĩa-tễ là người rể có nghĩa. chỉ Vân-Tiên.

(8) Nhạc-gia là ông nhạc. bố vợ.

(9) Đại-khoa là thi đậu. Tiều-khoa là lấy vợ.

XVI

357. Ông rằng : « Con dốc xuống thi,
« Sao không kết bạn mà đi vào trường ?

359. « Gần đây có một họ Vương,
« Tên là Tử-Trực văn-chương lót đời. (1)

361. « Cha rằng cho kẻ qua mời, (2)
« Cho con cũng gả thử chơi một bài.

363. « Thấp cao mời biết sở-lai, (3)
« Vậy sau khách trúc bạn mai mới
mẫu » (4)

365. Giờ lâu Tử-Trực tới hầu,
Vũ-công sẵn đặt một bầu rượu ngon.

367. Công rằng : « Đủ mặt hai con,
« Thơ hay làm dặng, rượu ngon thưởng liền.

369. Muốn cho Trực sánh cùng Tiên,
Lấy câu « Bình-thủy-hữu-duyên » làm đề, (5)

371. Song le đôi ngã giao kẻ, (6)

Lục Vương hai họ đua nghề một khi.

373. Cho hay kỳ lại gặp kỳ,

Bạch-sinh đó dễ kém gì Chu-sinh, (7)

375. Ông rằng : « Đan quế hai ngành, (8)

« Bảng vàng thẽ bạc đã đánh rạng nêu. (9)

377. « Như chuông chẳng đánh sao kêu.

« Ngọn đèn dặng tỏ trước kêu bởi
minh. (10)

379. « Này trăng lương. đống đã đánh (11)

« Khá khen hai gã tài lành cả hai ».

381. Trục rằng : « Tiên vốn cao tài.

« Có dân hồng yển sánh vai một bầy. (12)

383. « Tình cờ mà gặp nhau đây,

« Trục đây xin nhượng Tiên rày làm anh.

385. « Này đã kết nghĩa đệ-huynh, (13)

« Xin về mai sẽ thượng-trình cùng nhau. »

387. Xảy nghe trống đã điểm đầu,

Vân-Tiên vào chốn thư-lầu nghỉ an.

Đoạn XVI (Câu 357-388)

Ông lại có ý thử chàng, hỏi vào
tràng sao không người kết bạn ; liền
sai người mời Vương-tử-Trục, đề kết
bạn cùng chàng, và đặt rượu ra bài,
khiến cùng Trục làm thơ mà thử sức,
đua nghề một lúc, Vân-Tiên cùng Tử-
trục ngang tay, Trục nhượng tài cao,
tiên-trình xin kết làm huynh-đệ. Canh

đầu điểm trống, Trục cáo ra về, Tiến vào thư phòng nghỉ ngơi.

(1) Văn-chương là chỉ chung những bài làm ra có lời lẽ và thành thiên chương, như thi, ca, từ, phú, v.v.

(2) Cha là lời Vũ-công tự xưng với Văn-Tiên. Răng cũng như nói nghĩ răng.

(3) Sở tài là điều hay giỏi của người nào.

(4) Trúc và mai là tên hai thư cây, thường vẽ sánh cùng nhau trong các bức tranh, vì trúc đến mùa đông mà lá cũng xanh và mai đến mùa xuân thời hoa nở trước, thường dùng để ví tình bầu bạn, nghĩa vợ chồng v. v. những người sánh đôi ngang hàng cùng nhau.

(5) Bình-thủy-hữu-duyên là bèo nước có duyên. Xem chú thích câu 291.

(6) Song le cũng như nói nhưng mà. Đôi gã là chỉ Văn-tiên và Tử-trục. Cũng có bản chép là : Văn phòng từ bảo sẵn kê.

(7) Bạch-sinh và Chu-sinh là hai người giỏi văn có tiếng đời Nam-bắc-Triều.

(8) Đan-quế là cây quế đỏ ở trong cung trắng ; nhân đó đi thi đậu cao, thường gọi là chân đạp mây xanh tay vin quế đỏ.

(9) Bể vàng thể bạc là nói khi thi đậu rồi thời yết tên bể vàng và ban cho thể bạc.

(10) Tục-ngữ có câu : « Chuông không đánh không kêu, đèn không khêu không

rạng.» thường ví những việc có làm ra mới biết được rõ ràng.

(11) Trang cũng như nói bậc. Lương đồng là giường cột, chỉ những đồ dùng để gánh vác chống đỡ một tòa nhà lớn, thường dùng để ví kẻ có tài giúp nước.

(12) Hồng là tên một thứ chim vốc lớn mà cánh dài có tài bay cao; yến là tên một thứ chim vốc nhỏ như loài chim sẻ; thường mượn hai thứ chim ấy mà phân biệt kẻ hơn người kém.

(13) Đệ huynh tức là huynh đệ, nói anh em.

(14) Thư-lầu hoặc thư lâu là lầu đọc sách.

XXII

389. *Vũ-công trở lại hậu-đường,
Đêm khuya dạy nhủ Thái-loan những lời.*

391. *« Sớm mai vừa rạng chân trời,
« Thái-loan trang điểm ra nơi Lê-đình.*

393. *« Gọi là chút nghĩa-tổng-hành. (2)
« Phòng sau cho khỏi bất-bình lòng nhau. »*

395. *Bóng trắng vừa gác ngành dâu, (3)
Vân-Tiên vào tạ ngổ ầu xuất-hành. (4)*

397. *Dời chân vừa thuở bình-minh, (5)
Thái-loan đứng trước lê-đình tiên chân.*

399. *Thư rằng: « Quân-tử phó kinh, (6)
« Đoái thân liễu yếu chữ tình ngày xưa. (7)*

401. *« Tắm lòng thấm thết như mưa,
Đường xa nghìn dặm xin đưa một lời.*

403. « Ngày nay thánh chúa trị đời, (8)
« Nguyên cho linh phượng gặp nơi ngộ-
đồng. (9)

405. « Quấn bao chút phận má hồng,
« Thảng chầy khôn xiết ngày trông khó lường

407. « Chàng dầu gặp lúc hiển vinh, (vàng)
« Thiếp xin nhớ chữ tao khang cho
đành. (10)

409. « Xin đừng tham đó bỏ dăng, (11)
« Chơi lê quên lựa, chơi trăng quên
đèn. » (12)

411. Tiễn rằng : « Như lửa mới nhen,
« Dễ trong một bếp mà ehen kai lò. (13)

413. « May duyên, rủi nợ chớ phôi, (14)
« Hỡi xin cho nhớ chuyện Chu-mãi-
Thần, » (15)

415. Loan rằng : « Sử Mã kinh Lân, (16)
« Có câu chính-tiết, có văn chỉnh-cung (17)

417. « Trăm năm lòng chẳng sai lòng,
« Lánh bốn Trang-tử, chực phòng Vương-
ngung. » (18)

419. Thái-loan vội-vã lui chân,
Vân-Tiên cất gánh trông chừng Trường-
an. (19)

Đoạn XVII (Câu 389-420)

Vũ-công vào dặn Thái-loan sắm-sửa,
đề ngày sau đưa Vân-Tiên lên đường ;
Sáng mai, Vân-Tiên từ tạ ra đi, Thái-

loan ra sân tiền biệt. Thái-loan thời dẫn Vân-Tiên đứng tham người thành thị mà bỏ nghĩa tào khang, Vân-Tiên thời dẫn Thái-loan phải nhớ chuyện Mãi-thần mà giữ điều chung-thủy. Hai người lấy việc xưa nay điều phải trái mà cùng nhau căn vặn mấy lời, Vân-Tiên mới chịu cất chân lên bước.

(1) Lê-dinh xem chú thích câu 271.

(2) Tống-hành là đưa chân người nào đi đường.

(3) Lúc mặt trăng đã ở phía tây.

(4) Ngổ ầu cũng như nói cho được. Xuất-hành là ra đi.

(5) Bình-minh là lúc mờ sáng.

(6) Phó kinh là đi tới kinh đô.

(7) Liễu yếu là cây liễu non yếu, đến mùa thu vàng úa trước các thứ khác, thường dùng nói ví thân gái.

(8) Thanh chúa là vua giỏi.

(9) Trong kinh Thi có nói chim phượng hoàng kêu, ở đỉnh núi kia, cây ngô-đồng sinh, ở gò cao kia, » chỉ cái điểm lạnh gặp buổi thái-bình mới thấy. Người tài giỏi gặp thời hiền đạt, nhân đó cũng gọi linh-phượng gặp ngô-đồng.

(10) Tào-khang là hiền nhân, nói người vợ lấy nhau đương lúc nghèo khổ. Hai nữ tào-khang lấy trong câu nói ông Tống-hoảng đáp lại vua Quang-vũ, lúc vua muốn bảo ông bỏ vợ cũ mà đem gả Công-chùa cho.

(11) Đò và đặng chỉ những đồ dùng để bắt cá.

(12) Lê và lự là tên hai thứ trái cây. Đây nói đừng tham vợ mới mà bỏ vợ cũ.

(13) Một lần cưới vợ không có thể cưới luôn hai người, như một cái bếp mới nhen không có thể chèn hai lò.

(14) May duyên, rủi nợ nói may thời vợ chồng sung sướng, rủi thời chịu cực khổ. Phò là nói.

(15) Chu-mãi-Thần tên một người đời Hán nhà nghèo, thường ngày đội củi mà đọc sách; người vợ thấy cực khổ mà bỏ đi. Sau Mãi-thần làm quan to, người vợ muốn trở về mà chàng không nhận nữa.

(16) Sở Mã bởi chữ Mã-sử, nói bản sử đời Hán, ông Tư-mã-Thị làm ra. Kinh Lân bởi chữ Lân-kinh, nói đức Không-tử làm kinh Xuân-thu, đến lúc nước Lô sản được con lân què thời dùng bút.

(17) Chính-tiết là giữ tiết hạnh ngay thẳng. Chính-cung là sửa soạn nết na trong mình.

(18) Lúc thấy Trang-tử mới chết, xác con đề trong quan tại bằng sáo, người vợ lấy

gỗ đập sừng đã lấy óc thầy mà làm thuốc cho người chồng mới. Mỡ sừng ra thời thầy ấy sống lại, người vợ xấu hổ mà tự tử. Thấy Trang chẳng buồn-hã gì cả, chỉ gõ cái châu mà hát. — Vương-ngưng người đời Tùy, em ông Vương-thông, tự là Thúc-diễm, làm chức Trước-lão, soạn bản sách Sử Tùy chưa xong mà mất. Khi ông mất bà vợ tuổi còn trẻ, mà vẫn thủ tiết thờ chồng đến già.

(19) Trường-an là tên kinh đô nước Tàu.

XVIII

421. Xa xa vừa một dặm đường,
Gặp Vương-tả-Trực bằng ngàn đều đi.

423. Trãi qua thủy-tú sơn-kỳ, (1)
Lao-sao cá nhảy, cặp-kẻ chim bay. (2)

425. Người hay lại gặp cảnh hay,
Khác nào tiên-tử gặp ngày bằng-lai. (3)

427. Cùng nhau tả chút tình hoài, (4)
Rượu năm ba chén thi vài bốn câu. (5)

429. Trục rằng : « Muốn chút dài lâu,
« Mặc dầu vàng thắm, mặc dầu nước
mây. » (6)

431. Tiên rằng : « hồng-học cao bay, (7)
« E khi man mác lạc bầy về đâu, » (8)

433. Mãng còn bàn bạc cùng nhau, (9)
Trông chừng kinh-địa đã hầu tới nơi. (10)

435. Chênh chênh vừa xế mặt trời.
Hai người tìm quán nghỉ ngơi đại kỳ. (11)

Đoạn XVIII (Câu 481-583)

Vân-Tiên đi được một dặm, vừa gặp Vương-tử-Trực cùng nhau đi. Lúc uống rượu, lúc ngâm thơ, tả tình tri kỷ. Đến nơi kinh địa, mới đưa nhau vào quán mà nghỉ ngơi.

(1) Thủy-tử sơn-kỳ là nước non tốt đẹp là lòng.

(2) Cặp kẻ là đi thành hàng đôi hàng ba. Cũng có bản chép là : Chập chờn chim núi, rù rì cá khe.

(3) Tiên-tử là người tiên. Bồng-lai là tên hòn núi tiên ở. Cũng có bản chép là : Người thanh thấy cảnh nên mê, khác nào tiên-tử ở kẻ Bồng-lai.

(4) Tình hoài là tình yêu mến nhau.

(5) Vài bốn là tám ; hoặc hai bài tứ-tuyệt, hoặc một bài Đường-luật đều tám câu. Từ câu này trở xuống có bản chép là : Rượu dầm chén cúc, thơ vài lời châu. Trực rằng : « Em vẫn sở cầu, Vũ-môn ba bức rắp hần nhảy qua. » Tiên rằng : « Thế sự như hoa, xưa nay tài mệnh khéo là ghét nhau » Trực rằng : « Già mộng vực sâu, tấm lòng son sắt mặc dầu nước mây. » Tiên rằng : « Hồng nhan cao bay, khi mỗi cánh lạc bầy về sau. » Còn đang tri kỷ cùng nhau, xa trông kinh địa đã hầu tới nơi.

(6) Tục ngữ có câu : Xanh vỏ đỏ lòng
Lại có câu : Tinh nước lòng mây, đều ý
nói ăn ở hay thay lòng đổi dạ không nhất
định. Đây nói đầu nhân tinh thể nào mặc
lòng, Tự-Trực cũng muốn ở với Vân-Tiên
cho được lâu.

(7) Hộc là tên con chim mình lớn cánh
dài mà có tài bay cao. Hồng xem chú thích
câu 382.

(8) Man-mác là rộng rãi mênh mông mà
không phân biệt ra đường nào lối nào, sợ
có khi lạc bầy đi chẳng.

(9) Mãng là ham cái này mà quên cái kia.

(10) Kinh-địa là đất kinh-đô. Từ câu này
trở xuống có bản chép thêm : Tôn-sư hiểu
biết cơ trời, xót thương đồ-đệ việc đời long
đong. Phải toan một phép mới xong, hiện
ra lâu quán ở trong chốn này. Tùy nhân
linh được sắp đây, trợ ngay cứu nan giúp
rày Vân-Tiên. Thương vì lòng rất thảo
hiền, gặp cơn nước lửa ven tuyến thủy
chung. Ngày sau cũng hiệp tam hùng, giúp
trong nhà nước đạo đồng hiền vang. Tôn-
sư bàn định sửa sang, hóa ra một quán bên
đàng gần nơi. Chênh chênh vừa xế mặt trời.

(11) Đại kỳ là đợi kỳ vào thi.

XXI

437. Phút đầu gặp bạn cố-ti, (1)
Đều bày tên họ một khi mới lường.

439. Một người ở phủ Phan-chương, (2)
Tên Hâm họ Trịnh, làm thường nghiệp văn.

441. Một người ở phủ Dương-xuân, (3)
Họ Bùi tên Kiệm, tác chừng đôi mươi. (4)

443. Hai người lại gặp hội người,
Đều vào một quán vui cười ngửa nghiêng.

Đoạn XXI (Câu 437-444)

Trực cùng Tiên vừa định quán,
lại gặp bạn cố-tri, một người ở Phan-
chương, tên là Trịnh-Hâm; một
người ở Dương-xuân tên là Bùi-Kiệm;
đều vào trong quán, đợi thi một lần.

(1) Cố-tri là người quen biết cũ.

(2) Phan-chương là tên một phủ ngày
xưa ở về phần đất tỉnh Yên-buy Tàu

(3) Dương-xuân là tên một phủ ngày xưa
ở về phần đất tỉnh Yên-buy Tàu.

(4) Tác là tuổi tác.

XX

445. Kiệm rằng : « Nghe tiếng anh Tiên,
« Nay đã gặp đấng phỉ nguyên ước ao. »

447. Hâm rằng : « Chưa biết thấp cao,
« Làm thơ mới rõ bậc nào tài năng. » (1)

449. Bèn kêu ông quán dạy rằng :
« Khá toan sắm sửa vật ăn cho bề. » (2)

451. Quán rằng : « Rượu thịt ề hề, (3)
Kho lân chẳng phượng thiếu gì vật đâu ; (4)

453 « Kìa là thuốc lá rượu dàu,
« Này ve bạch-luyết, nọ bầu đàn-thung. (5)

455. « Phòng khi đãi khách anh hùng,
« Đãi trang hiền-hữu vui cùng thong-
dong. » (6)

457. Bày bàn trà rượu vừa xong,
Bốn người ngồi lại một dòng làm thơ.

459. Kiệm, Hâm còn nghĩ ngần ngơ,
Phát đầu Tiên, Trục một giờ đều xong.

461. Kiệm, Hâm xem thấy lạ-làng,
Trông rằng Tiên, Trục viết từng cồ-thi. (7)

463. Chẳng hay ông quán cười chi,
Vỗ tay đập chiếu một khi cười dật.

465. Tiên rằng : « Ông quán cười ai ? »
Quán rằng : « Cười kẻ bất tài đời xưa.

467. « Cười người Tôn-tấn hững hờ, (8)
« Trước đã sảy máy, chẳng ngờ Bàng-
quyên. » (9)

Đoạn XX (Câu 445-463)

Kiệm gặp Vân-Tiên, lấy làm phi
nguyên ao ước ; Hâm lại muốn cùng
nhau thi sức, cho rõ tài thấp cao bèn
truyền Quán bày tiệc rượu trà, để làm
thơ thử sức. Vừa xong tiệc rượu, bốn
người ngồi lại làm thơ, Hâm và Kiệm
còn ngồi trơ trông Tiên, Trục làm
xong đầu dò, hai người lấy làm lạ.

mà ngờ cho Tiên Trục viết cổ-thi. Ông Quán thấy Hâm Kiệm bất tài, ngồi cười và vỗ chiếu; Tiên hỏi cười gì thế, thời ông Quán lấy tích Bàng-quyên lừa Tôn-tấn mà thừa.

(1) Tài năng là hay giỏi.

(2) Bề là tử tế.

(3) Ê-hề là rất nhiều.

(4) Lân là một con muông rất quý trong loài thú. Phượng là một con chim rất hiếm trong loài cầm. Đây nói đồ kho và chắt rất quý.

(5) Bạch-tuyết là tuyết trắng. Đan-thung tức là Đan-xuân, nói cây xuân đỏ. Đây nói ve rượn sắc trắng và cái bầu bằng thứ gỗ quý.

(6) Hiền-hữu là bạn hiền. Thông-dòng là thông thả dỗi dáo.

(7) Tòng là theo. Cổ-thi là bài thơ cũ.

(8) Tôn-tấn là tên một người đời Xuân-thu, giỏi về cách cầm quân ra trận.

(9) Bàng-quyên cũng người đời Xuân-thu làm bạn với Tôn-tấn để theo thầy Quỷ-cốc mà học binh-thu binh-pháp. Sau hai người phản nhau.

XXI

469. Trục rằng: « Lời nói hữu duyên (1)
Thế trong kinh sử có truyền cùng chăng ? »

471. Quán rằng : « Kinh sử đã từng.
« Xem rồi lại khiến lòng hăng xót-xu.

473. « Hối thời ta phải nói ra,
« Vì chùng hay ghét bởi mà hay thương.» (2)

475. Tiên rằng : « Trong đục chừa
lường, (3)

« Chẳng hay thương ghét ghét thương lẽ nào? »

477. Quán rằng : « Ghét việc tầm-phao, (4)
Ghét cay ghét đắng ghét vào lời tâm.

479. « Ghét đời Kiệt Trụ đa dâm, (5)
« Đề dân tới nổi sa hãm sầy hang (6)

481. « Ghét đời U Lệ đa đoan. (7)
« Khiến dân luống chịu lẫn than muốn
phần. (8)

583. « Ghét đời Ngũ-bá phân-vân, (9)
« Loạn thần đa tếm, làm dân nhọc nhằn. (10)

485. « Ghét đời Thúc-qui phân-băng, (11)
« Sớm dầu, tối đánh làng quảng rồi dân)

487. Thương là thương đức Thánh-
nhân, (12)

« Khi về nước Lỗ điều trần đạo vương. (13)

489. « Thương thầy Nhan-tử dở dang, (14)

« Ba mươi hai tuổi tiếc đường công danh.

491. « Thương ông Gia-cát tại lảnh, (15)

« Gặp khi Hàn mạt đã đánh phôi pha. (16)

493. « Thương thầy Đồng-tử cao xa (17)

« Chỉ thời có chí, ngồi mà không ngồi.

495. « Thương người Nguyên-lượng
ngủi ngủi, (18)

« Đã hay giúp nước lại lui về cây.

497 «Thương ông Hàn-tử, chẳng may (19)
 « Sớm dâng lời biếu, tối đày đi xa.

499 «Thương thầy Liêm Lạc đã ra (20)
 « Vừa trời rối loạn về nhà dạy dân.

501. « Xem qua sách vở mấy lần,
 « Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương. »

Đoạn XXI (Câu 499-502)

Trực nhân thế mới nói chuyện trong kinh sử mấy ai được tuyền. Ông Quán đáp vì người hỏi thời tôi phải thừa, tôi đây kinh sử đã từng, thấy có người dữ người hiền, nên sinh lòng hay thương hay ghét. Tiên nói thương ghét lẽ nào, mà ông khéo nói; ai hay ai dở, ông Quán thử nói, mà nghe. Quán liền theo trong kinh sử kể mấy đời độc dữ, rối loạn dân đen, và kể hết mấy bậc thánh hiền, kẻ có học kinh-luân, người có tài trí-trạch, mà cái tài đức không thi được với đời; thời thương vì ai và ghét vì ai, kẻ không sai nghĩa đen trong sách vở.

(1) Hữu-duyên là có duyên.

(2) Thấy tiên-nhân đặc chí mà sinh ghét, nên thấy quân tử thất-thời mà sinh thương; chớ quân-tử bao nhiêu nên ghét tiên-

nhân bấy nhiêu. Câu này có bản chép là :
 Vì chưng hay ghét cũng là hay thương.

(3) Trong đực xem chú thích câu 29.

(4) Tầm phào chỉ những điều không được
 chính-định.

(5) Kiệt tên một ông vua cuối đời nhà
 Hạ. Trụ là tên ông vua cuối đời nhà
 Thương. Ông Kiệt ham mê sắc gái, chắt
 thịt thành non, chứa rượu thành ao, con
 gái trong cung cỡi trâu giả là trâu bò mà
 đi ăn nem uống rượu, làm cuộc chơi vui.
 Ông Trụ cũng làm như thế.

(6) Sa bầm sây hang bởi chữ bầm-tính,
 nói áp chế một cách cực khổ mà không
 cứu vớt chút nào.

(7) Vua U vua Lệ ở cuối đời nhà Chu
 làm nhiều việc đóc-dữ.

(8) Lầm than bởi chữ đồ-thán, nói dân
 cực khổ như ở trong bùn lầy than lửa.

(9) Ngũ-bá là năm vua lớn năm nước đời
 Xuân-thu, : Tề Hoàn, Tống Tương, Tấn
 Văn, Tần Mục và Sở Trang. Phán-vân là
 bối-rối.

(10) Lóan-thần đa tiếm là nhiều người
 tời tiếm ngôi vua.

(11) Thúc-qui phán bằng là đời cuối rồi
 mà quyền trong một nước chia năm rẻ ba.

(12-13) Thánh-nhân chỉ đức Khổng-tử. Về
 đời ông Lỗ Định-công, đức thánh quyền
 nhiếp chức Tề-tướng, ba tháng mà nước

thêm mạnh lên. Định-công vì ham mê nữ-nhạc mà lảng việc chính-trị, đức Thánh thấy thế bỏ mà đi nước khác. Khi thì bị vi ở nước Vệ, khi thì hết lương ở đất Trần, không chỗ nào biết tồn sủng đến cả. Sau phải trở về nước Lỗ, đầu Trần đạo vương với ông Ai-công, mà ông cũng không dùng.

(14) Thầy Nhan-hồi con ông Nhan-vô-Do, tự là Tử-Uyên, học trò đức Khổng-tử, tư chất thông minh, đức banb hiền lành, trong các học trò tài đức Khổng rất yêu thầy ấy. Hai mươi chín tuổi thì tóc bạc hết, đến ba mươi hai tuổi thì mất.

(15) Người đời Hậu Hán, họ Gia-cát, tên Lạng, tự là Khổng-minh, ở ẩn mà cây ruộng tại Kinh-châu, ông Lưu bị tới rước ba lần mới chịu ra làm quan, giúp vua Tiên-chúa đánh lại nước Ngụy, hòa với nước Ngô mà dựng nên cơ nghiệp nước Thục. Sau Tiên-chúa mất, lại giúp Hậu-chúa, Nhưng vì Hậu-chúa thơ ngây, chẳng bao lâu thời ông cũng bị đau mà mất ở quân-thứ, nên vận Hán cũng đến đó là cùng.

(16) Hán mạt là cuối đời nhà Hán. Phôi pha là lẫn lộn, rối loạn.

(17) Thầy Đồng-trọng-Thư người đời Hán, khi bé đọc kinh Xuân-thu, buông màn ba năm không ngó ra ngoài vườn. Đời triều Vũ-đế có dâng diều trần ba thước, nhưng vua không biết trọng dụng, thôi quan về nhà.

(18) Nguyên-lương tức là Đào-tiềm, người đời Tấn, học rộng văn hay. Trước ra làm chức Châu Tể-tửu rồi phải cáo về. Sau lại ra làm quan lĩnh ở Bành-trạch, cũng cáo về nhà làm ruộng, có làm bài từ « Qui-khứ-lai. »

(19) Thầy Hàn-dũ, người đời Đường, thi đậu Tiến-sĩ. Đời triều vua Hiến-tôn, ham mê đạo phật, thầy dâng tờ biểu can ngăn - vua giận, đày đi làm chức Thù-sử ở Triều-châu.

(20) Thầy Chu-đôn-Dy ở Liêm-kê, thầy Trình-học và Trình-dy người ở Lạc-dương, đều là người Tống mà không đặc thời hành đạo, vẽ nhà dạy học.

XXII

503. Trục rằng: « Chúa đất phật vàng, (1)
« Ai hay trong quán có tàng kinh-luân. (2)

505. « Thương dân sao chẳng lập thân
« Đương khi nắng hạ toan phần làm
mùa ? » (3)

507. Quán rằng: « Nghiêu Thuấn thuở
xưa, (4)

« Khó ngăn Sào-phủ, khôn ngừa Hứa-
do ; (5)

509. « Di Tề chẳng tính giúp Chu, (6)
« Một mình một núi ai hầu chỉ ai.

511. « Ông Y ông Phó ôm tài, (7)
« Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.

513. « Thời công xưa mọi cần cầu, (8)
 « Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi. (9)
 515 « Nghiêm-lãng đã mấy đũa bơi, (10)
 « Áo lòi một tấm che trời bóng dàu. (11)
 517. « Trần-đoàn đã mấy lo âu, (12)
 « Gió trăng một gối công-hầu chiêm-bao. (13)
 519. « Người nay có khác chi nào,
 « Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn.»
 521. Hàm rằng : « Lão khéo nói những,
 « Dầu cho trái việc cũng thặng bán cơm.
 523. « Gối rơm theo phận gối rơm, (14)
 « Có đầu dưới thấp mà chồm lên cao.
 525. Quán rằng : Chớp nhóng mưa đào,
 « Éch ngồi đáy giếng thấy bao nhiêu trời. (15)
 527. « Sông sâu cá lội thảnh-thơi,
 « Xem hai con mắt đã ngời như châu. (16)
 529 « Cừ treo đàn gảy tại trâu, (17)
 « Nước xao đầu vọt nghĩ âu nực cười» (18)
 531. Tiên rằng : « Ông Quán chớ cười,
 « Đây đã rõ biết những người Trúc-lâm (19)
 533. « Cùng nhau kết bạn đồng-lâm,
 « Khi cờ khi rượu, khi cầm khi thi. (20)
 535 « Công danh phú-quý mà chi,
 « Chẳng bằng thông-thả mặc khi vui vầy.»
 537. Quán rằng : « Đó biết ý đây,
 « Lời kia đã hẳn, rượu này thương cho »,
 539. Trình-Hàm là đũa so-đo, (21)
 Thấy Tiên dương ầy nghĩ lo trong lòng :
 541 « Khoa này Tiên ắt nên công,
 « Hàm dầu có đỗ cũng không nên rồi » (22)

Đoạn XXII (Câu 544-549)

Trực khen ông Quán là người học thức, ví như chùa rách mà có phật vàng, bèn hỏi sao không ra đời để mà giúp nước? Ông Quán lấy những tích Gi, Tề, Sao, Hứa, Trần-đoàn và Nghiêm-lãng, những người ở ẩn, có lòng cao thượng, xưa có người mà nay cũng có người. Nhưng Hâm chê ông Quán là người bán cơm, hã còn nói lão. Ông Quán cho Hâm là người nhỏ mọn; ếch ngồi đáy giếng, không biết trời to. Nói với Hâm thời có khác gì đàn gảy tại trâu, nước xao dầu vịt. Tiên bảo ông đừng cười nữa. Hứa kết cùng nhau làm bạn, nào công-danh, nào phú-quí, chỉ cho bằng thi túu cầm kỳ, ngày tháng thanh nhàn, một phương ăn dật. Ông Quán nghĩ lòng dây lòng dỏ đã từng biết nhau, gọi chút đồng-tâm, rót chén rượu đưa làm của tặng, Hâm và Kiệm thấy Tiên đường ấy, sinh lòng giận hơn.

(1) Ở ẩn mà có người quý trọng. Có bản chép là: Trực rằng chùa rách phật vàng.

(2) Tàng là chứa giấu. Kinh-luân chỉ những việc sắp đặt ví như kéo tơ có sợi ngang sợi dọc.

(3) Bởi câu trong kinh Thi: « Nhược đại hạn tác lâm vũ ». Nói ví cứu vớt dân đương lúc cực khổ, như nắng hạn mà lâm mưa.

(4) Vua Nghiêu đời Đường, vua Thuấn đời Ngu, hai vị để lấy đức hóa dân ngày xưa.

(5) Sào-phủ và Hứa-do tên hai người ở ẩn về đời Đường, Ngu.

(6) Bà-di và Thúc-tê là tên hai người con vua Cô-trúc, gặp lúc Vũ-vương đánh Thương hai người đón ngựa can không được, mới lên ở ẩn trên núi Thù-dương, hái rau ví mà ăn. Snốt đời không chịu ăn lúa nhà Chu, rồi chết đói trên núi ấy.

(7) Ông Y-doãn và ông Phó-duyet đều người đời Thương. Khi ông Y chưa giúp vua Thành-thang, thời cây ruộng ở Hữu-sân; khi ông Phó chưa gặp vua Cao-tôn, thời cuộc đái ở Phô-nham.

(8) Ông họ Khương, tên là Lữ-thượng hoặc là Thái-công-Vọng, người đời Chu. Lúc ông chưa gặp vua Văn-vương, thời câu ở sông Vị.

(9) Sông Vị phát nguyên ở tỉnh Cam-túc Tàu, chảy qua phần đất tỉnh Thiểm-tây vào sông Hoàng-hà.

(10) Ông Nghiêm-quang tự là Tử-lăng, người đời Hán. Nguyên trước ban học với vua Quang-vũ, đến khi vua lên ngôi thời ông ấy trốn vào cây ở núi Phú-xuân, vua vời không ra.

(11) Áo tôi một tấm bởi chữ phi nhất dương cầu, áo mặc của Tử-lăng. Cbe trời bóng dàu bởi chữ vạn bác tung quân, chỉ chỗ Tử-lăng đi cây. Có bản chép là : Áo tôi một mảnh lạng ngồi thả câu.

(12) Ông Trần-đoàn tự là Đồ-nam, hiệu là Phù-giao-tử, người đời Tống ở ẩn tại núi Hoa-sơn, nghe vua Thái-tôn lên ngôi, mừng rằng Thiên-hạ thái-bình, thường khi ngủ luôn đến trăm ngày chưa dậy.

(13) Công-hầu là tên hai tước lớn nhất ở trong năm tước. Công-hầu chiêm-bao là nói việc ra làm quan cũng cầm bằng giặc mộng chiêm-bao.

(14) Người nghèo nên lấy rơm làm gối.

(15) Kể đây giọng nói chữ thanh dễ oa, nói ví nhưng người kiến thức hẹp hòi.

(16) Câu này và câu trên ý nói những người kiến thức rộng rãi, ví như con cá ở sông sâu thời có hai con mắt sáng ngời như hạt châu.

(17) Gáy đau tai trâu thời trâu không nghe

(18) Đồ nước dàu vịt thời nước không thấm.

(19) Đời Tấn có bảy kẻ hiền chời ở Trúc-lâm : Kê-khang, Trần-hu, Nguyễn-tích, Sơn-đào, Hương-từ, Lưu-linh, Nguyễn-hâm và Vương-nhưng.

(20) Đánh cờ, uống rượu, gảy đàn và ngâm thơ.

(21) So-đo là suy hơn tính thiệt.

(22) Câu này và câu trên là ý Trịnh-hâm nghĩ taâm trong lòng.

XXIII

543 Mảng còn nghĩ việc tới lui, (1)

Đi xem băng cửa, trống thối vào trường.

545 Kẻ nghiên người tráp chặt đường (2)

Xôn xao lũ bầy, nhộn nhàng đoàn ba.

Đoạn XXIII (Câu 543-545)

Nghe lời ông Quán, ai cũng còn ngấm nghĩ phận mình. Bỗng dân nghe tiếng trống trường, mới đem nhau đi xem băng cửa, kẻ nghiên người tráp, đường chặt như nêm.

(1) Câu này có bản chép là : Còn đang trò truyện vui cười.

(2) Câu này có bản chép là : Kẻ lều người trống nghênh ngang.

XXIV

547 Vân-tiên vừa bước chân ra,
Phút đầu đi gấp lén nhà đem thư.

549 Mở phong xem rõ sự-cơ, (1)
Mình xa xuống đất một giờ ngần ngơ.

551 Ban bè ai nấy bơ-vơ,
Hỏi ra mới biết Mẫu-tử về quê. (2)

553 Trục rằng: « Anh chớ ủ-ê,
« Xin vào trong quán định bề qui-lai ». (3)

555 Tiểu-dồng thở vắn than dài, (4)
Giới sao nữ phụ những lời người ngay.

557 Trục rằng: « Đã lời nôi này,
« Tiểu-dồng người cũng làm khuây chớ
phân. (5)

559 « Sớm lo giữ việc thuốc thang,
« Chờ ta vài bữa ra tràng sẽ hay.

561 « Bảy giờ kíp rước thợ may,
« Sắm đồ thành phục nôi ngày cho xong (6)

563 « Dầy rom mũ trắng, áo thung,
« Cù theo trong lễ Văn-công mà làm » (7)

565 Than rằng: « Mẹ bắc con nam,
« Nước non thăm thăm đã cam lời nghi.

567 « Trong mình không cánh không vì,
« Lấy chỉ tếch dăm, lấy gì bốn tang. (8)

569 « Tìm quan mà lại gặp tang,
« Ngần ngơ người ở, lỡ làng người đi.

571 « Một mình trời đất nài chi,
« Sao đời vật đổi còn gì mà mong. (9)

573 « Hai hàng nước mắt ròng ròng,

« Tưởng bao nhiêu lại đau lò: g bấy nhiêu

575 « Cánh buồm bao quản gió xiêu,

« Nghĩ rằng nước chảy chín chiều ruột đau,

577 « Thương thay cứu-tự cú-lao, (10)

« Tam niên nhĩ bộ biết bao nhiêu tình (11)

579 Quán rằng : « Trời đất cao minh,

« Gió mưa đâu phát gãy ngành thiên-hương.

581 « Ai ai xem thấy chẳng thương,

« Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân. (12)

583 « Ai ai chước quỷ mưu thần,

« Phong-trần ai cũng phong-trần như ai (13)

585 « Éo-le ai khéo đặt bày,

« Chữ tài ở với chữ tai một vần.

587 « Đường đi một tháng chẳng gần,

« Khi qua khi lại mấy lần xông pha ».

Đoạn XXIV (Câu 547-548)

Tiên thấy người đi thi cũng đi, vừa ra trước quán, gặp thư nhà đưa tới, mở xem thời là Thân-mẫu về quê biển cố thương thay; chưa thi mà đã hỏng! Trục thấy Tiên lăn khóc, lấy lời yên ủi, khuyên vào quán rồi liệu bề qui-gia. Tiểu-dồng nghe cũng khóc than vô kể: trời sao độc-địa, cho đến nỗi này! Trục bảo Đồng hải đừng van la, phải lo thuốc thang và sắm đồ

thành phục, làm theo lễ cũ, dễ khi về
hộ tang. Một mình Vân-tiên, phân thi
tửu mình, phân thi thương mẹ, giận vì
duyên phận, tìm quan mà lại gặp
tang. Huống chi cách trở dặm trường,
nổi bồn tang biết thế nào cho kịp
ròng rông nước mắt, tưởng bao nhiêu
thời lại đau lòng bấy nhiêu! Ông
Quản cũng phân nàn cho Vân-Tiên,
trời đất khéo trêu người, đã phú cho
chữ-tai, lại ghép cho chữ tai liền đó;
đường đi một tháng, luống công
người qua lại, lại qua.

(1) Sự-cơ là cơ quan công việc.

(2) Mẫn-từ là bà mẹ. Về quê là thác.

(3) Qui-lại là trở về.

(4) Tiễn-dồng xem chú thích câu 319.

(5) Phán là phân nàn.

(6) Thành-phục là đồ mặc tang chế. Nội
là trong.

(7) Văn-công là thầy Cha-văn-Công đời
Tống, có bản sách Gia-lễ, nói về việc tang.

(8) Bồn tang là lo chạy việc tang.

(9) Bởi câu « vật hoán linh di », nói cuộc
đời thay đổi.

(10) Cửu-tự cú-tao là chín chữ khó nhọc.
Trong thơ Lục-ngã nói công cha mẹ sinh con.

(11) Tam-diên nhũ-bộ là ba năm bú mớm, nói công mẹ nuôi con.

(12) Báo hiếu là lấy điều thảo trả ơn cha mẹ.

(13) Phong-trần xem chú thích câu 31. Câu này và câu trên ý nói đều ai có mưu cầu ước như quỷ thần mà đã sinh ra ở đời thời phải chịu cực khổ. Có bản chép là : Phạm trần ai cũng phạm trần như ai.

XXV

589 Xây đâu bạn lác vua ta,
Trực cùng Hàm Kiệm hợp mà đưa Tiên,

591 Hàm rằng : Anh chờ đau phiền,
« Khoa này đã lỡ, ta nguyên khoa sau.

593 « Thấy nhau chết khổ với nhau, (1)
« Một vũng khăn trắng rầu - rầu khá
thương. (2)

595 Văn-Tiên cất gánh lên đường,
Trịnh-hâm bèn ngo hai hàng lệ sa.

Đoạn XXV (Câu 589-596)

Trực, Hàm và Kiệm ở trường vừa ra, cùng họp nhau đưa Tiên trở gót. Hàm khuyên Tiên hải đừng phiền não, hổng khoa này còn có khoa sau, xót thay vì nghĩa sinh-thành, công ơn biết ngày nào giả được. Văn-Tiên cất gánh, Trịnh-Hâm giả làm bộ thương-nhớ vô cùng.

(1) Có bản chép là : Thương nhau khốn nỗi giúp nhau.

(2) Có bản chép là : Một vùng mây trắng rầu rầu khá thương.

XXVI

597 Đi vừa một dặm xa xa,
Xây đầu ông Quán bốn ba theo cùng.

599 Quán rằng : « Thương đáng anh hùng
« Đưa ba hoàn thuốc để phòng về sau.

601 « Chẳng may mà gặp lúc nào,
« Đương khi quá đói ăn vào cũng no ».

60 « Tiên rằng : « Chịu lấy ơn cho,
« Tấm lòng ngại-ngại, hãy lo xa gần ».

605 Quán rằng : « ta cũng báng khuâng
« Thấy vậy nên mới tí-trần chờ đây. (1)

607 « Non xanh nước biếc vui vầy,
« Ngâm thi Bạch-tuyết, luyện bài Kim-đan (2)

609 « Ăn thần theo chốn yên-nhàn, (3)
« Trưa nơi danh-lợi, lánh đảng thị-phi ». (4)

611 Nói rồi quay-quả ra đi, (5)
Vân-tiên xem thấy bèn nghĩ trong lòng.

613 Trông chừng dặm tí thẳng rong, (6)
Nghĩ đòi cơn, lại mẩn nòng đòi cơn.

615 Nên chẳng chút phân chi sờn, (7)
Nhớ câu dưỡng-dục, lo ơn sinh-thành. (8)

617 Mang câu bất hiếu đã đành,
Nghĩ mình lại thẹn cho mình làm con.

619 Ngùi-ngùi một tấm long son. (9)

Những năm giá nợ nước non cho rồi. (10)

621 Nào hay nước chảy hoa trôi, (11)
Nào hay phận bạc như vôi thế này.

623 Một mình ngơ ngẩn đường mây,
Khắc nào chim nhạn lạc bầy kêu sương (12)

625 Đến đây mới biết tổ-tường,
Hèn chi thầy dạy khoa-trường còn xa.

Đoạn XXVI (Câu 579-626)

Vân-Tiên đi một dặm xa, ông Quán chạy theo đưa ba hoàn thuốc, dặn đề phòng má ăn lúc bất-thời. Tiên từ tạ cảm ơn, nhưng lòng hăi còn nghi-nghĩ. Ông Quán nói ông cũng chán điều danh-lợi, tị trần mà theo chốn thanh nhàn. Ông Quán nói vậy, rồi ra đi. Tiên cũng thẳng rong rặm lía, nghĩ mình bất-hiểu, then phận làm con, tưởng phen này giả nợ nước non, nào hay mình gặp cơn gia biến, lúc bấy giờ mới nghiệm câu thầy dạy khoa-trường còn xa.

(1) Tự-trần là lánh cõi trần mà ở ẩn.

(2) Bạch-tuyết xem chú thích câu 454.
Kim-đan là bài thuốc tiên. Có bản chép là:
Một bầu khô-tứu một bầy kim-lan.

(3) Yên nhàn là yên ổn thông thả.

(4) Thi phí xem chú thích câu 178.

(5) Quay-quả là bỏ ra đi ngay.

(6) Dặm tía bởi chữ tử-mạch, nói dặm đường đi tới kinh-đô

(7) Dẫn gặp nên tư thế nào cũng giữ lấy bốn phạm không để sai chạy.

(8) Dưỡng-dục là nuôi nấng.

(9) Lòng son xem chú thích câu 250.

(10) Công ơn cho mẹ như nước như non.

(11) Tả lúc lênh đènb cực khổ.

(12) Tả cảnh bơ vơ một mình.

XXVII

627 Tiền-đồng thấy vậy thưa qua :

« Từ đây cho tới quê nhà còn lâu.

629 « Thế này chẳng dứt mối sầu,

« Minh đi đã mỗi, dòng châu chẳng ngừng.(1)

631 « Ê khi mang bệnh nữa chừng,

« Trong non khó liên, giữa rừng khó toan».

633 Tiên rằng: « Khô héo lá gan,

« Ôi thôi con mắt đã mang mối sầu. (2)

635 « Mịt mù nào thấy chi đâu,

« Chân đi đã mỗi, mình đau như dần.

637 « Có thân lại khổ với thân,

« Thân ôi thân biết mấy lần chẳng may ! »

639 Đồng rằng : « Trời đất có hay ?

« Ra đi mới dặng mười ngày lại đau.

641 « Một mình vắng trước vắng sau.

« Xanh xanh bờ bụi, rêu rầu cỏ cây.

643 « Vốn không làng xóm chi đây,

« Xin lân tới trước tìm thầy thuốc thang. »

Đoạn XVII (Câu 627-644)

Tiền-đồng thấy Vân-Tiên buồn, thường khi chửa chan nước mắt, mới kể sự đường trường dậm thắm, về nhà còn xa, thế mà không cất buồn làm khuấy, e khi mắc bệnh giữa đường, biết thế nào tính liệu. Tiên than thở về câu bảo hiệu, khô héo buồng gan; khiến đau đớn trong lòng nên mình mệt chân đi thêm mỏi. Đồng thấy Vân-Tiên đau xin hỏi đi lần đề tìm người má hỏi thăm thấy thuốc.

(1) Dòng chầu là dòng nước mắt.

(2) Có bản chép là : Dạ đeo túi thắm, lòng mang gói thuốc.

XXVIII

645 Vừa may gặp khách qua đường,
Người đều chỉ nẻo vào làng Đông-vân.

647 Dắt nhau khi ấy hỏi thăm,
Gặp thầy làm thuốc tên rằng Triệu-ngang.

649 Ngang rằng : « Hỏi tạm nghỉ an,
« Rạng ngày xem mạch đầu thang mới
dân... (1)

651 « Gặp thầy thời bệnh ắt lành,
« Bạc vàng trong gói sẵn dành bao nhiêu? »

653 Đồng rằng : « Tiền bạc chẳng nhiều,
« Xin thầy nghĩ lượng đặng điều thuốc thang.

655 « May mà bệnh ấy đặng an,
« Bạc còn năm lượng trao sang cho thầy ».

657 Ngang rằng : « Thầy ở chốn nầy
« Ba đời nổi nghiệp làm thầy cả ba.

659 « Vị chi cũng đủ trong nhà,
« Nội-kinh đã sẵn ngoại-khoa thêm mẫu (2)

661 « Trước xem thọ thế làm đầu. (3)
« Sau xem Y-học, thứ câu Đông-y. (4)

663 « Gẫm trong Ngân-hán-tĩnh-vi, (5)
« Cùng là Cương - mục khác gì Thanh
nang. (6)

665 « Gẫm trong Tập-nghiệm-lương-
phương. (7)
« Cùng là Ngư-chế, trải đường Hồi-xuân (8)

667 « Vị chi sẵn đặt quân-thần, (9)
« Thuốc đã bào-chế mười phân rõ ràng (10)

669 « Mạch thời đọc phú Lư-san, (11)
« Đặt tay vào bệnh biết đường tử sinh (12)

671 « Lục-quân, tứ-vật thang-danh (13)
« Thập-luyện, bát-vị sẵn dành nội-thang (14)

673 « Lại thông bát-trần-kỳ-phương (15)
« Nội-thương ngoại-cảm đầu thang ngũ-
sai ». (16)

675 Đồng rằng : « Thầy thực có tài,
« Xin thầy xem mạch cho bài thuốc thang ».

- 671 Ngang rằng : « Lục-bộ đều tan (17)
 « Bộ quân bên tả mạch ngang phù hồng (18)
 679 « Cừ trong sách trước mà thông (19)
 Mệnh-môn tương-hỏa đã xông lên đầu (20)
 681 « Tam-liên tích nhiệt đã lân, (21)
 « Muốn cho giáng-hỏa phải đầu tư-âm, (22)
 683 « Hoàng - liên. hoàng-bá, hoàng-
 cầm, (23)
 « Gieo vào cho bội, nhiệt-tâm mới bình (24)
 685 « Ngoài thời cho điểm vạn-linh (25)
 « Trong thời cho uống hoàn-tĩnh mới
 xong. (26)
 687 « Khá trao hai lạng bạc ròng.
 « Bỏ thêm vị thuốc để phòng đầu thang.
 689 « Chẳng qua làm phúc cho chàng.
 « Nào ai đòi cuộc đời đàn chi ai ».
 691 Tiểu-đồng bèn tưởng có tài,
 Vội vàng mở gói lấy vài lạng trao.
 693 Mười ngày chẳng bớt chút nào.
 Thêm đau trong dạ như bào như xoi.
 695 Đồng rằng : « Vào đó thầy coi !
 « Bệnh sao chẳng bớt mà đòi bạc thêm ».
 697 Ngang rằng : « Nằm thấy khi đêm.
 « Tỏ sự mạch bảo một đêm chiêm-bao. (27)
 699 « Quỷ thần ngái ở trên cao,
 « E khi đường sá lẽ nào biết đầu.
 701 « Tiểu-đồng người khá qua cầu,
 « Cùng ông thầy bói ở đầu Tây-viên, (28)

Đoạn XXVIII (CÂU 345-702)

Vừa gặp khách qua đường chỉ nẻo vào Đồng-văn mới thấy Triệu-Ngang. Đồng tới mới thấy, qua chân thăm bệnh; thấy bảo bệnh ấy, gặp thầy thì chắc hẳn yên, trong túi được mấy bạc tiền, đưa cho thầy để lấy thuốc. Đồng nhớ thầy làm phúc, hứa bệnh lành thời năm lạng bạc đưa dâng. Ngang kê nhà thầy làm thuốc ba dờ, sách thuốc đã thông mà xem mạch cũng giỏi. Đồng xin thầy xem mạch, rồi cho bài. Thấy cầm lấy mạch, bảo bệnh tích-nhiệt đã lâu, phải uống tư-âm giáng-hỏa, và phải trao ngay hai lạng bạc, bổ thêm một vị thuốc để phòng. Tiều-dồng cạn sạ, cũng lấy bạc đưa, thầy chữa mười ngày, mà bệnh không hơi lại thêm. Đồng hỏi thầy, thời thầy lại đổ cho quỷ thần làm tội. Lại bảo đi tìm thầy bói ở đầu Tây-viên.

(1) Đầu thang là cho thang thuốc.

(2) Nội-kinh là chỉ chung những bản sách Cánh-xu và Tổ-văn. Ngoại-khoa là các cách chữa bệnh ngoài da.

(3) Thọ-thể bảo-nguyên là tên bản sách thuốc, chuyên trọng về cách bồi bổ.

(4) Y-học-nhập-môn là tên bản sách dạy người bắt đầu làm thuốc. Đông-y-bảo-giám là tên bản sách nói về nghề làm thuốc bắc.

(5) Ngân-hân-tinh-vi là tên bản sách thuốc chữa con mắt.

(6) Bản-thảo-cơng-mục là tên bản sách chép các vị thuốc. Thanh-nang là bản sách qui định trong dây xanh.

(7) Tập-nghiệm-lương-phương là tên bản sách gộp các vị thuốc kinh nghiệm.

(8) Ngự-chế là tên bản sách của một ông vua soạn ra. Vạn-bệnh-hồi-xuân là tên bản sách thuốc chữa các bệnh nguy cấp.

(9) Quân thần cũng như nói chính, phụ. Trong một bài thuốc vị nào chính là quân, vị nào phụ là thần.

(10) Bào-chế là theo tính thuốc mà sao tẩm để chế thành thuốc chín.

(11) Đời Tần ông Lý-ngao ở ẩn tại Lư-sơn nghiên cứu sách thuốc có làm ra bài phú nói về mạch lạc người ta.

(12) Tử sinh là chết sống

(13) Lục-quân là bài thuốc chỉ có sáu vị. Tứ-vật là bài thuốc chỉ có bốn vị. Thang danh là tên thang thuốc.

(14) Thập-luyện là bài thuốc chỉ có mười

vị. Bát-vị là bài thuốc chỉ có tám vị. Nội thang là thang uống trong để bồi bổ.

(15) Bát-trận-kỳ-phương là tám phương thuốc lạ để trị bệnh.

(16) Nội thương là thương hại ở trong. Ngoại cảm là cảm mạo ở ngoài. Ngũ-sái là bài thuốc có vị ngũ-bội và sái-hồ.

(17) Lục-bộ là sáu bộ mạch.

(18) Quan là tên một bộ mạch đối với xích và thốn mà nói. Tả là tay trái. Phù là nổi. Hồng là lớn.

(19) Thông là xem suốt. Có bản chép là : Cự trong kinh lạc mà trông.

(20) Mệnh-môn-tướng-hỏa là hỏa ở chỗ hai trái cật.

(21) Tam-tiên là miệng, bọc chứa và bằng-quang.

(22) Tư-âm là bổ thêm âm.

(23) Ba vị này tính rất hàn-lương, cũng gọi tam-hoàng giải nhiệt.

(24) Nhiệt-tâm là nóng ruột.

(25) Vạn-linh là tên một thứ thuốc nước.

(26) Hoàn-tĩnh là tên một thang thuốc.

(27) Tồ-sư là Tiên-sư, ông bày vẽ một nghề nghiệp gì trước.

(28) Tây-viên là vườn phía tây.

XXIX

703. Tiểu-dồng nghe nói đi liền,
Gặp ông thầy bói đặt tiền xin coi.

705. Bói rằng : « Chưa đặng hẳn hỏi, (1)

« Cớ sao nên nổi đặt coi thể này.

707. « Ta đây chẳng phải các thầy,

« Bói vơ bói vút nói chi chẳng nhằm.

709. « Ôn nhuần kinh Dịch mấy năm, (2)

« Sáu mươi bốn quẻ, ba trăm dư hào, (3)

711. « Hoàng-kim, Dĩ-hạc sách cao, (4)

« Lục-nhâm, Lục-giáp chôn nào chẳng
hay. (5)

713. « Can chi đều ở trong tay, (6)

« Đã thông thiên địa lại hay việc đời.

715. « Hiện tiền quan một bốn mươi, (7)

« Cơi trầu chén rượu cho tưới lòng thành

717. « Đặt lên vái với thần linh,

« Khẩn tên tuổi ấy lộ-trình mặc chi (8)

719. « Hỏi ra tên họ là gì?

« Cho thầy đặt quẻ một khi mới lường. »

721. Bói rằng : Người ở Đông-
phương, (9)

« Ra đi buôn bán giữa đường chẳng an.

723. « Có nhà họ Lục là chàng,

« Tuổi vừa hai tám, còn đương thơ ngây. »

725. Bói rằng : « Đinh-mão năm nay,

« Hèn chi giáp-lý ngày rày chẳng an.

727. « Mệnh kim lại gặp cung cần, (10)

« Tuổi này là tuổi giàu sang trên đời.

729. « Có đâu buôn bán xa xôi,

« Sao người khéo kiếm những lời trời rơi.

731. « Cầm tiền gieo xuống xem qua,

« Một Dao hai Sách mà ba hào trắng.

trừ mới yên, Phù pháp cao tay, ở Trá-thanh có thấy Đạo-sĩ.

(1) Hắc-hoại cũng như nói tử-tế.

(2) Dịch là tên một quyển Kinh chủ về nghề bói.

(3) Nguyên đầu tám quẻ sau biến thành 64 quẻ, mỗi quẻ 6 hào, ca thay 384 hào.

(4) Hoàng-kim-sách và Dĩ-hạc là tên vàng sách bói.

(5) Lục-nhâm và Lục-giáp là tên những phép bói.

(6) 10 can : giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm và quý. 12 chi : tý, sửu, dần, mão, thìn, ty, ngọ, vị, thân, dậu, tuất và Hợi.

(7) Một quan một tiền bốn mươi đồng kẽm.

(8) Lộ-trình là đường sá.

(9) Hồng-phương chỉ quận Đông-thành.

(10) Kim là tên một loài ở trong ngũ hành. Càn là một quẻ trong bát quái.

(11) Lục-xung là sáu chi này sung mặt với sáu chi kia.

(12) Phụ mẫu là cha mẹ. Tử tôn là con cháu.

(13) Du-dồn là quẻ biến rất xấu.

(14) Lục ở trong đối với ứng ở ngoài. Quan là quan quĩ.

(15) Mẫu-tang là tang mẹ.

(16) Thấy pháp là thấy hóa phép.

747. Tiểu-đồng vốn chẳng biết khôn,
Xây nghe lời nói lại bôn chôn tìm.

749. Sĩ rằng : « Trẻ ở đâu tìm ?
« Hay là đã mắc lấy điếm chi đây. »

751. Đồng rằng : « Nghe tiếng đồn thầy,
« Trừ tà yếm quỷ bùa thầy rất hay. »

753 Sĩ rằng : « Mẹo đã cao tay,
« Lại thêm khủ chủ xưa nay ai bì.

755. « Qua sông cá nhảy nép vì,
« Vào rừng cọp thấy đều quí lay đưa.

757. « Phép hay làm gió làm mưa,
« Sai chim, khiến vượn, đuôi lừa, vật trâu.

759. « Phép hay niệm chú một câu,
« Tóm thu muôn vật vào bầu hồ-linh. (1)

761. « Phép hay sai đậu thành binh, (2)
« Biến hình làm tướng phò thành

Diêm-vương. (3)

763. « Phép hay đi giao hỏa-trường, (4)
« Ngồi gươm đi dạo mở đường thiên-

oan. (5)

765. « Có ba lạng bạc trao sang,
« Đặng thầy sẵn sửa lập đàn chữa cho. »

767. Đồng rằng : Tôi đã sớm ầu,
« Không nhà, chưa biết vào đâu bây giờ.

769. « Giữa đường bờ-ngõ dật-giờ,
« Bạc dành hai lạng phòng trừ lo toan.

771. « Chữa chuyết bệnh ấy đặng an,
« Rồi thời tôi sẽ trao sang cho thầy. »

773. « Sĩ rằng : Về lấy bạc đây,
« Được cho toan liệu sớm bày đàn ra. »
775. Đồng rằng : « Tôi đã lo xa,
« Lo vì người bệnh ở nhà không an.
777. « Bạc nay tôi phải đưa sang,
« Xin thầy luận pháp lo toan thế này. »
- 779 Sĩ rằng : « Có khó chi nào.
« Người nằm ta chữa rồi trao bùa về. »
781. Đồng rằng : Tôi vốn thẳng hễ,
« Đau chi tới nỗi toan hễ chữa chuyén. » (6)
783. Sĩ rằng : « Ta phải dạng quỳên,
« Bệnh nam chữa bắc mà thuyén mới tài. »
785. Tiểu-đồng nghe lọt vào tai,
Lòng mừng vội vã nằm dài xin chuyén. (7)
787. Sĩ rằng : « Cốc cốc hô liên,
« Mời ông Bán-cổ tọa tiền chứng minh, (8)
789. « Mời ông Đại-thánh-tễ-thiên, (9)
« Cùng bà Võ-hậu đều liền tới đây. (10)
791. « Mời ông Nguyên-súy-chính.
láy, (11)
- « Cùng bà Xiếu-mẫu xum vây một khi. (12)
793. « Mời ông Phật-tổ-đà-di, (13)
« Cùng bà Cổ-hĩ đều vì hai phòng. (14)
795. « Mời bà Công-chúa-ngũ-long, (15)
« Bình nam-ngũ-hồ hội-đồng yên đình. (16)
797. « Lại mời thiên tướng thiên
bính, (17)
- « Mời vì Tam-phủ, Đổng-đình xích-lân. (18)
799. « Mời đã khắp hết quỷ-thần,

« Đem nhau xuống chốn hạ-trần đi chơi. (19,
801. « Cho người ba đạo bùa trời,
« Uống vào mạnh khỏe như lời chẳng sai.»
803. Tiểu-đồng uống những chạy hoải,
Linh bùa trở lại loan bài thuốc thang.

Doạn XXX (Câu 747-804)

Đồng nghe Đạo-sĩ có tài, lại tìm cho
được, đề nhờ thầy trừ yểm cho. Thấy
nhũ kiểm ba lạng bạc trao tay, thời
thầy mới lập đàn chữa bệnh. Đồng
xin chịu hai lạng, khi nào chữa yên
thì sẽ trao. Thầy khẳng khẳng không
chịu. Thầy lấy bạc rồi bảo Đồng nằm
ra, cho thầy chữa, làm cách bệnh nam
chữa bắc, dụng quyền mà bệnh cũng
dủ thôi. Đồng nghe nói lọt tai, nằm
xin thầy chữa. Thầy liền đánh cốc,
khắp mời tiên-thánh tiên-sư lại
giáng bản đàn, giúp thầy trị bệnh. Rồi
phát phủ ba đạo, nhũ đưa về cho
Tiên uống, khỏe mạnh như thường.

(1) Hồ-linh là một cái bầu thiêng.

(3) Sái đạo thành binh là vài bài diệu
biến thành quân lính.

(3) Diêm-vương là vua ở Thủy-phủ. Có
bản chép là : Bên rơm làm tướng phá
thành Diêm-vương.

- (4) Hỏa-trường là đám lửa.
- (5) Thiên-quang là quang ngời trời lam.
- (6) Câu này có bản chép là : Bệnh thấy chữa tở khó đang được nào.
- (7) Chuyên là chữa-chuyên.
- (8) Bàn-cổ là một họ phát tích đầu hết ở nước Tàu.
- (9) Đại-thành-tế-thiên là chữ tôn xưng ông thánh tại gỏi ngang trời.
- (10) Bà Vũ-nâu đời Đường tiếm ngôi làm vua, hiệu là Tắc-thiên.
- (11) Nguyên-suy-chính-tây là ông quan võ đánh giặc giỏi.
- (12) Xiêu-mẫu là bà đáp vải đời Han, thấy Hàn-lin nghèo mà nuôi cho ăn cơm.
- (13) A-di-đà là hiệu của đức phật, chỉ nghĩa công đức vô-lượng.
- (14) Cô-di là tên một người dân da đen xưa.
- (15) Ngũ-long là hiệu năm bà Công-chúa.
- (16) Ngũ-hồ là hiệu năm quan tướng võ.
- (17) Ngan tương ngân quan.
- (18) Tam-phủ : Thiên-phủ, Địa-phủ và Thủy-phủ. Đổng-dinh là tên một cái hồ ở trong Ngũ-hồ nước Tàu. Xích-lân là hiệu con cá gáy.
- (19) Hạ-trần là dưới cõi trần.

805. Vào nhà thưa với Triệu-ngang,
Pháp phù đã đủ thầy toan lẽ nào?

807. Ngang rằng : « Trong gói còn bao,
« Người vào mở gói mà trao cho thầy. »

809. Đồng rằng : « Tôi quyết lời này,
« Bệnh kia dầu khá, mệnh này bán đi. » (1)

811. Triệu-ngang biết chẳng còn chi,
Kiếm lời tráo trác xui đi khỏi vòng : (2)

813. « Ở đây làng nước kho lòng,
« E khi mưa nắng ai hồng đỡ che. » (3)

815. Đồng rằng : « Trong gói vắng ve, (4)
« Bối tin nên mặc, bối nghe nên lăm.

817. « Mời lo linh hết một trăm,
« Minh ve khô hết, ruột tâm héo đon. (5)

819. « Thương thay tiền mất lại còn,
« Bơ-vơ đất khách hương-thôn thế này.

821. « Thôi thôi tạm gượng khỏi đây.
« Tôi xin khuyến giáo nuôi rày cùng nhau.

Đoạn XXXI (Câu 805-822)

Đồng linh bùa về, hỏi Triệu-Ngang về cách cứu trị, xem có phương pháp gì nữa không? Ngang bảo còn bao nhiêu tiền, đưa cho thầy lấy thuốc. Tôi Đồng đã cạn, mới hứa bán mình để kiếm thuốc cho Tiên. Ngang biết không còn cò chi, kiếm lời xui đi chốn khác cho rảnh. Đồng phàn-nản mấy

lần mắc đại, tiền thì mất mà tại hải còn, đất khách quê người, biết thế nào tính liệu ; âu là đi cho khỏi đề rồi xin khuyến-giáo nuôi thầy.

(1) Mạnh là mạnh người, chỉ thân thể con người.

(2) Tráo-trac là lừa dối.

(3) Mưa nắng xem chữ nắng mưa câu 54.

(4) Vãng-ve là cạn hết.

(5) Minh người khô hết như con ve kêu hạ, khúc ruột héo don như con tằm kéo tơ.

(6) Khuyến-giáo là đi khuyên những người hảo-tâm cấp cho tiền gạo.

XXXIII

823. Vân-Tiên chi tiết nổi sầu,
Tiêu-đồng du dứt nay cầu mai sông.

825. Đang khi mưa gió long-đong,
Người buồn lại gặp cảnh cùng thêm
thương. (1)

827. Xiết bao ăn tuyết nằm sương, (2)
Màn trời chiếu đất, đường trường lao-
đao. (3)

829. Dầu cho tài trí rất cao,
Gặp cơn nguy biến biết bao đặng thương.

831. Nghêu-ngao đường khách tha-
hương, (4)
Ai ai tỏ biết không thương bao giờ.

Đoạn XXXII (Câu 823-832)

Đồng khi ấy đi dắt Vân-Tiên ra đi một lúc, bước cao bước thấp, nỗi đường trường thấy tờ bơ vơ.

(1) Cùng là khốn đốn. Có bản chép là : Người rầu rĩ, cảnh nào nùng thêm thương.

(2) Ăn tuyết nằm sương bởi chữ phong-xan lộ-tức, nói cảnh đi đường ngày đêm cực khổ.

(3) Màn trời chiếu đất bởi chữ thiên địa là mạc, nói người đi đường tối gặp dần thời nghỉ lại đây.

(4) Tha-hương là làng khác.

XXXIII

833. Tiên rằng : « Đi đã gần ngõ,
« Tìm nơi khe suối bờ nghỉ chân. »
(chung)

835. Đồng rằng : « Chút nữa khỏi rừng,
« Tìm nơi quán xá sẽ dừng nghỉ-ngơi. (1)

837. « Non tây vừa gác mặt trời,
« Tớ thấy đi dắt tới nơi Đại-dề. » (2)

Đoạn XXXIII (Câu 833-838)

Vân-Tiên đi đã gần-ngõ, bảo kiếm nơi tạm nghỉ. Mặt trời gần xế, thấy tờ đem nhau đi tới Đại-dề.

(1) Quán-xá là nhà quán, chỗ để khách nghỉ chân.

(2) Đại-dề là tên xứ đất.

XXXIV

839. Trò thi một lũ ra về,

Trịnh-hâm xem thấy lại kờ hỏi thăm ?

841. « Anh về nay đã hai năm ?

« Có sao mắc bệnh còn nằm ở đây ? »

843. Tiên rằng : « Tôi đã chẳng may,

« Chẳng hay chúng bạn khoa nay thế nào ? »

845. Hâm rằng . « Tử-trực đậu cao,

« Tôi cùng Bùi-kiệm đều vào cử-nhân. (1)

847. « Một tôi về trước tỉnh-thân, (2)

« Trục cùng Bùi-kiệm còn lần đi sau,

849. « Đương khi hoạn-nạn gặp nhau,

« Người lành nỡ bỏ người đau sao đành.

851. « Từ đây về đến Đông-thành,

« Một mình bệnh trọng bộ-hành sao xong. (3)

853. « Lần hồi tới chốn giang-trung, (4)

« Tìm thuyền ta sẽ đi cùng với nhau, »

855. Tiên rằng : « Tình trước nghĩa sau,

« Gặp nhau há dễ bỏ nhau phen này. »

857. Hâm rằng : « Anh tạm ngồi đây,

« Tiểu-đồng tới trước sông này cùng ta.

859. « Vào rừng lấy thuốc ngoại-khoa,

« Phòng khi sông bến phong-ba bất kỳ. (5)

Đoạn XXXIV (Câu 839-860)

Trịnh-Hâm thi về, gặp Vân-Tiên mà ghé lại hỏi thăm, hỏi sao hai năm về chưa đến nhà, cũng bởi vì trên đường bị bệnh. Tiên cùng Hâm bàn việc

khoa-cử, rồi phàn nàn đến sự rủi may. Hâm bảo Tiên bệnh nặng bỏ-hành không xong, phải thuê thuyền cùng nhau nói chuyện. Tiên nói anh em tình nghĩa, gặp nhau sao nỡ bỏ nhau. Hâm khi ấy bảo Tiên tạm ngồi, mà dắt Đồng đi cùng Hâm vào rừng kiếm thuốc.

(1) Cử-nhân là chữ để gọi chung những người thi đậu bằng giáp ở khoa hương.

(2) Tỉnh-thân là hỏi thăm cha mẹ.

(3) Trọng là nặng. Bộ hành là đi đường bộ.

(4) Giang-trung là giữa sông.

(5) Phong-ba bất-kỳ là cơn gió sóng chẳng hẹn mà gặp, nói vì việc biến cố xảy ra.

XXXV

861. Tiêu-đồng vội vả ra đi,
Muốn cho nên việc, sự gì lao-đao.

863. Trịnh-Hâm ở dạ gươm đao, (1)
Bắt người Đồng-tử buộc vào trong cây.

865. « Trước cho kùm cọp ăn mây,
« Hai Tiên sau dụng mưu này mới xong. »

867. Vân-Tiên những mắng đợi trông,
Trịnh-Hâm về nói : « Tiêu-đồng cọp ăn. »

869. Vân-Tiên than khóc ngã lăn,
Có đâu đất lở trời băng thình-lình. (2)

871. Bảy lâu đất khách lỉnh-đỉnh.
Một thầy một tớ lộ-lạc nuôi nhau.

873. Nay đã hai ngã cách nhau,
Còn ai nâng trước đỡ sau cho mình.

875. Hâm rằng : « Anh chờ ngại tình,
« Tôi xin đưa lời Đồng-thành thời thôi. »

877. Vân-Tiên chỉ xiết sụt-sùi,
Buồm đã theo gió chạy xuôi một bề.

Đoạn XXXV (Câu 861-878)

Trịnh-Hâm đưa Đồng vào núi, bắt cột lại bên cây, trở về đối Vân-Tiên, thảng Đồng bị cộp bắt. Tiên chắc là thật, than khóc vô cùng, lại phàn nàn không có ai giúp đỡ. Hâm bảo Tiên đừng ngại xin đưa Tiên về ; Tiên cùng Hâm xuống thuyền, dè nẻo quê nhà, trương buồm theo ngọn gió.

(1) Bồi câu phúc-trung hữu-kiểm nói trong bụng mưu hại người ta, như cắt sẵn dây gươm.

(2) Tai biến rất lớn vì như đất lở trời nghiêng.

XXXVI

879. Tiều-dồng bị trời khôn về,
Khóc la những thấy bốn bề rừng hoang.

881. Phận mình còn mãi chẳng than,
Thương thay họ Lục tuổi vàng bơ vơ. (1)

883. Xiết bao những nỗi dật-giờ,
Bề sông nào biết, bụi bờ nào hay.

885. « Vân-Tiên hồn có thiêng thay,
« Đem tôi theo với đỡ tay chân cùng ! »

887 Nói rồi lệ nhỏ rờn rờn,
Đem khuya ngồi dựa cội tùng ngủ quên. (2)

889. Sơn-quân đứng lại một bên,
Cần dây mở trói cổng lên, ra đường,

891. Tiểu-dồng thức dậy mơ màng,
Xem qua thấy đất rõ ràng mới hay.

893. Nửa mừng nửa lại sợ thay,
Chạy ra chốn cũ tìm thầy Vân-Tiên.

895. Mặt trời vừa gác mái hiên.
Người buồn, kẻ bán chợ phiên nhộn-nhàng.

897. Đồng rằng : « Bà quán giữa đường,
« Hôm qua có thấy người tang chẳng là ? »

899. Quán rằng : « Thôi đã ra ma,
« Khi mai làng xóm với đã chôn đi. »

901. Đồng rằng : « Biết chốn nào đi ? »
Quán rằng : « Đi khỏi thôn này thấy chẳng »

903. Tay lau nước mắt, trông chừng.
Xây nghe tiếng nói đầu rừng lao xao.

905. Tiểu-dồng vội vã chạy vào,
Chúng-dân đều hỏi : « Đứa nào tới đây ? »

907. Đồng rằng : « Tôi tới tìm thầy,
« Chẳng hay người dưới mã này là ai ? »

909. Dân rằng : « Thấy kẻ con trai,
« Ở đâu chẳng biết rạc-rời tới đây. (3)

911. « Tay chân một mãi tốt thay,
« Đau chi nên nổi nước này khá thương ! »

913. Tiểu-dồng chẳng kịp hỏi han,
Năm lần bên mã khóc than bồi hồi.

915. Chúng-dân xem thấy thương ôi,
Kêu nhau vác cuốc đều lui về nhà.

917. Tiều-dồng xem thấy xót-xa,
Che lều giữ mả, lòng ta trọn nghĩ. (4)

919. Một mình ở đất Đại-đề,
Sớm đi khuyến giáo, tối về quấy đơm. (5)

921. Hết lòng già nợ áo cơm,
Sống lo báo-bồ, thác thom danh truyền.

Đoạn XXXVI (Câu 879-928)

Tiều-dồng bị trời, ngồi khóc trong non, bỗng dẫu dựa cội cây ngủ quên, cọp mở trời tha lên đường cái. Đồng được khỏi chết, còn nhớ đến Vân-Tiên, hỏi thăm đường cũ lần theo, kể hình dạng đến dẫu hỏi đó, Giữa đường nghe lời bà quán, lại nghe dẫu rừng có tiếng lao-xao, tức thì tới đó hỏi thăm, thời dân kể hình dạng người con trai, đau bệnh mà chết. mới chôn ở đó. Tiều-dồng nghe nói, ngó mả Vân-Tiên, vật mình khóc van, rồi che lều ở lại, ngày đi khuyến giáo, tối về cúng cơm, một mình ở đất Đại-đề mặc dẫu khuya sớm.

(1) Suối vàng bởi chữ hoàng-tuyền, nói ở dưới đất.

(2) Cội tùng là gốc cây thông.

(3) Rạc-rời là đôi rách, đau yếu. Có bản chép là : Ở đâu chẳng biết lạc loài tới đây.

(4) Trọn nghĩ là trọn vẹn tình nghĩa.

(5) Quấy đơm là cúng vái.

(6) Có bản chép là : Sống vang tiếng nghĩa, thác thơm danh hiển.

XXXVII

923. Đoạn này tới việc Vân-Tiên,
Năm canh ngồi giữ mạn thuyền thở than (1)

925. Khăn lau giọt lệ chứa chan,
Nghĩ thương phận tớ mắc nạn khi không. (2)

927. Lênh đênh thuyền giữa bể Đông,
Cảm thương hai chữ tang-bồng gần-ngờ,

929. Đêm khuya lặng-lẽ như tờ,
Nghiêng ngang sao mọc, mặt mờ sương bay.

931. Trịnh-Hâm khi ấy ra tay,
Vân-Tiên bị gã đôi ngay xuống vời. (3)

933. Trịnh-Hâm một tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phôi-phá. (4)

935. Trong thuyền ai nấy đều ra,
Đều thương họ Lục xót xa trong lòng.

Đoạn XXXVII (Câu 923-936)

Từ lúc Vân-Tiên xuống thuyền, lênh đênh giữa dòng, xiết bao phiền não, nỗi niềm thương mẹ; lại thương Đồng mắc nạn tự-nhiên. Đêm khuya đương lúc không ngờ, bị Hâm đem đôi xuống nước.

(1) Mạn là mép thuyền.

(2) Tờ chỉ Tiên-dồng.

(3) Gã chỉ Trịnh-Hâm. Đói là ném xuống.

(4) Phôi-pha xem chú thích câu 186.

XXXVIII

937. Văn-Tiên mình xuống giữa dòng,
Giáo-thần đu đờ vào trong sông rày (1)

939. Vừa may trời đã rạng ngày,
Ông Ngư xem thấy vớt ngay lên bờ. (2)

941. Hiện còn này lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, bà hơ mãi mày.

943. Văn-Tiên vừa ẩm chân tay,
Ngần-ngơ hồn-phách như say mới rồi.

945. Ngõ là mình phải nước trời,
Hay đâu còn hãy đứng ngồi dương-gian. (3)

947. Ngư-ông khi ấy hỏi han,
Văn-Tiên thưa tỏ mối đang gần xa. (4)

949. Ngư rằng : « Ngươi ở cùng ta ;
« Sớm khuya ẩm-úng một nhà cho vui. » (5)

951. Tiên rằng : « Ông lấy chi nuôi,
« Tôi nay chẳng khước quả muối trên cây.

953. « May mà trời nổi tới đây,
« Lấy chi báo-đáp, mệnh này trơ-trơ. »

955. Ngư rằng : « Lòng lão chẳng mơ,
« Dốc làm việc phải nào chờ trả ơn.

457. « Lão nhờ bọt nước cũng hơn (6)
Những câu danh lợi chẳng sờn lòng đây.

459. « Tiên dài, guyền vẫn vui vầy, (7)
« Đêm kia húng gió, tôi này chơi trăng.

961. « Ngày ngày thông thả làm ăn, (8)
« Khi thời chài lái, khi giăng câu dầm.

963. « Nghêu ngao nay bến mai dầm,
« Một bầu trời đất, vui thắm ai hay.

965. « Kinh-luân đỡ sẵn trong tay,
« Ngửa nghiêng trong nước, vui say
trong trời.

967. « Thuyền lan một chiếc ở đời, (9)
« Tắm mưa, chài gió giữa vời Hàn-
giang. » (10)

Đoạn XXXVIII (Câu 987 - 968)

May nhớ Giáo-thần cứu vớt, đưa Vân-Tiên vào bờ sông; sáng lại gặp ông Ngư, vớt lên mà xông hơi cho nữa. Ngư-ông hỏi đầu đuôi mọi sự, rồi bảo ở cùng ông, ngày tháng vui chơi, trời đất một bầu, thuyền lan một chiếc, đủ chơi trăng hứng gió giữa miền Hàn-giang.

(1) Giáo-thần là loài thường luồng thiêng.

(2) Ngư là làng chài đánh cá.

(3) Dương-gian là cõi đời.

(4) Đoạn này có bản chép là: Chàng kia hiền-sĩ gian-nan nổi gì? Vân-Tiên kể hết vãn vi, nổi tang gấp đến, nổi thì bỏ về. Bệnh đau tiền mất tật bê, tớ thì bị cộp, thầy thì bị sông. Ngư-ông nghe nói động lòng, dám xin hiền-sĩ ở cùng mấy tôi.

(5) Âm ứng là nói nhỏ nói to cùng nhau.

(6) Bọt nước là chỉ những vật ở trên mặt nước.

(7) Tiên là nhiều ống tre kết lại làm một cái đồ nhạc dễ thổi. Quyển là một cái ống tre có nhiều lỗ dễ thổi.

(8) Có bản chép là : Bến Tâm-dương, bãi Giang-lãng.

(9) Thuyền lan bởi chữ lan-chu, là cái thuyền làm bằng gỗ lan.

(10) Tâm mưa chải gió bởi chữ mội vũ trất phong, nói trái nhiều ngày tháng.

XXXIX

969. Tiên rằng : « Nhớ tới Hàn-giang,
« Vũ-công nhà ở gần đường đây chăng ? »

971. Ngự rằng : « Họ Vũ ở gần,
« Khỏi ba khúc vịnh thời lần tới nơi. » (1)

973. Tiên rằng : « Xưa có dặn lời,
« Dâu-gia bao nữ đòi dòi chẳng thương.

975. « Vợ chồng là nghĩa tao-khang,
« Chi bằng tới đó tìm phương gửi mình.

977. « Trăm năm muốn trọn ân-tình,
« Gặp khi hoạn-nạn sao đành bỏ nhau.

979. Nhớ câu cừ-tử ân sâu, (2)
« Xin đưa tới đó trước sau cho tròn. »

981. Ngự rằng : « Làm phận rẽ con
« Khác nào sợi chỉ mà lòn vào kim.

983. « E bay mà mỗi cánh chim,
« Bơ-vơ cánh cũ, khôn tìm rừng xưa. (3)

985. « E khi chận bước tới trưa,
Chờ tin sông cũ bến xưa mà lăm. (4)
987. « Mấy ai ở được hảo-tâm, (5)
Nặng hanh giúp nòn, mưa dầm giúp tới
989. « Mấy ai hay nghĩ việc đời,
Quên nơi nguy khổ, nhớ nơi sang giàu.
991. « Lão tuy trái việc buong câu,
« Găm trong việc nước, khác đâu việc nhà. »
993. Tiên rằng : « Trước đã ước mà, »
Ngư-ông sau phải lìm nhà đưa sang.

Đoạn XXXIX (Câu 969-994)

Vân-Tiên nhớ đến Hàn-giang, là chỗ Vũ-công ở đó, trước đã định ước, nay khôn lẽ bỏ nhau, dẫn lối đem đường, nhờ ông Ngư đưa cho tới đó. Ngư-ông bán giải, nổi nhân-tình chúng thủy mấy ai. Nhưng sau ông cũng phải đem Vân-Tiên đi.

(1) Vịnh là vụng nước.

(2) Cứu-tử là cứu cho khỏi chết.

(3) Phận bèn không dám làm quen với người cũ, ví như chim bay mới mà không tìm được rừng xưa.

(4) Việc đời ai làm lành thời được trước, ví như chận bước thời bến cũ cũng không chờ mình.

(5) Hảo-tâm là lòng tốt.

XL

995. Dắt Tiên vào chốn tiền-đường,
Vũ-công xem thấy, lòng càng hồ người.

997. Chẳng qua sợ thế-gian cười,
Mở lời gượng gượng chào người ngày xưa.

999. « Ngư-ông đã có công đưa,
« Về sau ta phải lo trả đến ơn. » (1)

1001. Ngư rằng . « Tôi chẳng trông ơn
« Cho tròn nhân nghĩa thời hơn bạc vàng. »

1003. « Nhớ xưa trong núi Lư-san, (2)
« Có ông Ngư-phủ đưa chàng Ngũ-viên. (3)

1005. « Đến sau Đình-trưởng nghị-
thuyền, (4)

« Đưa ông Hạng-vũ ở miền Ô-giang. (5)

1007. « Xưa còn thương kẻ mắc nạn,
« Huống nay bao nỗ lấp đường nhân-
duyên. »

1009. Ngư-ông từ tạ xuống thuyền,
Vũ-công xem thấy lòng phiền muộn thay.

1011. « Vân-Tiên người hỡi ngồi đây !
« Cho ta trở lại sau này liệu toan. » (6)

Đoạn XL (Câu 995-1012)

Vừa đi tới nhà, thấy Vũ-công ra
hình chào gượng. Vũ-công kiểm lời
tạ ân Ngư - phủ, nhưng ông Ngư
không chịu kể ơn. Lúc Ngư-ông ra
về, Vũ-công bảo Tiên ngồi lại, để vào
nhà trong.

(1) Câu này và câu trên lời Vũ-công nói.

(2) Lư-sơn là tên một hòn núi ở về phần đất tỉnh Hà-nam nước Tàu.

(3) Ngũ-viên là Ngũ-tử-Tư người nước Sở đời Xuân-thu ; lúc cha anh bị nạn, Tử-tư phải bỏ chạy qua nước Ngô, đi xin dọc đường, may đến phần đất Lư-sơn có ông làng chài giúp cho.

(4) Nghi-thuyền là cầm thuyền.

(5) Ô-giang là tên một bến sông ở về phần đất tỉnh Yên-huy nước Tàu. Lúc ông Hạng-vũ bị quân Hán đánh đuổi, chạy đến Ô-giang, có ông Đinh-trường cầm thuyền đợi đó, để đưa ông qua. Nhưng ông ấy không qua mà tự-vẫn chết ở đó.

(6) Câu này và câu trên lời Vũ-công nói.

XLI

1013. Công-rằng : « Mụ hỡi Quỳnh-trang !
« Cũng là ái-nữ Thái-loan thế nào ? (1)

1015. « Mặc bay toan liệu làm sao,
« Vốn không ép vợ, lẽ nào ép con. »

1017. Loan-rằng : « Gót đỏ như son.
« Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn. »

1019. « Ai cho sen húng một bồn, (2)
« Ai cho chanh khế sánh cùng lựu lê. »

1021. « Thà không trời chịu một bề,
« Há đem mình ngọc dựa kề vũ-phụ. » (3)

1023. Trang-rằng : « Quan phẩm,
danh-nho, (4)

« Rễ dâu có rễ dui mù thể ni,

1025. « Tai nghe người nói hội này,

« Có Vương-tử-Trực đậu rày thủ-khoa. (5)

1027. « Ta dầu muốn kết dâu-gia,

« Họ Vương họ Vũ một nhà mới xinh. »

1029. Công rằng : « Muốn tròn việc mình,

« Bày toán một chức dứt tình cho xong. »

1031. Trang rằng : « Nghe núi

Thương-lùng,

« Có hang thăm thăm bít bùng khôn ra,

1033. « Đông-thành nghìn dặm còn xa,

« Đem chàng bỏ đó, ai mà biết đâu. »

1035. Bóng cây trắng đã gác đầu.

Vân-Tiên ngồi trước nhà cầu thở than.

1037. Vũ-công ra trước đổ chàng.

Xuống thuyền cho trẻ đưa sang Đông-thành.

1039. Ra đi vừa lúc tan canh,

Đặt vào hang thăm bỏ đánh Vân-Tiên.

1041. Bỏ rồi ren-rén bước liền,

Xuống cây chèo quẻ tếch thuyền đã xa. (6)

Đoạn XLI (Câu 1013-1042)

Ông vào nhà sau, giả trò hỏi con hỏi vợ tính liệu làm sao? Tùy duyên con cha nào có ép. Khi ấy mẹ con thấy Vân-Tiên lưu-lạc, đều cũng không ưng; con nói mình ngọc không lẽ kể vũ-phu, mẹ ước rễ thủ-khoa, đợi gả

cho Vương-tử-Trực, Vũ-công chưa biết thế nào tính liệu, bà Quỳnh-trang bảo đem bỏ Vân-Tiên trong hang cho rồi. Ông nghe lời, mới đổi Tiên xuống thuyền, khiến người đưa về quê quán. Nào hay thuyền đi thăm thăm, dặt Tiên bỏ vào hang mà lui thuyền về.

(1) Ái-nữ là gái yêu.

(2) Bồn là chậu ; đầm dặt vầy tròn cũng gọi là bồn.

(3) Vũ-phu là thứ đá giống ngọc mà không phải ngọc. Cũng có nghĩa là bọn vũ-dũng.

(4) Quan-phẩm là phẩm quan, Danh-nho là học trò có tiếng.

(5) Thủ-khoa là đầu khoa.

(6) Chèo quế bởi chữ quế trạo, là cái chèo làm bằng gỗ quế.

XLII

1043. Tiên rằng : « Các chủ đưa ta,
« Công ơn xin đến quê nhà sẽ hay.

1045. « Cây lòng dốc trọn thảo ngay,
« Một phen cho khỏi, nghìn ngày chẳng
quên. » (1)

1047. Vẳng tai liếng nói hai bên,
Trong hang tăm tối, đá phén chất trồng. (2)

1949. Vân-Tiên khi ấy hải-hùng,
Nghĩ ra mới biết Vũ-công hại mình.

1951. Nức cười con tạo trở-trênh, (3)
Chữ duyên tráo-trác, chữ tình đổi trao.

1953. Kề ra tai nạn xiết bao,
Mới lên khỏi bến, lại vào trong hang.

1955. Dây sầu ai khéo vấn-vương,
Lánh nơi lưới thỏ, gặp đường bầy beo. (4)

1957. Trong hang trước quạnh sau
heo, (5)

Muốn ra cho khỏi, ai dìu ta đi.

1959. Oan gia ai khéo trước bày, (6)
Ôi thôi thân-thể còn gì mà loan.

1061 Đã đành xa cõi nhân-gian,
Lánh mình vào chốn thạch-bàn năm co. (7)

1063 Đêm khuya ngọn gió thổi lò,
Sương bay lác-đác, năm co lạnh lùng.

1065 Năm canh chịu khát rờn rờn,
Nhờ ba hoàn thuốc đỡ lòng hôm mai.

Đoạn XLII (Câu 1048-1066)

Tiên nằm trong hang, than vắn thở dài, nghĩ không biết thế nào ra cho khỏi; xiết bao đói khát, nhờ ba hoàn thuốc đỡ lòng hôm mai.

(1) Có bản chép là: Một phen tưởng đến nghìn ngày đáng quên.

(2) Đá phén là đá dựng như bức phén.

(3) Trở-trênh cũng như nói trên người.

(4) Có bản chép là : Tránh nơi núi kênh gặp đường hang beo.

(5) Quanh-hiu là lạng lẽ. Có bản chép là: Quanh hang đá mọc tai mèo.

(6) Oan-gia là nhà có oan-trái.

(7) Thạch bàn là bàn đá.

XLIII

1067 Du-thần xem thấy thương hoài, (1)
Xét trong mình gã có bài phù thiêng. (2)

1069 Mời hay sự Lục-vân-Tiên,
Cùng nhau điu dắt đều liền trở ra.

1071 Khỏi hang một dặm đã xa,
Tới nơi Đại-lệ trời đã rưng động. (3).

1073 Du-thần trở lại sơn-trung, (4)
Vân-Tiên còn hãi giấc nồng mê-mán.

Đoạn XLIII (Câu 1067-1074)

Lại nhờ trong mình có đạo phù thiêng, nên Du-thần thấy mà đưa ra khỏi, đưa đến nơi Đại-lệ, trời vừa sáng thì Du-thần trở lui.

(1) Du-thần là vị thần đi tuần-du.

(2) Phù thiêng là đạo bùa của thầy cho.

(3) Đại-lệ là tên một xứ đất.

(4) Sơn-trung là trong núi.

XLIV

1075 Lão tiều cơm gói sẵn sàng, (1)
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.

1077 Quen đường Đại-lệ là chừng,
Ra đi vừa thấy dấu chân bước vào. (2)

1079 « Ôi thôi cọp bắt người nào ?
« Người nào cọp bắt đem vào để đây.

1081 « Hủ hồn hủ vía lão này,
« Đi trưa chút nữa đốn cây gần rồi. » (3)

1083 Vân-tiên một giấc vừa rồi,
Xây nghe tiếng nói, -gắng ngồi dài kêu.

1085 Lão tiều nghe tiếng ai kêu,
Chân dò chẳng khác như treo cây đa. (4)

1087 Vừa bò vừa lết vừa la,
« Phen này mắc phải yêu-ma hại già. » (5)

1089 Tiên rằng : « Tôi vốn người ta,
« Vì chưng mắc nạn mới ra thế này.

1091 « Ngựa trông lưng cả cao dày,
« Cứu tôi một lúc ơn tày tái-sinh. » (6)

1093 Lão-tiều khi ấy hết kinh,
Lại gần liền hỏi sự-linh mới hay ?

1095 Chạnh lòng thương tới người ngay;
« Này này đưa lão dắt tay về nhà ». (7)

1097 Tiên rằng : « Đói đã xót xa ;
« Noy đã sáu bữa chẳng hòa vị chi.

1099 « Lại thêm rữ liệt tứ-chi. (8)
« Muốn đi theo đó mà đi khôn đời »

1101 Lão-tiều để ngựa nón tới.
Mở ra cơm gói, khuyên mời Vân-tiên.

1103 Trong mình ăn uống đã yên,
Lão ra sức mạnh cồng Tiên về làng.

Đoạn XLIV (Câu 1075-1104)

Tiên đương nằm ngủ, vừa có ông lão Tiều vào rừng đốn củi, gặp lấy Tiên ngỡ là yêu ma; Tiều mới la lên, Tiên mơ màng tỉnh dậy, kể sự mình bị nạn, để nhờ người cứu cho. Lão tiều cảm lời Tiên nói, giơ tay toan giắt về nhà; nhưng Tiên chịu đói đã lâu ngày, chân đi không được, Tiều mở đùm cơm gói đưa mời Tiên ăn ăn rồi Tiều ra sức cõng Tiên về làng.

(1) Lão-tiều là ông già kiếm củi.

(2) Có bản chép là : Đi qua nghe tiếng vang lừng, thở than.

(3) Mấy câu này lời Lão-tiều nói.

(4) Cây đa tức là cây gia. Đây nói chân run như trèo cây.

(5) Có bản chép là : Phên này mắc phải yêu ma hại mình.

(6) Tái sinh là sinh lần thứ hai.

(7) Câu này lời Lão-tiều nói.

(8) Tứ-chi là bốn chi-thể : hai tay và hai chân.

XLV

1105 Khi rời rừng ra lời đầu đường,
May đâu gặp một chàng Hán-minh.

1107 Lão-tiêu lật đật bốn trình, (1)
Hán-minh theo hỏi sự-tình một khi.

1109 Vân-tiên nghe tiếng cổ-trì, (2)
Nửa mừng, nửa sợ, nửa e phận mình.

1111 Minh rằng : « Nay hỏi nhân-
huynh ? (3)

« Ở sao nên nổi thân-hình thế nị. »

1113 Tiên rằng : « Chẳng xiết nói chi,
« Thân này nào có khác gì cây trời.

1115 « Lénh đénh gió dập sóng dồi,
« Rày sông mai bến mấy hồi gian-nạn. »

1117 Minh rằng : « Đấy khó hỏi hạn,
« Vào chùa ta sẽ luận bàn cùng nhau. »

1119 Tiêu rằng : « Chẳng khá nói lâu,
« Vào rừng đốn củi bán dầu chợ phiên. »

1121 Hán-minh theo hỏi lạ liền,
« Ông cứu đặng Vân-tiên bạn lành.

1123 « Đây hai lạng bạc trong mình,
« Tôi xin báo đáp chút linh cho ông. »

1125 Tiêu rằng : « Ta vốn chẳng dùng,
« Một mình ngao ngán non rừng hôm mai. (4)

1127 « Tấm lòng chẳng muốn của ai,
« Lộc cây gánh vác hai vai nặng-nề.

1129 « Bạn bè cùng với lộc mê, (5)
« Sớm đi vượn rước, tối về hổ đưa.

1131 « Mặc dầu bữa đói bữa no,
« Ai ngăn đòi nợ, ai ngừa bắt sưu.

1733 « Trong mình lánh việc công-hầu,
« Hôm mai non linh mặc dầu vui say. »

1135 Vân-tiên nghe biết người này,
Hỏi thăm tên họ, phòng ngày đến ơn.

1127 Lão-tiểu trở lại lâm-sơn. (6)
Tiên. Minh hai gã đều về am-mây.

Đoạn XLV (Câu 1105-1138)

Tiểu cùng Tiên ra khỏi rừng, đến
dầu đường gặp bạn tên là Hán-minh
chạy theo hỏi sự đầu đuôi, mới cùng
nhau kể hết gian nan mọi nỗi. Tiểu
giục đi mau, để về đón củi. Hán-minh
cảm ơn Tiểu cứu bạn mình, đưa hai
lạng bạc giả ơn, Lão-tiểu từ đi mà
không nhận. Tiên nghe biết Tiểu là
một người ân-dật, tiễn Tiểu trở lại
cùng Hán-minh đem nhau về

(1) Bôn là chạy.

(2) Cổ-tri là người quen biết cũ.

(3) Nhân-huynh là anh, chữ dùng để tôn
kưng nhau.

(4) Non tùng là núi có cây thông.

(5) Lộc mễ là hươu nai.

(6) Lâm sơn là rừng núi.

(7) Am mây bởi chữ Vân-am, chỉ cái am
trước chùa.

XLVI

1139 Tiên rằng : « Đã gặp khoa này,
« Cớ sao Ngọc-hữu ở đây làm gì ? »

1141 Minh rằng : « Xưa dõ xuống thi,
Gặp nhau miếu-vũ đến ai một lần.

1143 « Anh thời hồi quán tỉnh-thân, (2)
« Em mang tráp sách trước lần ra kinh.

1145 « Vừa đi tới quận Loan-link, (3)
« Gặp con iri-phủ Đàng-vinh là chàng. (4)

1147 « Giàu sang quen thói hoang-dãng,
« Gặp con gái tốt, làm ngang chẳng vì.

1149 « Tôi bèn nổi giận một khi,
« Vặt chàng xuống đó, bẻ đi một dõ.

1151 « Minh làm mình đề ai lo ;
« Chắp tay chịu bước nạp cho huyện-đường (5)

1153 « Vừa đẩy ra quận Sóc-phương, (6)
« Tôi bèn phá ngục tìm đường về đây.

1155 « Vừa may lại gặp chùa này,
« Mai-danh ăn-tích bầy chầy nấu nướng. » (7)

1157 « Vân-tiên nghe nói, chạnh thương,
Đều bày các việc gian-nan trong mình.

1159 Hân-minh nghe nói động tình,
Mỗi sa hột lệ như bình nước uy hiên.

1161 Tiên rằng: Nhớ cội xưa tiếng. (8)
« Tác cao tuổi lớn chịu phiên lao-đao.

1163 « Trông con như cá trông sao,
« Mệnh này há dễ phượng nào biết đâu.

1165. « Một vừng khăn trắng che đầu,
« Ba năm chưa trọn một cơn sinh thành.

1167 « Hiền-vinh chưa thấy hiền-vinh,
« Liễu-dồng trước đã vì mình thác oan.

1169 « Tưởng ra như cắt ruột gan,
« Tưởng bao nhiêu, lại chứa chan đôi lần.

1171 Minh rằng: « Người ở trong trần,
« Có khi phải gặp, cớ lẫn gian-nan.

1173 « Thấp cao vòng biết luồn vàng, (9)
« Gặp khi lửa đỏ, máu càng thêm ghê. (10)

1175 « Bảy giờ anh chớ vội về,
« Ở đây nương nấu toan bề thuốc thang.

1177 « Bao giờ hết lúc tai-nạn,
« Đem nhau ta sẽ lập đường công-danh.

1179 « Cam-la bị cực lại hanh, (11)
« Đứng đầu sĩ-tử cũng vinh mấy đời. (12)

1181 « Nền chẳng có đất có trời,
« Ra tay kinh-tế, việc đời cũng xong. » (13)

1183 Vân-tiên khi ấy an lòng ;
« Ở đây âm-tự bạn cùng Hán-minh.

Đoạn XLVI (Câu 1139-1184)

Tiên hỏi Minh khoa này sao không
thi, còn ở đó làm gì ? Minh kể việc đi
đến Loạn-linh gặp tên Đặng-sinh, cậy
thế con quan phủ, mà ức hiếp con gái,
mời đem bẻ đi một dò, phải chịu tội
đày ra Sóc-phương, sau phá ngục về
chùa ở ẩn. Tiên cùng Minh tự tình
hoạn-nạn, nước mắt chứa chan. Tiên
than thở vì xót mẹ khuất bóng, thương
cha đeo phiến, lại nhớ Tiêu-dồng thác
oan biết bao đoạn thảm ! Minh bàn
trăng có khi tròn khi khuyết, nước có

khi đầy khi vơi, thời cuộc đời bĩ thái là thường, hỡi nên bám chí. Bây giờ đương khi tai nạn, ở lại rồi toan bề lập thân. Tiên thấy Minh ân cần, mới cùng Minh ở lại nơi Am-tự.

(1) Ngọc hữu là bạn quý.

(2) Hồi-quán tỉnh-thân là về làng thăm cha mẹ.

(3) Loạn-linh là tên một quân nước Tàu, đời xưa có quan Thứ-sử cai-trị

(4) Tri-phủ là tên một chức quan cai trị một phủ.

(5) Huyện-đường là nhà thư làm việc quan trong một huyện.

(6) Sóc-phương là tên một quận đời Hán, tức là phần đất Nội-mông-cổ bây giờ.

(7) Mai-danh ầm-tích là tránh tiếng ầm dấn.

(8) Xuân thiêng bởi chữ linh-xuân, chỉ cha. Có bản chép là Tiên rằng: Trộm nhờ nhà thông.

(9) Bạ tri-kỷ biết nhau ví như vàng biết tuổi vàng.

(10) Vạn đồ ví như lửa đỏ.

(11) Cam-la là tên người nước Tần đời Chiến-quốc, con trai ông Cam-mậu, mười hai tuổi đã ra làm quan đi sứ qua Triệu, báo vua nước ấy cắt đất năm thành để thờ vua nước Tần. Bị là cực khô. Hanh là thông đạt.

(12) Sỹ-tử là học trò. Có bản chép là :
Muộn-màng Khuông-tử cũng vinh một đời.

(13) Kinh-tế là sắp đặt.

XLVII

1185 Vũ-công lấy việc trở trăn,
Dứt tình họ Lục, kết tình họ Vương.

1187 Kể từ hang thăm-hại chằng,
Thái-loan đánh dạ, lòng càng thêm vui.

1189 Ngày ngày trang điểm phấn đôi,
Phòng khi gặp gỡ đứng ngồi cho xuê.

1191 Phút đầu Tử-trực vừa về,
Vào nhà họ Vũ thăm bề Văn-liên.

1193 Công rằng : « Nhớ nổi Văn-liên,
Nó đã làm-bệnh hoàng-tuyền xa chơi. (1)

1195 « Thương chàng phau bạc như vôi,
« Cũng vì Nguyệt-lão xe lời chỉ hồng. »

1197 Nghe qua Tử-trực động lòng,
Hai hàng nước mắt rông rông như mưa.

1199 Than rằng : « Rày nhớ linh xưa,
Nghĩa đã kết nghĩa, tình chưa lỏ tình.

1201 « Trời cao nỡ hại người lành,
« Bông vàng chưa chiêm ngày xanh đã
mòn. 2)

1203 « Cùng em chưa được vuông tròn, (3)
« Người lành thời mất ta còn làm chi.

1205 « Trong đời mấy bức kỷ-trì, (4)
Mấy trang đồng - đạo, mấy nghi đồng-
lâm. » (5)

1207 Công rằng : « Ta cũng tội thâm,
« Tội duyên con trẻ sắt cầm dõ-dang. (6)

1209 « Thôi thôi đó chớ thở than,
Đây đà tình được một đàng rất hay.

1211 « Tới đây thời ở lại đây,
Cùng con gái lão vui vầy thất-gia. (7)

1213 « Phòng khi sớm tối vào ra,
« Thấy Vương-lũ-Trực cũng là Vân-tiên. »

1215 Trực rằng : « Là nghĩa bút nghiên, (8)
« Anh em trước đã kết nguyện cùng nhau.

1217 « Vợ Tiên là Trực chị dâu, (9)
« Chị dâu em bạn có đầu lổn nhai.

1219 « Chẳng kày người học sách chi,
Nói ra những chuyện dị-kỳ khó nghe.

1221 « Hay là học thói nước Tề,
« Vợ người Tử-cử đưa về Hoàn-công. (10)

1223 « Hay là học thói Đường-cung. (11)
« Vợ người Tiêu - lạt sánh cùng Thê-
đán. » (12)

1225 Vả-công mặt mũi sượng sần,
Miệng tro như đĩa ăn lăm phải vôi.

1227 Thái-loan trong trướng ra ngồi,
Mỉn chào « Thấy cử tân-khôi mới về. (13)

1229 « Thiếp đã chẳng trọn lời thề,
Lỡ bề dõ gói, lỡ bề nâng khăn. (14)

1231 « Tiếc thay lòng thỏ kháng
khăng, (14)

« Nấp rèm chờ đợi bóng trăng bày chầy. (15)
1233 « Chẳng ưng thời cũng làm khuây,

« Nỡ đem tiếng nói làm vầy chẳng kiếng »

1235 Trục rằng: « Ai Lã-phụng-Tiên, (16)

« Phòng loan đem thối Điều-Thuyền trêu
người. (17)

1237 « Mả chổng ngọn cỏ còn iuoi.

« Lòng nào lòng nỡ đem lời nguyệt-hoa. (18)

1239 « Ý xem vầy cũng người ta,

« Suy loài cầm-thú nào là khác chi. (19)

1241 « Văn-tiên anh hỡi cổ-tri ! (20)

« Suối vàng có biết việc này cho ta. »

1243 Tay lau nước mắt trở ra.

Về nhà sắm sửa tìm qua Đông-thành. »

1245 Vũ-công hổ thẹn trong mình.

Năm ngày nằm bệnh thất tình thác oan. (21)

Thái-loan cùng mẹ Quỳnh-trang,

Mẹ con đóng cửa để tang trong nhà. »

XLVII (Câu 1184-1248)

Vũ-công từ thấy Tiên ngộ biến, đứt
linh họ Lục, để kết tình họ Vương.
Chẳng bao lâu vừa Tử-trực về, vào
hỏi thăm Tiên nơi nhà họ Vũ, Vũ-
công nói Văn-tiên lâm bệnh đã chết
ra ma rồi. Tử-trực nghe động lòng
thương, than khóc vì trời hại người
lành, buồn rầu khôn xiết. Vũ-công
khuyên Trục đừng sầu não, Tiên đã
thiệt phận mất rồi, có vàng khôn

chuộc nữa. Thôi Thái-loan bây giờ cho kết duyên cùng Tử-trực, một nhà sum họp, được thấy Trục cũng như thấy Tiên. Trục nói Trục cùng Tiên là anh em bạn, có lẽ nào lại cười vợ nhau, đó là những thói dâm-ô, học thói Tề Đường ngày trước. Vũ-công hồ mặt, không thể trả lời, Thái-loan vừa ra, mím chào thầy cử, lại kiểm lời dễ ghẹo tình nhân. Nào hay Tử-trực mắng chửi một hồi, bỏ nhà Vũ-công mà đi tới Đông-thành thăm bạn. Vũ-công nghĩ má xấu hổ, nội năm ngày nằm bệnh chết luôn; mẹ con ở nhà đề tang, đóng cửa má không đi dâu nữa.

(1) Hoang-tuyền là suối vàng, nơi ở dưới đất.

(2) Bảng vàng bởi chữ kim-bảng, nơi bảng thi.

(3) Em là lời Tử-trực tự xưng.

(4) Kỷ-tri tức là tri-kỷ là người bạn biết mình.

(5) Đồng-đạo là đồng học. Đồng-tâm là đồng lòng.

(6) Sắt cầm xem chú thích câu 346.

(7) Thất-gia lấy chữ trong sách Mạnh-tử.

nói trai có vợ, gái có chồng.

(8) Nghĩa bút nghiên là ban học.

(9) Trục chỉ dân tức là chỉ dân của Trục, đặt treo như thế cho có văn.

(10) Tử-cử là em ruột Tề Hoàn-công, sau Hoàn-công giết Cử mà chiếm lấy vợ.

(11) Đường - cung là trong cung nhà Đường.

(12) Tiêu-lạt-vương là hiệu của Nguyên-cát, bị anh ruột là Thề-dân (tức là Đường Thái-tôn) giết đi mà chiếm lấy vợ.

(13) Tân-khôi là đậu dẫu.

(14) Bối tích thủ châu dãi thổ, nước Tống có người cày ruộng, một hôm thấy con thỏ chạy qua ruộng, đụng phải gốc cây mà chết. Nhân đó người ấy hôm nào cũng đến ôm gốc cây để chờ bắt thỏ; thỏ bắt không được mà người nước Tống ai cũng cười là cố-chấp, Chứ thỏ câu này cũng có nhà cho làm con ngọc-thỏ ở cung trăng.

(15) Câu này ý nói chực tiết phòng hương mà chờ người tri-kỷ.

(16) Lã-bổ tự là Phụng-tiên, người đời Đông-hán, thờ Đồng-trác mà thờ làm cha con, sau giết Đồng-trác.

(17) Diên-thuyền là tên một đứa con gái ông Vương-Doãn, vào thờ Đồng-trác mà dùng miệng làm cho Đồng-trác cùng Lã-bổ ngờ nhau, sau Lã-bổ giết Đồng-trác.

(18) Nguyệt-hoa là trăng noa, chỉ cách trai gái chơi bời.

(19) Cầm-thú là chim muông.

(20) Cổ-tri xem chú thích câu 1109.

(21) Thất-tình là bảy tình người ta. Đây nói Vũ-công chết vì bệnh nội-thương.

XLVIII

1249 Đoạn này tới đoạn Nguyệt-ngà, Hà-khê phủ ấy theo cha học-hành,

1251 Kiều-công lên chức Thái-khanh (1) Sai ra ngoài quận Đồng-thành trị dân.

1253 Ra tờ đòi khắp bốn phương, Hỏi thăm họ Lục nguồn cơn ở đời.

1255 Dạy quân đem bức thư mời, Lục-ông vâng lệnh tới nơi dinh-tiền. (2)

1257 Kiều-công hỏi chuyện Vân-tiên, Lục-ông nhớ tới bỗng liền khóc than :

1259 « Bảy lâu nghe tiếng đồn vang,
« Con tôi nhiễm bệnh giữa đường bỏ thầy.

1261 « Biết tin từ ấy lở nay,
« Phút nghe lời nói ngày rày lại thương. »

1263 Kiều-công trong dạ thăm thương. »
Trở vào nói chuyện cùng nương Nguyệt-ngà.

1265 Nga rằng : « Nhớ lúc đường xa,
« Xin mời họ Lục, đem ra hậu đường. »

1267 Kiều-công e sợ tiếng nương. (3)
Lục-ông vào chốn hậu-đường ngồi xong.

1269 Nguyệt-ngà đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng, khóc ròng như mưa.

1271 Công rằng: « Bức tượng ngày xưa,
« Nguyệt-nga con khá đem đưa người nhìn.»

1273 Tổ bày các việc như in, (4)
« Lục-ông khi ấy mới tin sự-tình.

1275 Công rằng: « Nghĩa cũ đình-ninh.
« Nhớ quên hai chữ ân tình thuở xưa.

1277 « Bạc vàng lễ mọn xin đưa,
« Cửa này làm nghĩa đũa xưa ơn chàng.

1279 Lục-ông đứng dậy đáp rằng:
« Tôi dân dân chịn bạc vàng làm chi.

1281 « Ngổ la con trẻ mất đi,
« Hay đâu cốt cách còn ghi tượng này.

1283 « Nay đã bắt được con đây,
« Tấm lòng thương nhớ cũng khuây được rồi»

1285 Lục-ông từ tạ xin lui,
Kiều công sai kẻ đưa hồi của cho. (5)

Đoạn (Câu 1246-1286)

Đoạn này lại kể chuyện Nguyệt-nga, theo Kiều-công ở Hà-tiên-Phủ. Nhân khi Kiều-công thăng chức, được hoán bổ tới quận Đông-thành, hỏi thăm quê quán Vân-tiên, viết thư mời Lục-ông đến hỏi. Lục-ông kể lời đồn đại, Vân-tiên nhiễm bệnh đã mất rồi. Kiều-công nghe cũng thảm thương, vào hậu-dương nói cùng Nguyệt-nga biết, và mời Lục-ông ra hậu-dương

ngồi đó, d' trò chuyện với nhau. Ông ra hậu-dương, thấy Nguyệt-nga còn ôm bức tượng mà khóc, Kiều-công bảo Nga đưa tượng ấy cho ông xem thử, thoi cốt-cách đều in. Kiều-công lại lấy tiền bạc đưa cho Lục-ông, nhưng ông từ đi không nhận, lại nói : « Ngõ con đã chết mất rồi, mà bây giờ lại được thấy, đoái trông bức tượng, cũng đủ làm khuây. Nói rồi từ tạ xin lui. Kiều-công bảo người đem đến nhà cho tiền của.

(1) Thái-khanh là chức quan khanh lớn.

(2) Dinh-tiền là trước dinh.

(3) Kiều-công nghe lời nói Nguyệt-ngà mà phải mời Lục-ông.

(4) Đoạn này có bản chép là : Nàng liền ren ren dăng lên, Lục-ông xem thấy như in con mình. Có sao hoa ảnh đồ hình, hay là mắc phải tội tình chi đây. Kiều-công khi ấy giải bày, Lục-ông nghe rõ mới hay sự tình.

(5) Hồi là đưa tới nhà.

LIX

128? Nguyệt-nga nhiễm bệnh nằm co,
Trong mình trăm mối, đã lo lại sầu.

1289 « Tôi đã chờ đợi mấy lâu,
« Đã không cho gặp buổi đầu thoi thoi.

1291 « Biết nhơn chưa được mấy hồi,
Kẻ còn người mất trời ối hồi trời !

1293 « Thuở xưa chưa giả mấy lời,
« Khá khen quân tử biết đời nào phai.

1295 « Thương vì người đáng anh-tài, (1)
« Nghề văn nghiệp vũ nào ai sánh cang.

1297 « Thương vì đèn sách có công,
« Bốn phương chưa được tang bằng một câu.

1299 « Thương vì hai tám tuổi đầu,
« Người đời như bóng phù-du lữ-làng. (2)

1301 « Thương vì chưa được hiển-vang,
« Nước trời hoa dật sớm tàn công-danh. (3)

1303 « Thương vì đôi lứa chưa thành,
« Vô hương bát nước ai dành ngày sau » (4).

1305 Năm canh tâm-tả hạt châu,
Đoái nhìn bức tượng, ruột đau như đời.

1307 Than rằng chưa được mấy hồi,
Ngày sau biết có gặp đôi chăng là.

1309 Kiều công trong trường bước ra,
Nghe con than thở, xói-sa lòng vàng.

1311 Khuyên con thời chó đa mang, (5)
Gẫm bề còn mất là thường xưa nay.

1313 Âm linh càng tưởng càng dầy,
Chẳng qua máy tạo đời xây chẳng
thường. (6)

1315 Nga rằng: « Không xiết nỗi thương,
« Khi không dứt gánh giữa đường nào hay,

1317 « Nay đã loen phượng lạc bầy, (7)
« Nệm nghiêng gối chểch phận này đã ưng. (8)

1319 « Biết bao nhiêu nỗi phong-trần,

« Sông Tương đưa bạn, cầu Ngân đưa
người. (9)

1321 « Thân con còn đứng giữa trời,
« Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi. »

1323 Kiều-công lòng rất chẳng vui,
Con đã thủ tiết, con xui lẽ nào.

Đoạn LIX (Câu 1287-1324)

Nguyệt-nga thương nhớ, mang bệnh
tương-tư, nằm canh khóc than : bỗng
dâu má kẻ khuất người còn, lần này
trót chẳng gặp nhau, ngày sau biết
có lần nào nữa. Những thương người
có tài có học mà xuân xanh đến thể
thời thôi ! Kiều-công thấy con buồn,
mới giải bán lễ xưa nay còn mất là
thương, chẳng qua tại vì duyên phận.
Nguyệt-nga nghĩ mình phận mỏng,
chán nỗi phong trần, một đời thời
thế là xong, xin cùng cha để thờ bức
tượng mà trọn đời thủ-tiết. Kiều-
công nghe nói buồn bã xiết bao !

(1) Anh-tài là tài giỏi.

(2) Phù-du là tên một loài trùng có cánh
thường năm cuối mùa hè đầu mùa thu
thời bay trên mặt nước, người ta thường
bảo thứ trùng ấy sớm mai sinh đến tối rồi
chết.

(3) Ngọc trời hoa đại bởi chữ thủy-lưu
nào-ta, tả cảnh lãnh đênh cực khổ.

(4) Chưa có con cũng đem ngày sau.

(5) Đa-mang là nhiều cảnh bần bịu.

(6) May tạo bởi chữ hòa cơ, nói việc trời
làm kín nhiệm.

(7) Loan-phượng là tên hai thứ chim
thường dùng để ví vợ chồng.

(8) Suốt đời chịu năm không một mình.

(9) Sông Tương là chỗ hai bà phi khóc
vua Thuấn. Cầu Ngân là cái cầu ở trên
sông Ngân để cho chúng Ngưu ả chực qua
lại cùng nhau.

L

1325 Có người chức cả ngôi cao,
Thái-sư chức chầu trong triều sắc phong. (1)

1327 Nghe đồn con gái Kiều-công,
Mới mười bốn tuổi chỉ hồng chưa loan.

1329 Thái-sư dâng lễ vật sang,
Mượn mối-dòng nói hết đang thông gia. (2)

1331 Kiều-công khôn ép Nguyệt nga,
Lễ đưa trả lại về nhà Thái-sư.

1333 Thái-sư chẳng biết rộng suy,
Đem điều oán hận lại ghi vào lòng.

1335 Phút đầu Phiên-quốc giao phong. (3)
Ô-quả nước ấy bình-nhung dấy loạn.

1337 Đành vào lời ải Đồng-quan. (4)
Sở-vương lòng sợ, hỏi han quần-thần. (5)

1339 « Sao cho yên nước yên dân ?

« Triều-trung ai có phép thần tấu quơ »

1341 Thái-sư nhân việc ở nhà,

Vội-vàng quì gối tấu qua mọi lời :

1343 « Vì xưa giãe nôi biri biri,

« Cũng vì thâm sắc ở đời Trung-hoa, (6)

1345 « Muốn nay khỏi dấy can-qua, (7)

« Đưa con gái tốt giao-hòa thời xong.

1347 « Nguyệt-ngà là gái Kiều-công,

« Mới mười bốn tuổi mà hồng đương xanh.

1349 « Nàng thêm quốc-sắc khuy-nh-thành. (8)

« Lại thêm hai chữ tài lanh rất ngoạn.

1351 « Trong triều có một mình nàng

« Gả cho Phiên-quốc ắt an mọi đường. »

1353 Sở-vương nghe đẹp lòng vàng,

Châu - phé Khiển - sử đem sang Đông-
thành. (9)

1355 Sắc sai : « Họ Kiều Thái-khanh,

Việc trong nhà nước đã dành cho người. (10)

1357 « Nguyệt-ngà nàng ấy nên người,

« Chọn ngày tháng chừ hai mươi cớ Hồ. »

Đoạn L (Câu 1325-1358)

Nguyệt-ngà nhan sắc khác thường,
có tiếng đồn đến kinh-quốc, quan
Thái-sư mượn người đưa mối, và đưa
lễ vật tới, xin kết đường thông gia ;
nhưng Nguyệt-ngà đã quyết một bề,
Kiều-công phải đưa lễ giả. Thái-sư
oán giận, đeo lòng hại người, nhân

khí có giặc Ô-quà, thiết kế giao hòa
 tàu cùng vua Sở, và tàu con gái đẹp,
 thời trong nước không có ai lấy con
 Kiêu-công, xin bắt cống vua Phiên,
 thời mới yên việc nước. Sở-vương khi
 ấy sai sứ qua Đông-thành, vâng lời
 sắc bảo Kiêu-công, cho nàng Nguyệt-
 nga đến ngày hai mươi tháng chín
 phải đem cống Hồ.

(1) Thái-sư là tên một chức quan lớn
 nhất trong cung.

(2) Mối-dong là người làm mối, Thông-
 gia là gả con cho nhau.

(3) Phiên-quốc là nước ngoài. Giao-
 phong là đánh nhau.

(4) Đồng-quan là tên một cửa ải nước Tàu.

(5) Sở-vương là vua nước Sở. Quần thần
 là các quan trong triều.

(6) Trung-hoa là nước Tàu.

(7) Can qua là đồng-mác, nói những đồ
 ra trận.

(8) Quốc-sắc là sắc đẹp hơn người trong
 nước. Khuynh-thành lấy chữ trong bài
 ca ông Lý-diên-Niên nói sắc đẹp con gái
 làm các người ta ham mê, đến nỗi thành
 nghiêng nước đổ.

(9) Châu-phê là chữ son vua phê. Khiến
 sứ là sai sứ.

(10) Người là chỉ Kiêu-công.

LI

- 1359 Kiều-công vàng chỉ cổng Hồ,
 Lòng ngay nào dám nói co lẽ nào (1)
- 1361 Nguyệt-ngà trong dạ như báo,
 Canh chầy chẳng ngủ những thao-thức
 hoải. (2)
- 1363 Thất-tình chàm cũng biếng cái,
 Dưa mản thở ngắn thở dài ngồi lo : (3)
- 1365 « Chiêu-quân xưa cũng cổng Hồ, (4)
 « Bởi người Diên-thọ họa đồ cho nên. (5)
- 1367 « Hạnh-nguyên xưa cũng cổng
 Phiên, (6)
- « Bởi người Lư-khý cựu-hiền còn ghi. (7)
- 1369 « Hai nàng trước đã phải đi,
 « Một vì ngay chúa, hai vì thảo cha.
- 1371 « Chiêu-quân nhảy xuống Hắc-hà, (8)
 « Thương vua nước Hán, phải ra liều mình.
- 1373 « Hạnh-nguyên nhảy xuống Tri-
 linh, (9)
- « Thương nghi Lương-ngọc, trọn mình
 được tha. (10)
- 1375 « Trời nay bạc phận là ta,
 « Nguyễn cùng bức lượng liếng đã chung-
 thân. (11)
- 1377 « Tình phu-phụ, nghĩa quân-thần, (12)
 « Tình mà chẳng trọn, Châu Trần sao nên (13)
- 1379 « Hai bên sửa cả hai bên, (14)
 « Muốn ngay cùng chúa, nữ quên ơn chồng,
- 1381 « Sa cơ một chút thời xong.

« Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự-phu. » (15)

1383 « Kiêu-công nương gởi đương sâu,
Nghe con than khóc mấy câu thêm phiền.

1385 Gợi vào ngồi dựa trường-tiền, (16)
Lấy lời dạy nhủ cho tuyền thân-danh.

1387 Chẳng qua là việc Triều-đình.
Nào cha có muốn ép tình chi con.

1389 Nàng rằng : « Con sá chi con,
« Bơ-vơ cái phận thác còn quản bao.

1391 « Thương cha tuổi hạc đã cao, (17)
« E khi ấm lạnh lúc nào biết đâu.

1393 « Nào trong thời-vận thêm sâu, (18)
« Sớm thắm, tối vắng ai hầu cùng cha. »

1395 Công rằng : « Chẳng nghĩ việc nhà,
« Hỡi an đạ trẻ mà qua nước người.

1397 « Hôm nay đã tới mồng mười,
« Phải toan sắm sửa hai mươi xuất-hành. »

1399 Nàng rằng : « Việc ấy đã đành,
« Còn lo hai chữ ân-tình chưa xong.

1401 « Con xin qua lạy Lục-ông,
« Làm chay bẻ bữa, trọn cùng Văn-tiến.

1403 « Xin cho ơn nghĩa vẹn tuyền,
« Phòng khi xuống chốn hoàng-tuyền gặp
nhau. »

Đoạn LI (Câu 1359-1404)

Sắc chỉ tới nơi, Kiêu-công chẳng
dám hờ môi, mà Nguyệt-ngà thời
khóc ngồi khóc đứng, kể lại Chiêu-

quân và Hạnh-nguyên việc cũ, cũng vì người mà bắt cống Hồ; tới nay nàng cũng phải đi, hãy học lấy hai nàng ngày trước. Kiều-công liệu lời khuyên dỗ, bảo việc ấy là tự Triều-đình. Nhưng nàng chỉ phản nán, cha già, biết lấy ai quạt nòng ấp lạnh; phòng khi mưa gió, biết nhờ ai viếng thăm. Kiều-công giục-giã xuất-hành, nàng còn xin qua nhà họ Lục, đề làm chay cho Vân-tiên, gọi là giã chửi nghĩa người, trước sau cho vẹn.

(1) Co bề qua cách khác.

(2) Thao-thức là tả cảnh ngủ không yên.

(3) Có bản chép là : Bên màn buồng xoa tóc dài ngồi lo.

(4) Bà Chiêu-quân tên là Vương-trường người trong cung vua Hán. Khi chọn người gái đẹp để cống nước Hồ, vua nhà Hán sai Diên-thọ vẽ bích các cung-bữ, sau chọn phải bà Chiêu-quân.

(5) Diên-thọ là tên một người thợ vẽ khéo đời Hán.

(6) Hạnh nguyên là con gái ông Trần. nhật-Thắng đời Đường, có thù với Lư-Kỷ, nên nàng ấy bị bắt đi cống nước Phiên.

(7) Lư-Kỷ là tên một người gian-thần đời Đường Túc-tôn.

(8) Hắc-hà là tên con sông ; Chiêu-quân đi cống Hồ gieo mình xuống sông ấy.

(9) Tri-linh là tên cái đầm ở sau lèn Lạc-nhạn ; lúc Hạnh-Nguyên đi cống nước Phiên, nằm mộng cảm lời Chiêu-quân mà gieo mình xuống đầm ấy.

(10) Mai-bích tự là Lương-ngọc, con trai ông Mai-khôi. Lúc Hạnh-nguyên đi cống Hồ bấy xuống đầm Tri-linh. Sau nàng ấy trở về nước Tàu, nhờ có chồng nàng là Mai-bích tâu xin vua Tàu tha tội cho.

(11) Chung-thân là trọn đời.

(12) Phu-phụ là vợ chồng. Quân-thần là vua tôi.

(13) Châu Trần là tên hai họ ở trong một làng mà đời đời làm thông gia với nhau.

(14) Sửa là chỉnh, thẳng.

(15) Báo chúa là trả ơn vua. Sự-phụ là thờ chồng.

(16) Trương-tiền là trước màn.

(17) Tuổi bạc xem chú thích câu 55.

(18) Câu này có bản chép là : Chỉ vì cha ngã bóng dâu.

LII

1405 Kiêu-công biết nghĩ trước sau,
Ban cho liền bạc cấp hầu đưa đi. (1)

1407 Lục-ông ra rước một khi,
Nguyệt-ngà vào đặt lễ nghi sẵn-sàng.

1409 Ngày lành lắm gọi lên đàn,
Ăn chay, nằm đất cho chàng Vân-liên.

1411 Mở ra bức tượng treo lên,
Trong nhà cho tới xòm diềng đều thương.

1413 Nguyệt - nga mắng tiếng khóc
chàng ; (2)

« Vân-liên chàng ở tuổi vàng có hay. »

1415 Bảy ngày rồi việc làm chay,
Lại đem liền bạc tạ rày Lục-ông ;

1417 « Trong chồng mà chẳng thấy chồng ;
« Đã đánh một phận má hồng vô duyên. (3)

1419 « Từ rày lĩnh-giá về Phiên, (4)
« Quyết lòng xuống chốn hoàng-tuyền gặp
nhau.

1421 « Chẳng chi cũng gọi tiếng dẫu,
« Muốn lo việc nước phải âu việc nhà.

1423 « Một ngày một cách một xa,
« Cửa này để lại cho cha dưỡng già. »

1425 Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,
Ngùi ngùi từ tạ bước ra trở về.

Đoạn LII (Câu 1405-1426)

Kiều-công nghe nói, cũng cấp tiền cho đi làm chay. Nàng liền sắm sửa lễ nghi, đưa qua nhà họ Lục, bày ra đàn cuộc, treo tượng lên làm chay bảy bữa. Việc chay đàn xong, lại trao tiền bạc cho Lục-ông dưỡng lão. Khóc than từ tạ, bước chân ra về.

- (1) Hầu là đứa tớ gái.
 (2) Chàng chỉ Văn-liên.
 (3) Vô-duyên là không duyên.
 (4) Linh-giá là bắt gả.

LIII

1427 Các quan xe ngựa bốn bề,
 Năm mươi thị nữ theo kè chân lay. (1)

1429 Hai mươi nay đã đến ngày,
 Các quan điều hộ đưa ngay xuống thuyền. (2)

1531 Nguyệt-ngà vội khiến Kim-liên,
 Lên hầu thân-phụ xuống thuyền thừa qua. (3)

1433 Công rằng : « Đã đã xót xa
 « Con đừng than khóc mà cha thêm sầu. »

1435 Nga rằng : « Non nước cao sâu,
 « Từ nay cách biệt, khôn hầu thấy cha. »

1437 « Thân con về nước Ô-quà,
 « Đã đành một nỗi làm ma đất người. »

1439 « Hai bên nam bắc xa vời,
 « Trước xin gửi lại một lời làm khuây. »

1441 « Hiu hiu gió thổi ngọn cây,
 « Ấy là hồn trẻ về nay thăm già. »

1443 Kiều-công hạt lệ nhỏ sa
 Các quan ai nấy thấy mà đều thương.

1445 Chẳng qua việc ở quân-vương. (4)
 Cho nên phụ-tử đôi đường xa-xôi. (5)

1447 Kéo buồm thuyền đã ra vời,
 Các quan đưa đón ngùi ngùi đứng trông.

Đoạn LIII (Câu 1427-1448)

Vừa ngày hai mươi, quan quân và thị-nữ đến đưa Nguyệt-nga xuống thuyền; nàng vội vàng đi không kịp thừa, sai Kim-liên mời Kiều-công xuống hầu chuyện. Công bảo phải sao chịu vậy, thôi đừng than khóc thêm phiền. Nàng nguyện về nước Ô-quả, thời khi nào trông ngọn cây gió thổi hiu hiu, ấy là cha con gặp mặt. Nghe lời nói thắm, ai đứng đó cũng luôn nước mắt như mưa; thuyền vượt ra khơi, cảm tình ly biệt.

(1) Thị-nữ là gái hầu.

(2) Điều-hộ là theo hộ.

(3) Thân-phụ là cha, chỉ Kiều-công.

(4) Quân-vương là nhà vua.

(5) Phụ-tử là cha con.

LIV

1449 Mười ngày vừa tới ải Đồng, (1)

Mông-mênh bề rộng dùng-dùng sóng xao.

1451 Hôm nay chẳng biết hôm nào,

Bóng trắng vất-vất bóng sao mờ-mờ. (2)

1453 Trên trời lặng lẽ như tờ,

Nguyệt-nga nhớ nổi tóc tơ chẳng tròn.

1455 Than rằng : « Kìa nước nọ non

« Cảnh nhìn như cũ, người còn đi đâu. »

- 1457 Quân hầu đều ngủ đã lâu,
 Lén ra dựa chõn, ngồi âu một mình. (3)
- 1459 Thề rằng : « Có bóng trắng thanh,
 « Trăm năm xin gửi chút tình lại đây.
- 1461 « Vân-tiên chàng hỏi có hay,
 « Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng.»
- 1463 Than rồi lấy tượng vai mang,
 Nhắm dòng nước chảy vội-vàng nhảy ngay.

Đoạn LIV (Câu 1449-1484)

Đi mười ngày vừa tới Ai-Đồng,
 trông mênh-mông một trời một nước.
 nhân lúc đêm khuya thanh vắng,
 nàng Nguyệt-nga nhớ đến tình-nhân,
 rồi mang bức tượng Vân-tiên, trăm
 mình xuống giữa dòng nước chảy.

(1) Ai-Đồng xem chú thích câu 1337. Câu này có bản chép là : Mười rằm vừa tới Ai-Đồng.

(2) Câu này có bản chép là : Vầng trăng mây vẫn bóng sao sương mờ.

(3) Câu này có bản chép là : Nàng ra dựa chõn rèm châu một mình.

LV

- 1463 Kim-liên thức dậy mới hay,
 Cùng quân thị-nữ một bày đều lo.
- 1467 Cùng nhau đều chẳng dám ho, (1)
 Thăm toan mưu kế chẳng toan lộ tình.

1469 Việc này là việc chiêu-dinh,
Đốc-quan hay được, đặt mình thác oan. (?)

1471 Muốn cho cần-thận trăm đường,
Kim-liên thế lấy làm nàng Nguyệt-nga.

1473 Trá-hôn về nước Ô-quả. (3)
Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu. (4)

1475 Tính đã xoug-xả chức mẫu,
Giao cho bộ-tốt rước châu về Phiên. (5)

1477 Ai hay là ở Kim-liên,
Đặng làm Hoàng-hậu nước Phiên một đời.

Đoạn LV (1463 - 1478)

Nguyệt-nga đã nhảy xuống nước,
quan quân và thị-nữ khi ấy ngo ngác
không biết lấy ai mà cống Hồ, bèn lập
kế với nhau, bảo nhau giấu kín, mà
khiến nàng tờ gái tên là Kim-liên thay
làm Nguyệt-nga, đưa sang để cống
Hồ, vua Hồ phong làm Hoàng-hậu.

(1) Bưng kín miệng chẳng dám hở cho
ai biết. Câu này có bản chép là : Lao xao
bàn bạc nhỏ to.

(2) Đốc-quan là chức quan chủ coi việc ấy.

(3) Trá-hôn là việc hôn-thú lừa dối.

(4) Vạch lá tìm sâu là câu tục-ngữ dùng
để nói ví kín đáo mà bởi móc cho tiết-lộ ra.

(5) Bộ-tốt là quân bộ. Châu cũng như
nói ngài, bà.

1505 Bài công đứng ngắm trăng nằng,
Chẳng trang đài-các, cũng hàng trăm-anh (6)

1507 Bàu đuôi nằng khá tỏ tình,
Nguyệt-nga lấy thực chuyện mình thừa qua.

1509 Bài công mừng rước vào nhà,
Thay quần đổi áo nuôi mà làm con.

1511 « Ta đây cũng có một con,
« Tên là Bài-Kiểm nó còn ở Kinh.

1513 « Trong nhà không gái hậu-sinh, (7)
« May mà lại gặp minh-linh giữa trời » (8)

1515 Nguyệt-nga ở đã yên nơi,
Đêm đêm nghĩ lượng một đời xót-xa.

1517 Một lo vì nước Ô-quà,
E vua bắt tội cha già thác oan.

1519 Hai lo vì gái hồng nhan, (9)
E người bảo-đường phòng loạn nổi gì. (10)

Đoạn LVI (Câu 1479 - 1520)

Ba chim ba nổi, kiếp Nguyệt-nga
nghĩ cũng buồn cười ! Từ lúc nằng
nhảy xuống giữa vời, sóng thần lại
dem vào trong lái. May lại gặp phật
Quan-âm cứu, dẫn nằng về chốn
vườn hoa. Lúc nằng nằm đó, chợt
thấy chiêm-bao dặn cho kiếm chỗ
nuơng thân, ngoài ba năm thời vợ
chồng lại gặp. Trời rụng đóng thời
nằng mới tỉnh dậy, tỉnh cờ lại gặp

Bùi-công dạo vườn. Công hỏi chuyện thời nằng kể đầu đuôi, xin Công cho ở lại. Bùi-công thấy người yếu-diệu, đưa về nuôi làm dưỡng-tử. Tuy nằng được thác thân vào đó, nhưng còn nghĩ nhiều phương, tiết hạnh trọn đời, giữ sao cho được.

(1) Âm-cung cũng như nơi âm-phủ, ở dưới đất.

(2) Quan-âm là biểu một đức phật.

(3) Vừng đông là mặt trời ở phía đông.

(4) Bùi-công là ông họ Bùi, cha của Bùi-kiệm.

(5) Hà-phương là phương nào.

(6) Đài - các là đền gác, nhà cửa sang trọng. Trâm-anh là cái trâm buộc dải, làm quan ở triều.

(7) Hậu-sinh là sinh sau.

(8) Minh-linh là tên một loài trùng mà con vò-vò thường nuôi, nhân đó gọi con nuôi là minh-linh. Câu này và ba câu trên lời Bùi-công nói.

(9) Hồng-nhan là má hồng.

(10) Bảo-dưỡng là nuôi-nấng.

LVII

1521 Nguyệt-nga luống những hồ-nghì.
Phút đầu Bùi-kiệm một khi về nhà.

1523 Ngày ngày xem thấy Nguyệt-nga,
Tình riêng thối những tưởng đã lòng xuân.(1)

1525 Thấy nường thờ bức tượng-nhân,(2)
Kiếm xem bức tượng lân khấn hỏi liền : (3)

1527 « Tượng này sao giống Vân-liên,
« Mấy lâu thờ có thiêng-liêng điều gì ? »

1529 Nàng rằng : « Làm phận nữ-nhi,(4)
« Một câu liết-hạnh phải ghi vào lòng. (5)

1531 « Trăm năm cho chọn chữ lòng,
« Sống sao thác vậy, một chồng mà thối. »

1533 Kiếm rằng : « Nàng nói sai rồi,
« Ai lưng bán đất mà ngồi chợ trưa.

1535 « Làm người trong cõi gió mưa, (6)
« Bảy mươi mấy mặt trái xưa đang nào. (7)

1537 « Chúa Đông xưa ở vườn đào, (8)
« Ông qua bướm lại biết bao nhiêu lần.

1539 « Chúa Đông ra khỏi vườn xuân, (9)
« Hoa tàn nhụy rữa là rừng bỏ hoang.

1541 « Ở đời ai cây giàu sang,
« Hoa xuân mà hết, nghìn vàng khôn mua. (10)

1543 « Hay chỉ những vãi ở chùa,
« Một gian cửa cấm, bốn mùa lạnh-lạnh. (11)

1545 « Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
« Mười hai bến nước đưa mình vào đâu.

1547 « Ai từng mặc áo không bầu,
« Ăn cơm không bữa, ăn trầu không cau.

1549 « Nường sao chẳng nghĩ trước sau,
« Đề ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình. »

1551. Nàng rằng : Xưa học Sử Kinh,
« Làm thân con gái chữ Trinh làm đầu,

1553 Chẳng ưa thói nước Trinh đầu, (12)
« Hẹn người tới cửa đem dầu lự tình. »

1555 Kiệm rằng: « Đã học Sử Kinh,
« Sao không suy xét để mình ngồi không ? »

1557 « Hồ-dương xưa mới hóa chông,
« Hỡi còn nhan-sắc Tống công-công vừa. (13)

1559 « Hạ-cơ kết-dũ thuở xưa,
« Sớm đưa Doãn-phủ, tới giữa Trần-quân. (14)

1561 « Hàn xưa Lữ-hậu đương xuân,
« Sánh cùng Cao-tổ, mấy lần Tịch-ky. (15)

1563 « Đường xưa Vũ-hậu còn ghi,
« Xương-lôn khi trẻ, Tài-ly duyên già. (16)

1565 « Cứ trông sách Sử nói ra,
« Một đời vui sướng cũng qua một đời.

1567 « Chính chuyện chẳng dám đời đời,
« Đam-liên thuở trước hết đời ra ma. (17)

1569 « Người ta chẳng muốn người ta,
« Cứ ôm bức tượng mặt hoa vỹ-vàng.

1571 « Càng nhìn càng bận lòng nàng,
« Học đòi Như-ý vẽ chàng Văn-quân. (18)

1573 Nguyệt-nga biết đũa tiên-nhân,
Làm thính toan chước thoát thân khỏi vòng.

Đoạn LVII (Câu 1521-1574)

Chẳng bao lâu Bùi-kiệm về, thấy Nguyệt-nga thờ bức tượng Văn-tiên, đem lời ước hỏi. Nàng nhận Văn-tiên là chồng nàng ngày trước, quyết

thờ bức tượng chọn đời. Kiệm dẫn sự tích đời xưa, nói đi bạn lại đề đồ dành Nguyệt-nga. Dầu nàng đã tỏ trong Kinh Sử lấy điều trình chính làm đầu, mà Kiệm cũng cứ đưa lời ngọt ngon, buông những thoi trong dân trên Bộc. Nàng đã biết ý, liệu thoát ra cho khỏi vòng.

(1) Long xuân bởi chữ xuân-tinh nói tinh ý ghẹo gái.

(2) Tượng-nhân là người tượng vẽ.

(3) Lân-khân là đương lạ mà tới gần là quen.

(4) Nữ-nhĩ là con gái.

(5) Tiết-hạnh là nết ở trình tiết.

(6) Câu này có bản chép là : Làm người sao chẳng tùy cơ.

(7) Câu này có bản chép là : Người nay học thói người xưa được nào.

(8) Chúa-Đông bởi chữ Đông-quân, làm chủ cho mùa xuân. Đây dùng để ví người con gái đương xuân như chúa Đông đương ở vườn hoa.

(9) Người con gái hết duyên ví như chúa Đông ra khỏi vườn xuân.

(10) Người ta phải tiếc buổi xuân xanh.

(11) Cửa cấm là cửa phòng tu-hành.

(12) Trịnh là tên một nước đời xưa có

thời dâm-bôn, trai gái hay hẹn hò nhau.

(13) Tống-công là ông Tống-hoảng. Đời Hán, chị vua Quang-vũ là bà Hồ-dương công-chúa thấy ông người đẹp muốn cùng kết duyên:

(14) Đời Xuân-thu liệt-quốc, nàng Hạ-cơ rất đẹp mà đa tình, thường ngày qua lại với Doãn-phủ và Trần-quân.

(15) Vợ vua Hán-cao-Tổ là bà Lữ-hậu tư tình với Tầm-tự-Ky nhiều lần, đến khi Cao-tổ băng rồi, cũng còn trẻ.

(16) Vợ vua Đường-cao-Tôn là bà Vũ-hậu, lúc vua băng, tiếm ngôi, tính rất hoang dâm ; buổi ấy có Trương-xương-Tôn tuổi trẻ người đẹp và Dương-tái-Ty khéo nịnh hót, bà rất yêu, bắt ở luôn trong cung. Có bản chép là : Xương-tôn khi trẻ Tam-tý lúc già.

(17) Đạm-tiên là tên người con hát đời xưa, có cả tài và sắc, ai cười cũng không chịu lấy, lúc chết còn trẻ tuổi.

(18) Nàng Như-ý gặp chàng Ngự-văn-Quân chỉ một lần mà vẽ ra được tượng truyền thần.

LVIII

1575 Bùi-công ngon ngọt đục trong, (1)
Muốn nàng cho dâng sánh cùng còn lạ.

1577 « Nàng đừng nghi nghị gần xa,
« Lương-duyên giải-cầu ấy là duyên thiên. (2)

1579 « Tôi đây duyên đã bén duyên,
« Trăng thanh gió mát cầm thuyền đợi ai?

1581 « Nhớ câu xuân bất tái lai, (3)
« Thấy nay hoa nở e mai hoa tàn.

1583 « Làm chi thiệt phận hồng-nhan,
« Năm canh gối phượng chần loan lạnh lờng.

1585 « Vọng-phu xưa những mong
chồng, (4)

« Mây xanh mòn mỗi má hồng phôi-pha.

1587 Thôi thôi nàng chớ thờ ra,

« Vầy cùng con lão một nhà cho vni. »

1589 Nguyệt-ngà giả cách mừng vui, (5)
Thưa rằng người đã ơn nuôi bấy-chầy.

1591 « Con đâu dám cãi lời này,

« Hỡi xin chậm chậm sẽ vầy nhân duyên (6)

1593 « Tôi vào lay tượng Vân-tiên,

« Chạy đàn bảy bữa cho tuyền thủy-chung. »

1595 Cha con nghe nói mừng lòng,

Dọn nhà sửa chốn động-phòng cho xuê. (7)

1597 Chiêu hoa gối xếp bốn bề,

Cồ-đồ bát-bửu mượn về chung ra. (8)

Đoạn LVIII (Câu 1575 - 1598)

Cha con Bùi-công dùng lời ngon ngọt, ép duyên Châu Trần, bản ra nói vào, kể mọi đường hơn lẽ thiệt, muốn Nguyệt-ngà kết duyên cùng Kiệm, cho khỏi thiệt phận má hồng. Nguyệt-ngà nghe lời, cũng giả vui mừng hăm hở,

nhưng còn xin chậm chậm, chờ làm chay cúng Vân-tiến rồi sẽ hay. Cha con bị náng đánh lừa, lấy làm mừng rỡ, chần loan gởi phượng, sắm sửa động phòng, tính việc thành hôn, đều vui chữ uyên ương đắc lữ.

(1) Lấy lời êm dịu mà bàn lẽ thiệt hơn.

(2) Lương-duyên là duyên lành. Giải cầu là gặp gỡ. Thiên là trời.

(3) Xuân bất tái-lai là xuân chẳng lại hai lần.

(4) Vọng-phu lấy tích đời xưa có người đi qua nước Sở lâu năm không về, người vợ lên trên núi đứng trông, lâu ngày hóa làm hoa dã.

(5) Câu này có bản chép là : Nguyệt-nga nghe nơi rạch rồi.

(6) Nhân-duyên là mối manh nhân do mà hai người di-duyên cùng nhau.

(7) Vọng-phòng là phòng kín, thường dùng để chỉ cái phòng về hôm mới rước dâu.

(8) Cỗ-đồ là đồ xưa. Bát-bảo hoặc bát bửu là tám thứ quý.

LIX

1599 Xảy vừa đến lúc canh ba,
Nguyệt-nga lấy bút đề vài bài thơ.

1601 Niêm lên trên vách một tờ, (1)
Vai mang bức tượng một giờ ra đi.

- 1603 Hai bên bờ bụi rậm rì,
Đêm khuya vắng vẻ nhằm khi trăng mờ.
1605 Trông chừng đường xá bơ vơ,
Có con đóm-đốm rạng rờ đi theo.
1607 Qua sông rồi lại lên đèo,
Để ngấm rầy chốn, ve kêu vang đồng. (2)
1609 Day rành đập sỏi thẳng xông,
Vừa may trời đã vừng đông rạng ngời.
1611 Nguyệt-nga đi đã đến rồi,
Gặp nơi bán-thạch tạm ngồi nghỉ chân. (3)
1613 Người noay trời đất cũng vắng. (4)
Lão bà chống gậy trong rừng đi ra.
1615 Hỏi rằng : « Nàng phải Nguyệt-nga ?
« Khá tua găng gượng về nhà cùng ta. (5)
1617 « Khi đêm nằm thấy Phật-bà, (6)
« Người đã mịch bảo nên già đến đây. »
1619 Nguyệt-nga bán-tín bán-nghi, (7)
Đánh liều nhắm mắt theo đi về nhà.
1621 Bước vào thấy những đàn bà,
Làm nghề canh cửi lụa là mà thôi.
1623 Nguyệt-nga đành dă ở rồi,
Là đây mới hết tới lui chốn nào.
1625 Hỏi thăm ra núi Ô-sào,
Đồng-quan mấy dặm đi vào tới nơi.

Đoạn LIX (Câu 1599-1626)

Vừa một hôm phong độ canh ba,
Nguyệt-nga lấy bút đề thơ, thề với
núi sông, khăng khăng giữ một niềm

băng tuyết, gián lên bên vách, rồi mang tượng ra đi, dè nẻo thẳng rong, bao quản nỗi dầy sương đập tuyết. Đến nơi bán thạch, ngồi nghỉ thì trời vừa rụng đông. Bồng đầu có một bà già, chống gậy lại hỏi, bảo nàng Nguyệt-nga gắng sức, đi về cùng bà. Nàng theo bà về nhà, đánh liều ở đó, hỏi thăm mới biết, chính là núi Ô-sào gần cửa Đồng-quan.

(1) Bài thơ trong tờ ấy người sau dịch rằng : Thuyền-quyên sớm đã gặp a-chùng, ngang ngựa vì đầu hồi hóa-công. Vàng đá cùng chàng đã gần bó, liều bỏ phận thiệp luống long đông. Bướm ong qua lại không sờn dạ, chiếc bà lênh đênh vốn giữa dòng. Một tấc niềm son ai thấu nhẽ, đôi vầng nhật nguyệt xel soi cùng.

(2) Câu này có bản chép là : Ve ngâm buồn bã, dễ kêu não nùng.

(3) Bán-thạch xem chú thích chữ thạch bản câu 1062.

(4) Vàng là giúp đỡ.

(5) Tua là nên, phải.

(6) Phật-bà là bà Phật.

(7) Nửa tin nửa ngờ.

LX

1627 Đoạn này tới đoạn ra đời,
Vân-liên thuở trước ở nơi chùa-chiền.

1629 Nửa đêm nằm thấy ông tiên,
Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.

1631 Kể từ nhiệm bệnh đường xa,
Đến nay kể lại trót đã bốn năm.

1633 Tuổi cha nay đã năm lăm, (1)
Chạnh lòng lại nhớ đầm đầm lệ sa.

1635 Vân-tiên trở lại quê nhà,
Hán-minh đưa khỏi năm bà dậm đường.

1637 Tiên rằng : « Ta lại cố-hương, (2)
« On nhau sau gặp khoa trường sẽ hay. »

1639 Minh rằng : « Nay vốn chẳng may,
« Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi.

1641 « Dám đâu bày mặt ra thi,
« Đã đành hai chữ quý-giàu chùa này. » (3)

1643 Tiên rằng : « Chi dặng tàn mây, (4)
« Ngày sau cũng tính sum vầy với nhau.

1645 « Bốn năm hôm sớm cháo rau,
« Khó hèn còn nhớ, sang giàu nỡ quên.

1647 « Lúc hư cũng có lúc nên,
« Khuyên người giữ dạ cho bền thảo ngay. »

1749 Hán-minh ở lại am-mây,
Vân-tiên về một tháng chầy tới nơi.

Đoạn LX (Câu 1627-1640)

Đoạn này là đoạn Vân-tiên đã gần ra đời, nổi Tiên lưu lạc đã nhiều gian

truân, nương dựa cửa chiến, cho qua
vận rủi, bốn năm trời mới chở về thăm
cha. Khi Vân-tiên ra về, Hán-minh
đưa chân lên đường. Tiên hứa cùng
Minh ngày sau làm nên sẽ tính mà
đều ơn trả nghĩa. Hán-minh ở lại,
Vân-tiên vừa một tháng trời về tới nhà.

(1) Lục-ông đã 55 tuổi.

(2) Cổ-hương là làng cũ.

(3) Qui-y là nương dựa.

(4) Bởi câu thanh-vân đặc-chí, nói cái chí
đi thì cho đầu như chân đạp mây xanh
mà tay vin quả đỏ.

LXI

1651 Lục-ông nước mắt tuôn rơi :

« Ai hay con sống trên đời cùng cha. » (1)

1653 Xóm làng chú bác gần xa,

Đều mừng chạy tới chập nhà hỏi thăm.

1655 Ông rằng : « Trót đã bốn năm.

« Con mang tật bệnh ăn nằm nơi nao.

1657 Tiên rằng : « Heo nạn xiết bao !

« Mẹ tôi phần mộ nơi nào đã an ? » (2)

1659 Đặt ra lễ-vật sẵn-sàng,

Đọc bài văn tế trước bàn minh-linh. (3)

1661 « Suối vàng hồn mẹ có linh,

« Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay

« 1663 Tưởng bề nguồn nước cội cây, (4)

« Công cao nghìn trượng, ơn dày chín trăng.

1665 « Suy người năm giá, khóc

mãng. (5)

« Hai mươi bốn thảo chẳng bằng đời xưa. » (6)

1667 Vân-tiên nước mắt như mưa,

Tế rồi lại hỏi việc xưa ở nhà.

1669 Ông rằng : « Có Kiều-nguyệt-Nga.

« Bạc vàng đem giúp, cửa nhà đang tuế.

1671 « Nhờ nương nên mới ra bề,

« Chẳng chi, khổ đói ở quê hư rồi. »

1673 Vân-tiên nghe nói hơi ôi,

Quên tình, nghĩ lại một hồi giầy lâu.

1675 Hỏi rằng : « Nàng ấy ở đâu ?

« Cho tôi tới đó đáp câu ân-tình. »

1677 Lục-ông kể việc triều-đình,

Đầu đuôi chuyện-vân tổ tình cùng Tiên.

1679 Kiều-công rày ở Tây-xuyên, (7)

Cũng vì mắc nịnh cướp quyền đuổi ra. (8)

1681 Tiên rằng : « Cảm nghĩa Nguyệt-Nga,

Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng. »

Đoạn LXI (Câu 1651-1682)

Vân-tiên về nhà, ai thấy cũng đều mừng rỡ. Lục-ông khi ấy, mới bỏi hết sự con lưu-lạc mấy năm. Vân-tiên hầu chuyện cùng cha, mới hỏi thăm đến má mẹ, bèn dâng một lễ xa đem tác thành, gọi là lòng con báo hiếu.

Dẫn già Lục-ông kể sự Nguyệt-nga giúp tiền giúp bạc, Vân-tiên mới hỏi chỗ nàng ở để qua đó mà hỏi thăm.

(1) Câu này lời Lục-ông than.

(2) Phần mộ là mồ mả.

(3) Minh-sinh hoặc minh-tinh là một bức bằng lụa hoặc bằng giấy sắc đỏ viết bằng phấn trắng những chữ vị hiệu của người chết. Bài văn-tế người sau dịch như sau này :

Hỡi ôi :

Sau đời vật đổi, dâu mọc biển tràn. Than âm dương nung đúc người đời, nghĩ mà quá ngán ; lò tạo-hóa gây nên cảnh nghịch, thấm thiết cho thân. Trước linh sàng khởi tỏa mấy lần, trông đường Bắc ruột đau như cắt ; niềm xúc dục nặng nề chín chữ, nhìn núi Nam lệ ứa đầy khăn.

Nhớ mẹ xưa :

Tính bạnh ôn tồn, dong nhan hồn hậu ; ngoài hương thôn gợi tiếng nhân-tử, trong tộc đảng khen bề hiếu thảo. Mọi điều ngăn nắp, giúp phụ thân vẹn chữ nghi-gia, mưuôn việc tảo tần, chốn khuê phòng vịnh câu hàn bảo. Rắp tưởng bách-niên giai-lão, lúc hiển vinh vui cái cùng con ; ai ngờ nhất-đán vô-thường, ơn dưỡng dục bao giờ bỏ báo. Cha còn đó mẹ nào có

thấy, nông nổi này cảm cảnh đường bao ;
con về đây mẹ bỏ đi đâu, nguồn cơn ấy kẻ
thêm phiền não. Lưng đưa đĩa muối, lòng
thành xin từ mẫu chứng minh. Sống khôn
thác thiêng, phù hộ cho an toàn gia-đạo.

Phục duy thượng hưởng !

(4) Bởi câu mộc-bản thủy-nguyên, nói con
có cha mẹ như cây có gốc và nước có nguồn.

(5) Năm giá bởi tích ngọa-băng cầu-lý,
đời Tống ông Vương-trường năm trên giá
để chờ bắt cá đem về nuôi mẹ. Khóc mưng
bởi tích khắp trúc sinh-duận, mẹ ông Mạnh-
tông thêm mưng mà ông ôm lấy khóm
trúc khóc mãi rồi tự-nhiên mưng mọc lên.

(6) Hai mươi bốn thảo là hai mươi bốn
người có hiệu : Ngu-thuấn, Hán-văn-Đế,
Tăng-sâm, Mãn-tôn, Trọng-do, Đồng-vĩnh,
Đàm-tử, Giang-cách, Lục-tích, Ngô-mạnh,
Vương-trường, Khoách-cự, Chu-thọ-Xương,
Dũ-kiềm-Lâu, Lão-lai-Tử, Thái-thuận,
Hoàng-Hương, Khương-thị, Vương-phẫu,
Đinh-lan, Mạnh-tôn, Hoàng-sơ-Cốc,
Dương-hương và bà Đường-phu-nhân.

(7) Tây-xuyên xem câu 155.

(8) Nhìn chỉ quan Thái-sư buổi ấy.

LXII

1633 Tây-xuyên mấy dặm thảng xông,
Tới nơi ra mắt Kiều-công khóc liền.

1685 Nàng còn ở chốn nước Phiên, (1)
Biết sao gặp được Vân-Tiên buổi này.

1687 Kiêu-công khiến ở lại đây,
Hôm mai thấy mặt cho khuấy lấm lòng.

1689 Vân-tiên ở một năm ròng,
Ôn nhuần Kinh sử để phòng ra thi.

1691 Xảy nghe rày đã đến kỳ,
Vân-tiên vào lạy xin đi ứng trường. (2)

Đoạn LXII (Câu 1688-1692)

Vân-tiên đi qua Tây-xuyên để thăm
Kiêu-công, Công vừa thấy Tiên, khóc
than kể sự Nguyệt-nga ở Phiên, gặp
được Vân-tiên lúc này, nói lòng trọng
rể thương con, mời ở lại trong nhà cho
được. Một năm-gia công đèn sách, đến
kỳ thi thời Vân-tiên xin về để đi thi.

(1) Câu này có bản chép là : Nguyệt-
nga rày ở bên Phiên ;

(2) Ứng-trường là tới trường thi.

LXIII

1693 Về nhà từ tạ Nghiêm-đường, (1)
Kinh-sư nghìn dặm một đường thẳng ra. (2)

1695 Vân-tiên trúng Trạng-nguyên
khoa, (3)

Nghĩ ra năm Tý thật là năm nay.

1697 Thuở xưa thầy nói tảo hay,
Bác-phương gặp chuột ra rày nên danh.

1699 Văn-tiên vào tạ Triều-đình,
Lịnh ban đai mào cho vinh-qui rầy. (4)

Đoạn LXIII (Câu 1698-1700)

Văn-tiên về nhà, thưa với nghiêm-
đường xin thưởng kinh ứng thí. May
sao khoa tỵ, chàng bèn thi đậu trạng-
nguyên, gấm cưa gấp chuột ra đường
nền danh, lời thầy thiết đứng. Tiên
vinh qui bãi tổ, nở nang mây mặt,
rõ ràng mẹ cha.

(1) Nghiêm đường chỉ cha.

(2) Kinh-sư là chỗ vua đóng đô, đất lớn
người đông.

(3) Trạng-nguyên là người đỗ đầu thuộc
về đệ-nhất-giáp trong khoa thi đình.

(4) Vinh-qui là thi đậu mà về làng.

LXIV

1701 Xảy nghe tin giặc Phiên-tây,
Bình vì ngoài Ai đã đầy Thỏ-san. (1)

1703 Sở-vương phân trước ngai vàng :
« Trạng-nguyên ra sức giúp loạn cho xong. »

1705 Trạng-nguyên qui trước bệ rồng :
« Xin cho một tướng theo cùng đề-binh. (2) »

1707 « Có người họ Hán tên Minh,
« Sức đương Hạng-vũ, mạnh kinh Trương-
phi. (3) »

1709 « Ngày xưa mắc án đày đi,
« Nay về ở núi Thúy-vi ăn mình. »

1711 Sở-vương phán trước Triều-đình,
« Dạy ra tha tội Hán-minh đòi về. »

1713 Tiên-phong hai chữ cờ đề, (4)
Hán-minh rày được dựa kê Ván-tiến.

1715 Đều đem binh-mã sấn lên, (5)
Xông sương đập tuyết lời miền Ai-quan.

Đoạn LXIV (Câu 1701-1716)

Buổi vừa có giặc Tây-phiên, phạm
ngoại cửa Ai vua xuống chỉ sai Trạng,
phải đi giúp yên. Tiên mới tâu xin cấp
cho một tướng đề binh theo nữa, và
tâu cử một người sức mạnh, tên là
Hán-minh, còn ở núi Thúy-vi, lãnh
mình trốn án. Sở-vương nghe lời
Trạng, xuống chiếu tha tội cho Hán-
minh, lại đòi về kinh, phụng mạng
đi tiên-quân hiệu lực. Hai đạo binh
mã, cùng nhau kéo tại Ai-quan.

(1) Thổ-san là tên núi Thổ.

(2) Đề binh là cầm quân.

(3). Hạng-vũ người nước Sở, sức mạnh
cắt nổi cái vạc. Trương-phi người đời Tam-
quốc, sức mạnh nhóm nổi cột đình.

(4) Tiên-phong là đạo quân đi trước.

(5) Binh-mã là quân ngựa.

LXV

1717 Bên Phiên hai tướng đương

đường (1)

Một chàng Hỏa-hồ, một chàng Thủy-long. (2)

1719 Lại thêm Cốt-đột nguyên-nhung, (3)

Mặt thau, tóc đỏ, tướng hung lạ lùng.

1721 Hán-minh ra sức tiên-phong.

Đánh cùng Hỏa-hồ Thủy-long một hồi.

1723 Hán-minh gây xuống đình-lối, (4)

Hai chàng đều phải một thời mệnh vong. (5)

1725 Nguyên-nhung Cốt-đột nổi xông.

Hai tay sách búa đánh cùng Hán-minh.

1727 Hán ra sức mạnh địch kinh,

Thấy chàng hóa phép, dạt mình chạy lui. (6)

1729 Vân-tiên đầu đội kim-khôi, (7)

Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.

1731 Một mình nhắm trận xông vô,

Cùng người Cốt-đột đánh cho tối ngày.

1733 Vội-vàng quay ngựa bằng ngay,

Truyền quân đi mau đề ngay ngọn cờ.

1735 Ba quân gươm giáo đều dơ,

Hỏa-ma xem thấy một giờ đều tan. (8)

1737 Phép ra Cốt-đột kinh hoàng,

Bình bưng nổi giận đánh cùng Vân-tiên.

1739 Vân-tiên bước tới trận-tiền, (9)

Cùng người Cốt-đột đánh liền tối ngày.

1741 Sa cơ một phút chạy ngay,

Trạng-nguyên giục ngựa kịp rầy đuổi theo

1743 Trái qua vừa dặng bảy đèo,

*Cầm thương Cốt-đột vận nghèo nài bao !
 1745 Chạy ngay qua núi Ô-sào,
 Gáp cåg, nên nổi sa hẻo thương ôi ! (10)*

Đoạn LXV (Câu 1717-1746)

Hàn-minh cầm cờ tiên-phong, đánh hai tướng là Thủy-long và Hỏa-hồ, hai tướng ấy đều bị giết. Tướng nguyên-nhung Cốt-đột lại xông vào, Minh sợ phải lui quân đóng lại, Tiên thay Minh ra trận, lại dùng thuật khu trừ, truyền quân lấy máu để cõ, lữ hỏa-ma đều lan mất ; Cốt-đột ra sức đánh, cũng bị thua chết luôn.

(1) Đường-đường tả cách oai nghiêm.

(2) Hỏa-hồ và Thủy-long là tên hai tướng Phiên.

(3) Cốt-đột là tên người. Nguyên-nhung là quan tướng vũ đầu hết.

(4) Đinh-lôi tức là lôi-đinh, nổi sấm sét ra oai.

(5) Mệnh-vong xem chú thích câu 136.

(6) Chàng chỉ Cốt-đột.

(7) Kim-khôi là tên cái mào vũ, dùng lúc ra trận.

(8) Hỏa-ma là ma lửa. Có bản chép là : Vân-tiên bèn hóa lửa hồng đốt tan.

(9) Trần-tiền là trước trậ.

(10) Hào là cái rãnh đào có nước.

LXVI

1747 Trạng-nguyên chém Cối-đội rồi,
Đầu treo cổ ngựa trống hồi thu quân.

1749 Chư-quân bốn phía đều lân, (1)
Trời đã tối mặt biết chừng gần xo.

1751 Trong mình đã đói xót xa,
Một mình trong núi biết ra ngõ nào.

1753 Xay quanh chong núi Ô-sào,
Nửa đêm bàn luận đường vào ngõ ra.

1755 Đoàn này tới đoàn Nguyệt-nga,
Ở đây lính đã hơn ba năm rồi.

1757 Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi,
Chẳng hay trong dạ bởi hồi chuyện chi.

1759 Quan âm lời trước còn ghi, (2)
Xui nên dạ thiếp éo le đợi hoài.

1761 Đã đánh đã nát vàng phai,
Đã đánh xuống chốn Tuyên-đài gặp nhau. (3)

1763 Nguyệt-nga chưa biết nỗi sầu,
Xảy nghe nhạc ngựa ở đầu lối nhà.

1765 Kêu rằng : ai ở trong nhà ?
« Đường về Quan-ải, chỉ ra cho mình ! » (4)

1767 Nguyệt-nga ngồi sợ, làm thinh,
Trạng-nguyên xuống ngựa tay chen lẫn vào.

1769 Lão-bà dậy hỏi : « Người nào ? »
« Đêm khuya lạ mặt dám vào nhà ta ? »

1771 Rằng : « Tôi Quốc-trạng Sở-gia, (5)
« Vì theo ghep giặc Ô-quà lạc đường ! »

*1773 Lão-bà nghe nói kinh-hoàng,
 đem trầu quạt nước vội-vàng bung ra.*

Đoạn LXVI (Câu 1747-1774)

Khi Vân-tiên đuổi giặc quá đường, tới núi Ô-sào thì trời vừa chạng-rạng, lẫn quanh trong núi, về Ai-quan không biết đường nào. Tiên lẫn hỏi thăm đường, vào nhăm chỗ Nguyệt-nga ở, đèn khuya chong bóng, thấy một nàng và một bà già, đường ngồi cùng nhau. Tiên hỏi thăm đường đi, thời không ai đáp cả. Tiên phải xuống ngựa vào thẳng, bà già hỏi thời Tiên kể sự đuổi giặc lạc đường; bà già mới nghe thất kinh, đem trầu nước ra chào quan Trạng.

(1) Chư quân là các đạo quân. Có bản chép là : Chung quanh rừng rú mấy lần.

(2) Xem những câu 1487-1490.

Tuyên-dài cũng như hoàng-tuyên, dạ-dài, nói ở dưới đất.

(4) Lời Trạng-nguyên nói.

(5) Sở-gia là nhà Sở. Lời Trạng-nguyên nói.

LXVII

*1775 Trạng-nguyên ngồi ngắm Nguyệt-Nga,
 Đoái nhìn bức tượng lòng đã sinh nghi.*

1777 Hỏi rằng : « 'Trọng' ấy lượng chi ?
« Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình. (1)

1779 « Đầu đuôi chưa tỏ sự-linh,
« Lão-bà khá nói linh-danh cho tương. »

1781 Lão-bà chẳng dám nói gian,
« Trọng này vốn thật chồng nàng ngồi đây »

1783 Trọng rằng : « Nàng xịch lại đây,
« Nói trong tên họ lượng này ta nghe. »

1785 Nguyệt-Nga dạ hỏi hồ-nghi,
« Liếc nhìn sống mặt, lại e là người. (2)

1787 Ngồi che tay áo hồ người,
Trọng-nguyên nghe nói mỉm cười một khi

1789 « Làm sao nàng chẳng nói đi ?
« Mấy lời ta hỏi-giống gì chẳng ra. » (3)

1791 Nguyệt-Nga thấy hỏi thừa qua :
« Người trong bức tượng tên là Vân-Tiên.

1793 « Chàng đã xuống chốn cửu-tuyền,
« Thiếp vì thương nhớ lánh miền gió
trắng. » (4)

1795 Trọng-nguyên khi ấy hỏi rằng :
« Chồng là tên ấy, còn nàng tên chi » »

1797 Nguyệt-Nga tỏ sự một khi,
Trọng-nguyên vội-vã xuống quì vòng tay.

1799 Thừa rằng : « Nay gặp nhau đây,
« Xin đưa bốn lạy sẽ bày nguồn cơn.

1801 « Mấy lời thệ hải minh-sơn, (5)
« Mang ơn trước phải tạ ơn cho rồi.

1803 Vân-Tiên vốn thực tên lỏi,

« Gặp nhau nay đã phỉ lời ước xưa. »

1805 Nguyệt-Nga bằng-lẳng bơ-lơ,
Nửa mừng, nửa sợ, nửa ngờ rằng Phiến.

1807 Thưa rằng: «Chàng phải Vân-Tiên,
« Xin bày việc trước căn-nguyên nhữm
là. » (6)

1809 Trạng-nguyên nói tích xưa ra,
Nguyệt-Nga khi ấy khóc hòa như mưa.

1811 Ân tình càng kể càng ưa,
Đương còn bên bậc trời vừa rạng ngời.

Đoạn LXVII (Cầu 1775-1812)

Vân-tiên ngồi ngó, thấy Nguyệt-nga ôm bức tượng mình. Trạng hỏi căn do thời Nga lấy tượng chồng mà đáp. Trạng lại hỏi tên họ người trong bức tượng, thời nàng kể sau trước của chuyện Vân-tiên. Trạng hỏi đến tên nàng, nàng lấy Nguyệt-nga mà đáp. Trạng mới nhận Vân-tiên là Trạng và cùng nhau kể lẽ sau xưa, chuyện vẫn suốt đêm, trời vừa rạng sáng.

(1) Dung-nghi là bộ giáng.

(2) Suồng là quen. Có bản chép là : Mặt nhìn giống mặt, người e là người.

(3) Có bản chép là : Mấy lời tôi hỏi phạm chi chẳng là ?

(4) Đất đặng là chốn chi đi to.

(5) Thế hỏi ai là chủ bởi bề mà thế.

(6) Căn nguyên là cội nguồn.

LXVIII

1813 Xảy nghe quân hét vang rầy,
Bốn bề bỏ bụi dầy vầy cạn-quá.

1815 Trạng-nguyên lên ngựa trở ra,
Ngọn cờ đề chức lên là Hán-minh.

1817 Hán-minh khi ấy đang binh,
Anh em mừng rỡ tỏ tình cùng nhau.

1819 Minh rằng : « Lương-tử ở đâu ? » (1)
« Cho em ra mắt chi dân thế nào ? »

1821 Trạng-nguyên đem Hán-minh vào,
Nguyệt-nga đứng dậy mừng chào quý viển. (2)

1823 Minh rằng : « Tướng chỉ ở Phiến
« Quyết đem binh-mã tới miền Ô-quá

1825 « Nay đã sum họp một nhà,
« Giệp đã yên giấc khỏi ca hồi-triều. (3)

1827 Trạng rằng : « Nàng tình làm sao ? »
Nàng rằng : « Anh hãy hồi-triều lâu lên,

1829 « Ngựa trông lưng rộng bề trên
« Xin tha tội trước mới nên những là. » (4)

1831 Trạng-nguyên từ tạ Lão-bà,
Dặn-dò gửi lại Nguyệt-Nga ngày rày.

1833 Ta thời lấy bức tượng này,
Tán qua khỏi tội rước ngay về nhà.

Đoạn LXVIII (Câu 1813-1834)

Sáng ngày Vâu-Tiên vừa trông thấy ngọn cờ Hán-minh, đứng lại tỏ tình cùng nhau, hai bên mừng rỡ. Minh hỏi chị ở đâu đề vào ra mắt. Tiên đem Minh trở lại, Nguyệt-ngà ra chào Minh bảo Tiên đem nàng về luôn, cho một nhà sum họp. Nguyệt-ngà bảo Tiên hải về triển tâu trước, rồi sau nàng sẽ về theo. Tiên mới từ tạ Lão-hà mà gửi nàng ở lại, rồi xin lấy bức tượng, về tâu tha tội cho Nguyệt-ngà.

(1) Lơng-tầu là chị dâu hiền lành.

(2) Quý viên cũng như nói quý-chức.

(3) Khải-ca hồi-triều là quân thắng trận bắt về kinh-đô.

(4) Tội trước là tội giả dối.

LXIX

1835 Tiên Minh hai ngựa trở ra,

Đem binh trở lại âu-ca một bề (1)

1837 Sở-vương nghe Trạng-nguyên về,

Cho quan ra rước vào kê bên ngai.

1839 Sở-vương bước xuống kim-giai. (2)

Tay ông chén rượu thưởng lai Trạng-nguyên.

1841 Phán rằng : « Trăm sự nước Phiên,

« Có người Cốt-đột phép tiên lạ lùng.

1843 « Nay mà trừ Cốt-đột xong.

« Thật trời sinh Trạng giúp trong nước nhà.

1845 « Vì đầu trước có Trạng ra,

« Lắm chi đến nỗi Nguyệt-Nga cổng Hồ. »

1847 Linh truyền đãi yến triều đô, (3)

Ăn mừng rày đã Tây ô giúp rồi. (4)

1849 Trạng-nguyên quý tấu một hồi,

Nguyệt-Nga các chuyện đầu đuôi rõ-ràng.

1851 Sở vương nghe thấu nguồn cơn.

Phản rằng : « Trẫm tưởng nàng còn ở Phiên.

1853 « Chẳng ngờ nàng với Trạng-nguyên.

« Cùng nhau đã kết tơ duyên lúc đầu. »

Đoạn LXIX (Câu 1835 - 1854)

Tiên cùng Minh kéo quân về triều, vua Sở cho quan quân đón rước. Trạng vào đến thời vua ban rượu thưởng, ngợi khen tài Trạng hơn Cốt-đột bên Phiên; lại tiếc không gặp Trạng lúc đầu, để đến nỗi Nguyệt-nga mắc lụy. Trạng-nguyên mới đem việc Nguyệt-nga sau trước, tâu lên vua nghe, vua mới biết Trạng cùng nàng đã có nhân duyên lúc trước.

(1) An-ca là ngòi hát.

(2) Kim-giai là thần: vâng, chỉ thêm vua:

- (3) Triều-đô là triều-đình và kinh-đô.
 (1) Tây-ô là nước Ô-quà ở phía tây.

LXX

- 1855 Thái-sư trước bệ liền tâu :
 « Tây thiên dấy giặc bấy lâu cũng vì.
 1857 « Trá-hôn oan cũ còn ghi,
 « Nguyệt-Nga nàng ấy tội khi đã đành. (1)
 1759 « Trang-Nguyên man lấu Triều-
 đình, (2)
 « Nào cần-nguyên trước sư-tình những chi?
 1861 Trang-nguyên ra trước bệ quý.
 Dâng lên bức tượng một khi làm bằng
 1863 Sở-vương xem tượng phán rằng :
 « Nguyệt-Nga trình-liết cũng bằng người xưa.
 1865 « Ô đời sao chẳng biết ngựa. (3)
 « Thiếu chi con gái mà đưa tới nàng.
 1867 « Dầu cho nhật-nguyệt rõ-ràng, (4)
 « Khén soi châu úp, cũng mang liếng đời. (5)
 1869 « Dưới trời ai dám cãi trời,
 « Việc này vì trăm nghe lời Thái-sư,
 1871 Trang-nguyên lấu sự Thái-sư,
 Lâm-sư chẳng dặng, lại tư oán thâm. (6)
 1873 « Gia thêm nỗi gã Trịnh-hâm,
 « Trịnh-hâm thuở trước mưu thâm hại tới.
 1875 « Nay đề rõ mặt việc rồi.
 « Ngựa trông lượng thánh tại-bồi thế nào? (7)
 1877 Sở-vương giận phán trong Triều,
 « Thái-sư muốn tính lẽ nào về sau ?

1879 Hay là Đồng-Trắc mưu sáu, (8)

« Nuôi thằng Lã-Bố phòng âu Hán-quyền.

1881 Hay là Nguyên-lái mưu riêng,

« Nuôi thằng Thôi-ngạn mong chuyên nhà
Đường. (9)

1883 « Hay là Yên-thạch thói gian, (10)

« Nuôi thằng Tần-biến phòng toan Tống triều.

1885 « Đời xưa tội nịnh biết bao,

« Thái-sư chửi có khác nào Tào ôi ! (11)

1887 « Toan chuyên gấm-ghé ngôi trời,

« Thấy người trung-trực, kiếm lời gièm pha.

1889 « Đến nay mới tỏ chính-tà,

« Cũng vì thuở trước tại ta lỗi dùng.

1891 « Thối ! hỡi ta cũng rộng dung,

« Thái-sư cách chức về cùng dân gian.

1893 « Trinh-hâm là đũa bạo-tàn,

« Giao cho Quốc-trạng mặc toan phép-hình.

1895 « Nguyệt-ngà là gái trung-tỉnh,

« Sãi phong quận chúa hiển-vinh cho đành.

1897 « Kiêu-công phục chức Thái-khanh,

« Lại phong tuần-phủ Đông-thành trị dân. (12)

1899 « Trang-nguyên thật đáng lương
thần (13)

« Sãi phong Tướng-quốc trưởng phần công-
khanh. (14)

1901 « Hán-minh phong chức Tổng-

bình, » (15)

Anh em mừng tạ dân-đình đều lui. (16)

Đoạn LXX (Câu 1855-1902)

Thái-sư tâu hặc việc Tây-phiên nhiều-loạn, cũng vì việc trả-hòn của Nguyệt-ngà. Lại hỏi Trạng lấy những việc gì để làm bằng chứng. Trạng mới quý dâng bức tượng, vua ban khen trình tiết của nàng, lại phán dân phép nước không minh, cũng vì nghe Thái-sư mà sinh việc. Trạng tâu việc Thái-sư thù oán cùng việc Trịnh-Hâm mưu hai ngày xưa, xin vua xử đoán công bằng, để răn kẻ khác. Sở-vương kể việc Đồng-trác và Tần-cối ngày xưa để luận tội Thái-sư cho cách chức hồi tịch. Còn tội Trịnh-hâm thời giao cho Trạng muốn làm thế nào mặc lòng. Lại phục chức Tuần-phủ cho Kiêu-công, phong Nguyệt-ngà làm Quận-chúa, Trạng-nguyên làm Tướng-quốc và Hán-minh làm Tổng-binh; mưa móc ơn trên, một thời vinh hiển.

(1) Khi là khi quân, nói đối vua.

(2) Man-tấu là tâu đối.

(3) Có bản chép là : Bởi chúng trước chẳng lo ngựa.

(4) Nhật nguyệt là mặt trời mặt trăng, nói vì việc vua soi xét.

(5) Châu úp bởi chữ phúc-hồn, vì chỗ kín đáo. Đây nói dẫu vua mình thế nào cũng không soi thấu đến việc nhỏ mọn.

(6) Sa là thông gia.

(7) Tài bởi cũng như nói tài xử, là xử đoán.

(8) Đồng-trác người đời Hán, nuôi Lã-bổ mà mưu tiếm ngôi vua Hiến-đế.

(9) Nguyên-tại người đời Đường, nuôi Thôi-ngạn mà mưu chuyển chính triều vua Đại-tôn.

(10) Vương-yên-Thạch người đời Tống, nuôi Tần-biến mà mưu chuyển chính đời vua Thần-tôn.

(11) Tao là Tao-tháo.

(12) Tuân-phủ là chức quan cai-trị đứng đầu một tỉnh hạt nhỏ.

(13) Lương thân là tôi giỏi.

(14) Trương-quốc là chức quan đầu triều, Công khanh là những chức quan lớn trong triều.

(15) Tổng-binh là chức quan coi hết các đạo quân.

(16) Đan-dinh là sân sơn đỏ, chỉ sân vua.

LXXI

1903 Hạ Vương, họ Hán, họ Bùi,
Cùng nhau uống rượu đều vui đều cười.

- 1905 Trang rằng : Xin hỏi một lời,
 « Trinh-hâm tội trước các người linh sao? »
 1907 Tử đạo dẫn Trinh-hâm vào, (1)
 Mặt nhìn thấy bạn miệng chào rằng anh.
 1909 Minh rằng : « Ai mượn kêu anh.
 « Trước đã đem thói chẳng lành thời thời.
 1911 « Dẫn ra chém quách cho rồi !
 « Đề cho gai mắt đứng ngồi cựa gao. »
 1913 Trục rằng : « Anh chờ nói ngang.
 « Giết ruồi ai dùng gươm vàng làm chi.
 1915 « Xưa nay mấy đứa vô-nghĩ, (2)
 « Dầu cho nó sống làm gì nên thân. »
 1917 Hâm rằng : « Nhờ lượng đại-nhân, (3)
 « Vốn tôi mới đại một lần xin dung. »
 1919 Trang rằng : « Ta đáng anh-hung,
 « Nào ai có giết đứa cùng làm chi.
 1921 « Thôi thôi ta cũng rộng suy,
 « Truyền quân mở cửa đuổi đi cho rồi. »
 1923 Trinh-hâm khỏi chết mừng vui,
 Vội vàng qui lạy xin lui ra về.

Đoạn LXXI (Câu 1903-1924)

Hàn-minh, Bùi-kiệm và Vương-tử-Trục, ngồi uống rượu cùng nhau : Trang đem hỏi tội Trinh-hâm thế nào nghị xử ? Minh bảo đem chém, Trục bảo nên tha, Hâm cứ lạy dài thú tội, xin miễn cho một lần, Trang cũng

không kể thẳng cùng, truyền đuổi đi cho rảnh. Hâm được khỏi tội, vội-vàng lạy tạ mà xin lui.

(1) Tả-đao là tên hình cầm gươm đứng hầu bên tả.

(2) Vô nghị là không có lẽ phép.

(3) Đại-nhân là người lớn, dùng để tôn xưng người trên.

LXXII

1925 Còn người Bùi-kiệm máu dê, (1)
Hỏi người cáo bệnh xin về kiêu sau.

1927 Hán-minh Tử-trực vào lâu :

« Xin đưa quốc-trạng gấp châu vịnh qui.

1929 « Một người Bùi-kiệm chẳng đi,

« Trong lòng đã thẹn cũng vì hổ hang. » (2)

1931 Trang-nguyên xe ngựa vội-vàng
Sai quân hộ-vệ rước nàng Nguyệt-ngà (3)

1933 Bạc vàng đem tạ Lão-bà,
Rước nàng đưa lời thẳng qua Đông-thành.

1935 Vồng điều, lọng đỏ, rèm xanh,
Trang-nguyên Tử-trực Hán-minh lên đường.

Đoạn LXXII (Câu 1925-1936)

Hồi này Trang sai đem xe ngựa rước nàng Nguyệt-ngà, Bùi-kiệm nghĩ đến chuyện ngày xưa ở nhà, trong lòng hổ thẹn mà xin cáo bệnh. Còn Hán-minh Tử-trực cùng nhau đưa Trang rước nàng qua Đông-thành.

(1) Máu dê là máu dâm dục, ví tính con dê đa dâm.

(2) Hồ-bang là hồ thẹn.

(3) Hộ-vệ là gìn giữ, giúp đỡ.

LXXII

1937 Trịnh-hâm về lời Hàn-giang,
Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay

1939 Trịnh-hâm phải cá nuốt thây,
Thật trời quả báo lẽ này rất mau. (1)

1941 Lâm người chẳng nghĩ trước sau,
Mưu sâu lại mắc họa sâu chẳng chầy.

Đoạn LXXIII (Câu 1937-1942)

Trịnh-hâm được tha, về đến Hàn-giang thời bị chìm thuyền chết dẫm.
Thế mới biết trời lòng lộng, đầu thừa mà ai lọt khỏi nào.

(1) Quả báo là ác nghiệt thời kiết quả báo ứng phải mắc tới vạ.

LXXIV

1943 Tiêu-dũng trước giờ mờ này,
Ngày qua tháng trọi đã đầy ba năm,

1945 Trót đi khuyên giáo mấy năm,
Tình đem hải cốt về thăm quê nhà. (1)

1947 Hiềm vì chẳng có người là,
Hãy còn thơ thẩn vào ra chưa về.

1949 Trạng-nguyên vươ lời Đại-dê
Truyền quân cher dạ lễ Hề-dồng xưa. (2)

1951 Tưởng tình sự-đệ quả ư, (3)

Cũng vì họ Trịnh thuở xưa mưu thâm.

1953 Đọc văn cảm động trong tâm,

Fai hàng nước mắt đầm-đầm như mưa,

1955 Xây dàu trời đất khéo đưa,

Tiểu-dồng chực tới đứng vừa một bên.

1957 Ngó vào bài vị thấy tên (4)

Chạnh lòng chàng mới khóc lên bấy giờ.

1959 Trạng-nguyên ngó lại thờ ơ.

Nửa tin rằng tờ nửa ngờ rằng ma,

1961 Tay lau nước mắt bước ra :

« Tiểu-dồng, con ở đâu mà tới đây ?

1963 « Thời con khá nói cùng thầy,

« Căn do chưa rõ cơ này làm sao ? » (5)

1965 Tiểu-dồng đặt gối lầu vào (6)

« Bấy lâu luống chịu âm-hao dải dải.

1967 « Bấy lời tự-sự đuổi đầu,

« Ba năm luống chịu thắm sâu tới nay,

1969 « Bấy giờ tờ đã gặp thầy,

« Vinh hoa một thuở, sum vầy nghìn

niên. » (7)

1971 Trạng-nguyên xe ngựa trầy liền.

Phút đầu đã tới gần miền Hàn-giang.

Đoạn LXXIV (Câu 1943-1972)

Tiểu-dồng từ khi bị Trịnh-hâm trói, bỏ ở trong rừng, sau ra được mà đi tìm Tiên, nghe người nói thầy đã chết rồi, liệu mình ở lại đất Đại-đề

giữ mã. Lăn lồi ngày tháng, trót cả ba năm. Trạng-nguyên ngờ Đồng chã rồi, nhân lúc đi qua Đại đẽ, truyền quân làm văn cùng tể. Nghe sự cùng tể, ai cũng tới coi, Tiểu-dồng đứng ngoài, nghe người đọc đến tên họ của mình, Đồng mới chạy ngay ra mà trình mặt, chuyện văn cùng nhau, Trạng mới đem Đồng về theo, chẳng bao lâu đã đến Hàn-giang đất cũ.

(1) Hải cốt là xương xóc.

(2) Hê-dồng là đưa trẻ theo hầu.

(3) Sư-đệ là thầy trò.

(4) Bài vị là tấm gỗ viết chữ vị hiệu người chết để thờ.

(5) Căn đo là cội-dẽ duyên-do.

(6) Đoạn này có bản chép là : Tiểu-dồng kẻ nét tiên nao, nổi Ham hãm hại buộc vào rừng hoang. Nổi bùm cứu khỏi tai nạn, nổi ồm ồ mà giữa đang tới nay. Mời hay gạo tờ nghĩa thấy, vinh hoa một cửa, sum, vầy bách niên.

(7) Vinh-hoa là sung sướng vẻ vang.

LXXV

1973 Vũ-công từ xuống suối vàng,
Thới-toán cùng mu Quỳnh trong đeo sầu.

- 1975 Mẹ con những mảng lo âu,
 Nguê Văn-tiên sống gặp châu công-danh.
- 1977 Rằng : « Ta xưa cũng ân-linh,
 « Phải ra đón rước chàng vinh-quí rày. »
- 1979 Loan rằng : « Minh ở chẳng hay,
 « E người còn nhớ những ngày trong hang. »
- 1981 Trang rằng : « Con có hồng-nhan,
 « Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa.
- 1983 « Vì dầu có nhớ lịch xưa,
 « Mẹ con ta lại đồ thừa Vũ-công. »
- 1985 Cùng nhau bàn bạc đã xong
 Soi gương đánh phấn, mai hồng rước duyên.
- 1987 Nay đã đến lúc Trang-nguyên,
 Hàn-giang về tới, xảy lên đông quân.
- 1989 Bạc vàng châu ngọc bao quanh
 Trang-nguyên đem tới đền ân Ngư-tiên.
- 1991 Ngư-Tiểu rày đã danh-tiêu (1)
 Ăn ra một buổi, của nhiều trăm xe.
- 1993 Trang-nguyên từ tạ ra về,
 Thấy Quỳnh-trang tới ngồi kề cửa quán,
- 1995 Thái-loan trước ngựa ân-cần, (2)
 « Mẹ con tôi tới hầu mừng Trang-nguyên
- 1997 « Phụ-thân đã xuống hoàng-tuyền, (3)
 « Xin thương lấy thiệp thuyên-quyên phận
 này. »
- 1999 Trang rằng bưng bát nước đầy,
 « Đồ ngay xuống đất, bốc rày cho xong ! (4)
- 2001 « Oan ra nợ trước trả xong,
 « Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời. » (5)
- 2003 Hán-minh Tử-trực đều coi.

« Nước cười hơ khéo làm môi trên ông !

2005 « Khen cho lòng chẳng thẹn lòng !

Còn mang một lời bẽ bồng làm chi ! » (6)

2007 Minh rằng « sao chẳng nhâm đi !

« Về cho lâu, lâu đỡ khi sách giầy » (7)

2009 Mẹ con đừng thẹn thùng thay,

Đều bền từ tạ lên rày bước ra.

2011 Trở về chưa kịp lời nhà,

Thấy hai ông cạo chạy ra đón đường.

2013 Thấy đều bắt mẹ con nằng,

Đem về lại bỏ trong hang Thương-tùng (8)

2015 Bốn bề đã lấp bít-bùng,

Mẹ con than khóc khôn trông đứng ngồi.

2017 Đời xưa trả nợ mấy hồi,

Tiếc lâu con phần điểm đời mấy lâu.

2019 Hỡi người làm vợ ngày sau,

Gặp khi hoạn nạn cùng nhau vuông tròn !

2021 Đừng còn bắt chước mẹ con!

Thức ăn mất kiếp, liêng còn bia danh.

Đoạn LXXV (Câu 1937 - 2022)

Trạng về Hán-giang, đường qua nhà
Vũ-công lúc trước. Mẹ con Thái-loan
kể tiếc chồng người tiếc rề, bán nhau
ra thú tính. Đường lúc Trạng còn
cầm tạ ông Ngự ông-Tiểu, đã thấy hai
mẹ con đã đứng chờ ngoài cửa. Thái-
loan kể sự Vũ-công tạ thế, xin Trạng

thương đến chút tình, nhưng Trạng
nhắc lại chuyện Chu-mãi-Thần, Hán-
minh và Tô-trực cũng chửi mắng
cho một hồi đến tẻ. Mẹ con hổ thẹn,
cáo từ ra về ; ra đến giữa đường thời
gặp hai ông cọt công đi mải. Oan-già
báo ứng, nghĩ thế mà ghê !

(1) Danh tiên là tên đã tiên biết cho
người ta biết. Có bản chép là : Tuy rằng
ơn chẳng bao nhiêu.

(2) Ân cần là cựa kẻ, khăn vó. Có bản
chép là : Trái-loan kẻ lẽ xa gần.

(3) Phụ-thần là của chỉ Vũ-công.

(4) Đời Hán ông Chu-mãi-Thần lục hàn
vi, vợ bỏ đi lấy người khác. Sau Mãi-thần
làm quan, vợ xin trở về ; Mãi-thần sai lấy
bình nước đổ xuống đất rồi bắt hối lại
không được, người vợ xấu hổ đi tự vẫn.

(5) Đòi là tôi đòi. Có bản chép là : Tài
chỉ sang quí mà vầy tôi tôi.

(6) Bẻo bông cũng như dúi xia xỏ, gá găm.

(7) Tần-tâu là chỉ, chữ trong sách Tam-
quốc-Chi thường dùng.

(8) Thương-tùng là tên cái bang Vũ-công
bỏ Vân-tiên lúc trước.

LXXVI

2023 Trạng-nguyên về tới Đông-thành.(1)
Lục-ông nay đã xây dinh ở làng.

2025 Bọn ra' lục-lễ sẵn sàng. (2).
 Các quan đi họ, cưới nàng Nguyệt-nga,
 2027 Su-gia đã ríng su-gia.

Rày mừng hai họ một nhà thành thân. (3)
 2029 Trăm năm doi rạng linh thần,
 Sinh con được nối gót lân đời đời.

Đoạn LXXVI (Câu 2028-2030)

Trạng - nguyên về làng xây nhà
 dựng cửa ; Lục-ông sắm sanh các lễ,
 mời các quan đi cưới nàng Nguyệt-
 nga. Hai họ mừng vui, một nhà sum
 họp, sinh con đẻ cháu, đời đời được
 nối nghiệp ông cha.

(1) Đoạn này có bản chép là : Trạng-
 nguyên về đến Đông - thành, Lục ông nay
 đã xây dinh sẵn rồi. Trương đẳng kết thẻ
 trong ngoài, các quan văn vũ đều thời đến
 đông. Nguyệt-nga lễ cưới vừa xong, tốt
 thay thục-nữ aah-hùng sánh đôi. Trúc mai
 sum họp thêm vui, càng sâu bề ái, càng
 dài nguồn ân. Vinh hoa nhớ lúc phong trần,
 chữ tình hãy gác chữ ân phải đến. Hán-
 dânb, Tử trực, Văn-tiên, ngựa xe vớng giá
 hàng miền quốc xta. Tới nơi bụi vắng
 rừng thưa, cảnh cội rêu dẫu, người xưa
 mất rồi. Cùng nhau bàn bạc một hồi, đích
 rằng ông quán là người cõi tiên. Cho nên

trọng sĩ yếu hiền, trước sau bảo hộ Vân-tiên mấy đời. Công thầy ơn nặng bề giải, chúng nhau tìm đến nay thời tạ ơn. Trước sau mọi nỗi chu toàn, bổng đâu có việc nhà vàng gia ân. Sở-vương mến cảnh âm vân, không còn muốn trọn hiền thần nối ngôi. Trạng-nguyên lương đồng tại giới, lệnh truyền triệu đến trước nơi pè rồng. Truyền ngôi hiền dụ thông dong, việc nua việc nước trăm mong cậy hiền. Noi theo Nghiêu Thuấn bia truyền, muốn năm trăm được tiếng khen chọn người. Vân-tiên vàng lĩnh nối ngôi, móc mưa thuận trời trong ngoài trăm quan. Lệnh truyền xa thuế ba năm, võ-về trăm họ, gia ân muốn nhà. Thái-hoàng phong chức cho cha, mẹ thời thái-bậu móc xa cửa-tuyên. Nguyệt-nga trình tiết muôn nghìn, sắc phong chính-hậu chương quyền tam-cương. Nhạc-gia ân-ông-bia Kiêu-công, sắc phong Tru-quốc tạ lòng ngày xưa. Hán-minh trí dũng mưu cơ, sắc phong Đô-đốc sớm trưa việc ngoài. Họ Vương chỉ khi anh tài, sắc phong hộ-gia thưởng bài công lao. Tiên dơng trung nghĩa làm sao, sắc phong Ngự-mã vào chầu bên. Trong ngoài thăng thưởng, vừa yên, dăng trình lại phó Khâm-thien định ngày. Vua cùng vãn vũ hội bày, tiên đưa Tiên đến am-mây tu hành. Nhà yên,

ước trị, dân bình, muôn năm ghi để thơm danh lâu dài.

(2) Lục-lễ là sáu lễ : Nạp-thái (bỏ trần), Vấn-danù (ấn bối), Nạp cát (cáo nhà thờ), Nạp-trung (dẫn đồ), Thiêh-kỷ (xin dâu) và Thân-nghinh (raóc dâu).

(3) Thành-thân là thành bà con thân thiết.

(4) Gót lán dõ chữ lán-chỉ trong kinh Thi, nói ví con cháu nhà quan.

LXXVII

2031 Mới hay muốn sự ở đời, (1)

Hại người trời hại, cứu người trời thương.

2033 Làm người hề có luân-thương, (2)

Nặng mưa chẳng sợ lại nắng chút nào. (3)

2035 Làm người phải nghĩ mấy nao !

Cây quỳên cây thể được sao với trời.

2037 Thanh bần giữ phận an vui, (4)

Nơi nhàn giữ nhà có hồ sấm vang.

2039 Thong dong tập buổi thừa-nhàn, (5)

Đều đuổi soạn lại mấy hàng đưa chen.

2041 Nôm na đủ vụng hay nên,

Cũng xin lượng bề bông đèn thút cho.

Đoạn LXXVII (Câu 2031 - 2042)

Nem thể mới biết ở đời lắm ác thời
 mang tai, lắm lành thời được phúc ;
 kẻ dác chí không nên cây thể, mà

người thất thời hãy cứ yên tâm, qui cho đức hạnh vẹn tròn, có lúc hoàng-thiên bất phụ Nhân khi thanh thả diễn lời truyện ra làm quốc-âm, thò vụng mấy hàng, xin ai miễn thứ.

(1) Đoạn này có bản chép là : Hiêm vì cách trở đôi nơi, nên chỉ phải tả vài lời ngâm nga. Để mà chờ đợi nho-gia, phải tu tiết hạnh mới ra lịch người. Đừng còn hi nghĩ việc đời, cần do tự ý hỏi trời mà thôi.

(2) Luân tượng là đáng bậc và đạo tượng người ta ở đời.

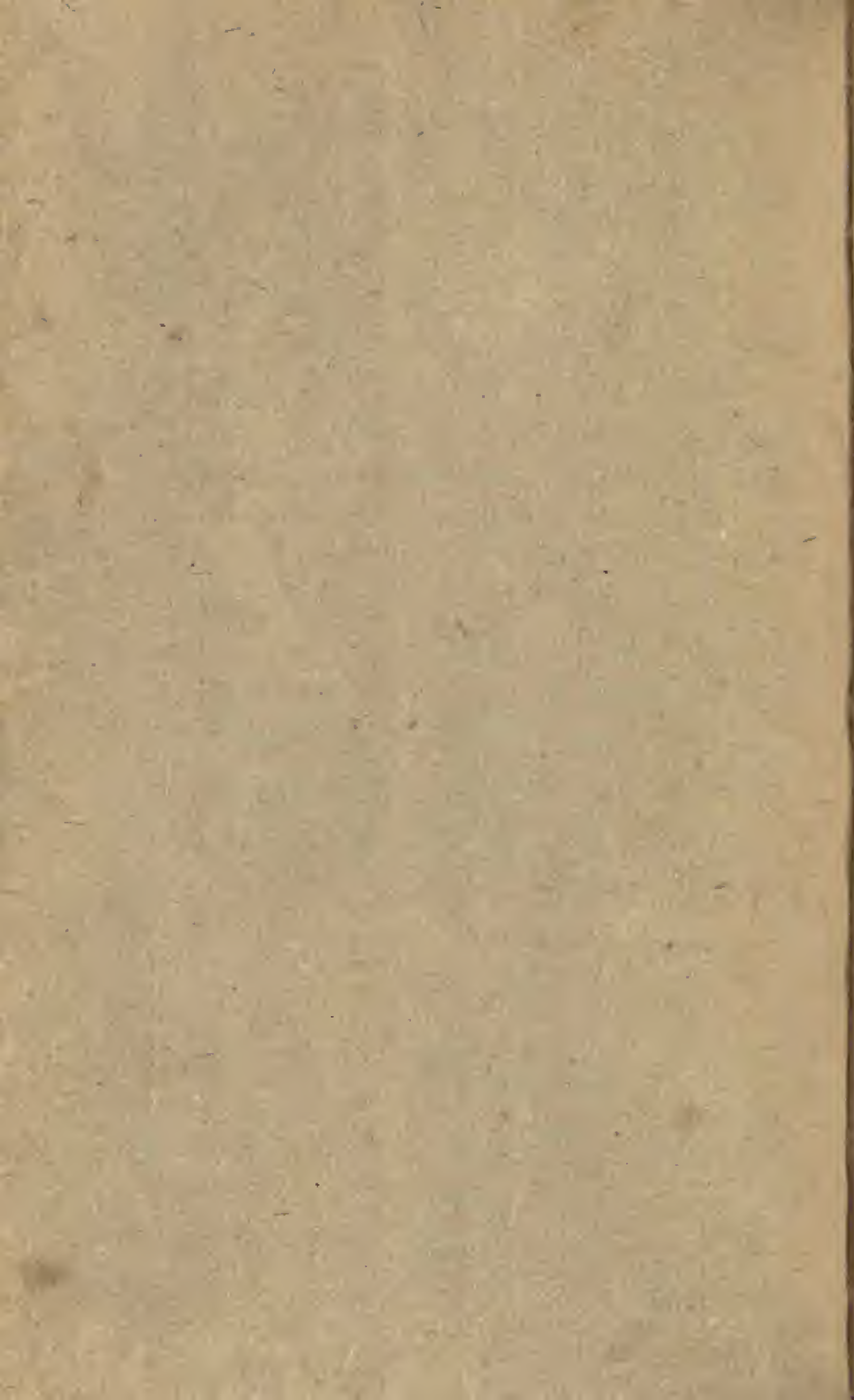
(3) Tai-giơng là tai va.

(4) Thanh-bán là nghe cách thanh-ho.

(5) Trưa-nhân là nhân lúc thông thả.

(6) Lượng bề là chỉ lòng rộng. Bóng đèn là chỉ mắt sáng.

CHUNG



Tùng san

Vân-Tiên và Túy-Kiều

Ý kiến của thi-sĩ VITA

Không bàn về văn-chương và nghệ-thuật của hai giai-tác « Túy-Kiều » và Lục-Vân-Tiên » do hai nghệ sĩ đem tiếng đồn lòng khác điện gieo rắc xuống đường tơ, tôi chỉ đứng về mặt tâm-lý và luân-lý bày tỏ ý kiến dưới đây :

1. Về tâm lý : Tôi tưởng không có gia-đình nào đem gương hiếu đễ và trình tiết của nàng Kiều để dạy con, em, và tôi nghĩ một người chồng dẫu hiền đức, dể dãi đến đâu cũng không chịu có một người vợ nầy đi với anh nầy, mai cặp với anh kia, rồi quay về gia-đình, bảo : « chữ trinh còn một chút nầy... » Trừ những anh chồng đang điếm hoặc những kẻ chỉ biết có danh vọng và tiền, phần đông có lẽ không chịu như thế. Có người sẽ hỏi : « yên mà cần gì xác thịt ? ».

— Vâng. Nhưng không cần xác thịt của kẻ khác chứ có phải không đếm tới xác thịt vợ con, em cháu của các ông đâu ?

Tôi thường thấy nhiều tác-phẩm hô hào thuyết trình tiết ở tình thân, không kể xác thịt. Nhưng chính các nhà văn ấy giữ gìn vợ, con, em cháu mình cần thận còn hơn anh ta tiện ngồi rũ trước tử tiều.

Trái lại, ai cũng có thể bắt chước và thích n nhiều tình tiết Nguyệt-Nga vì cũng như nhà hiền triết Pascal đã nói về đạo : « Anh theo đạo nếu anh bị thiệt, anh không bị thiệt gì, còn nếu anh được, anh được cả », bắt chước Nguyệt-Nga là có lợi chừng không có hại.

2. Về luân lý — Trong quyển « Túy-Kiều » không có nhân vật nào đáng làm gương cho kim với cổ sei chung cả.

Trái lại, luân-lý của quyển Lục-Vân-Tiên hợp với tình-thần tốt đẹp của toàn cõi Á-Đông. Sở dĩ nước Việt-Nam

được tồn tại và được người ngoài quốc cảm mến — nếu không cảm phục — là nhờ nền luân-lý cao thâm. Tuy có nhiều khổ khát, nhưng nền lễ tiết được hợp theo hoàn cảnh và thời thế, nền luân-lý ấy là nguồn gốc của sự tấn hóa tinh thần xã hội. Ông « Lạc-Vân-Tiên » có thể ví như điều kiện để

« Thục-Kiến » rèn tay nhai tri thức, từng trải sự đời, là một món ăn ngon của tinh thần. Còn vào tay thanh niên nam nữ — đặc biệt học thức rỗng — nó cũng là một món ăn ngon nhưng không bổ và hơn nữa, có chất độc làm tinh thần rối loạn. Khi cuốn vào đường như nhóp hủ hồng một đời. Thế cho nên nhà vua Việt-Nam (Minh-Mang hay Tự Đức ??) có truyền rằng : « Nam bất khán Thục-hử, nữ bất kiến Thục-Kiến », tôi nghĩ không phải là vô lý.

« Lạc-Vân-Tiên » cũng là một món ăn ngon bổ, nhưng không kén chọn. Thiển nghĩ dầu nó dễ hội hồ tinh thần trao đổi độc hại, kể có tuổi tác trước để suy nghiệm cuộc đời giới muốn, sau để dạy con, cháu biết bổn phận làm dân, làm vợ, làm chồng và bần hàn.

Thục-Kiến thật đáng thương ! Thương một người tài sắc song toàn phải chịu bất hạnh trọn một kiếp xuân xanh, tiếc đáng tiếc một kẻ tài hoa để cho bọn phẩm phu tục tử « mưa Sở mây Tần » còn riêng mình nào biết có xuân là gì ». Nhưng xét về luân lý, Kiến không đáng khen chỉ căm. Còn Nguyệt-Nga tuy bị hoạn nạn, gian truân, nhưng từ linh hồn lẫn xác thịt không bị hoen ố, đến sau tài tử được ngộ giải-nhân... Nếu không có gì đáng thương nhiều thì cũng không có gì đáng ghét cả.

Như tôi trên kia, đây là ý kiến thô-sơ, quả mùa của tôi về tâm-lý và luân lý. Trong hai quyển sách của hai thi-sĩ am hiểu uyên thâm nho học, Còn về văn-chương ? Tôi không dám nghĩ tới. Nhưng tôi có ý tưởng này : Một đàng là bản « Phụng hoàng cầu » giọng oán (Thục-Kiến), còn một đàng là bản « Lưu-hàng-rương » giọng oán (Lạc-Vân-Tiên), biết so sánh làm sao?

VITA

HÀNH-PHÚC — Saigon

Viết những lịch-sử ký-tự, danh-nhân truyện-ký, hoặc soạn những tập sử từng triều đại một để dần dần đi đến bộ sử đại toàn — Cũng có thể đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích có giúp ích cho sử học.

Những chuyên-san phổ-thông triết học

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình, các ngành triết học cả đông và tây, khảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.



Chương trình biên tập trên đây, sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong các bậc trí thức cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có hạn, mà tài lực của chúng tôi cũng có hạn, cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu quý một tập chuyên-san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá bán cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như về việc định giá, chúng tôi chỉ ước ao làm vừa lòng các Ngài về giá-trị chuyên san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. B. N. S.

Những chuyên san dự ước xuất bản trong 1943

Juillet :	LỤC VÂN TIÊN DẪN GIẢI của ĐÌNH XUÂN-HỘI (200 trang 1\$50)
Août :	TRẦN THÚ ĐỘ <i>Danh nhân truyện ký của TRÚC-KHÊ</i> (0\$80)
Sept. :	TRƯƠNG VINH KÝ <i>Khảo cứu của LÊ-THANH</i> (0\$80)
Oct. :	KHÔNG GIÁO LÃY GÌ LÀM CỐT TỬ ? <i>Khảo cứu của MAI ĐĂNG-Đệ</i>
Nov :	QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI của NGUYỄN ĐỒ-MỤC
Déc. :	BA LOẠI VĂN <i>Hội thảo của VŨ NGỌC PHAN</i>

Phô Thông Chuyên San

in trên giấy dó pha

Số «CHUYÊN SAN» này in trên giấy dó pha. Thử giấy này, màu hơi đen nhưng vẽ cỡ kính rất hợp với tính chất những tập Phô Thông Chuyên San. Giấy dó pha dai, bền, mới không ảu, giá đắt hơn giấy ngoại quốc nhiều, lúc thái bình chỉ dùng để in những bản sách quý.

NHÀ VĂN HIÊN ĐẠI

của VŨ - NGOC-PHAN

Toàn bộ 5 quyển, đã xuất bản hai quyển :

A. — Các nhà văn lớp đầu :

QUYỀN I : Những nhà văn hồi mới có chữ quốc ngữ. — Nhóm « Đông-Đương Tạp-Chi » — Nhóm « Nam-Phong Tạp-Chi. »

QUYỀN II : Những nhà văn độc lập :
a— Biên khảo ; b— Tiểu-thuyết ; c— Thi-ca.

Đang in quyển thứ III :

B. — Các nhà văn lớp sau :

QUYỀN III : Các nhà viết bút ký, lịch sử, phóng sự, khảo cứu và phê bình — Các kịch gia và thi gia.

Quyển I : 2\$ — Quyển II : 2\$50

895.92912

N573-C53

Ng Đình Chiểu, 1822-1888, LVTiên

T